



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

Lý luận dạy học

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC I

DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

ĐỖ NGỌC THANH - BÙI TẤT THON

GIÁO TRÌNH **LÝ LUẬN DẠY HỌC**

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC I

(Dùng cho BDCB & GV các trường THCN)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

Lời giới thiệu

Nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp văn minh, hiện đại.

Trong sự nghiệp cách mạng to lớn đó, công tác đào tạo nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát triển nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Quán triệt chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, giáo trình đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, ngày 23/9/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 5620/QĐ-UB cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đề án biên soạn chương trình, giáo trình trong các trường Trung học chuyên nghiệp (THCN) Hà Nội. Quyết định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Thành ủy, UBND thành phố trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Thủ đô.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những kinh nghiệm rút ra từ thực tế đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường THCN tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình một cách khoa học, hệ

thống và cập nhật những kiến thức thực tiễn phù hợp với đối tượng học sinh THCS Hà Nội.

Bộ giáo trình này là tài liệu giảng dạy và học tập trong các trường THCS ở Hà Nội, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho các trường có đào tạo các ngành kỹ thuật - nghiệp vụ và đóng đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp, dạy nghề.

Việc tổ chức biên soạn bộ chương trình, giáo trình này là một trong nhiều hoạt động thiết thực của ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô để kỷ niệm “50 năm giải phóng Thủ đô”, “50 năm thành lập ngành” và hướng tới kỷ niệm “1000 năm Thăng Long - Hà Nội”.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chân thành cảm ơn Thành ủy, UBND, các sở, ban, ngành của Thành phố, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng phản biện, Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu các chương trình, giáo trình.

Đây là lần đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, bất cập. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để từng bước hoàn thiện bộ giáo trình trong các lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Bài mở đầu

1. Mục tiêu

• Về kiến thức:

- Có những kiến thức lý luận cơ bản nhất, thiết thực nhất của quá trình dạy học bao gồm: Mục tiêu, nội dung dạy học; nguyên tắc dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; đồ dùng, phương tiện dạy học; kiểm tra, đánh giá trong dạy học.

- Có khả năng vận dụng các vấn đề lý luận dạy học cơ bản vào nhiệm vụ dạy học cụ thể.

- Có những cơ sở lý luận để phân tích, đánh giá công tác dạy học của bản thân cũng như của đồng nghiệp một cách khoa học, tạo tiền đề phát triển và nâng cao trình độ sư phạm của bản thân cũng như của tập thể sư phạm nhà trường.

- Có hiểu biết cơ bản về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của công tác dạy học trong các trường, lớp trung học chuyên nghiệp (THCN), dạy nghề.

- Hiểu được nội dung công việc, nguyên tắc và cách thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảng dạy. Trên cơ sở đó học viên vận dụng vào hoạt động thực tế giảng dạy của bản thân nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học.

• Về kỹ năng:

- Biên soạn bài giảng và vận dụng các vấn đề lý luận dạy học cơ bản vào quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học của bản thân một cách có hiệu quả.

- Biết vận dụng các lý luận dạy học cơ bản vào việc tự phân tích, đánh giá bài giảng của bản thân, phân tích, đánh giá bài giảng của đồng nghiệp. Trên cơ sở đó, học viên đúc rút, tích lũy kinh nghiệm góp phần từng bước nâng cao năng lực và trình độ sư phạm của bản thân

• Về thái độ:

- Tự bồi dưỡng, tự rèn luyện, nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của bản thân.

- Có ý thức, trách nhiệm, lòng yêu nghề nghiệp và tính tích cực trong hoạt động sư phạm.

2. Khái quát nội dung

Giáo trình biên soạn căn cứ theo Quyết định số: 1672/TH-DN ngày 18/8/1992 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành chương trình “Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm bậc 1 cho giáo viên các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề”, trên cơ sở chương trình Giáo dục học nghề nghiệp và môn Lý luận dạy học thực hành nghề do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Lý luận dạy học trong lĩnh vực giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp chứa đựng những vấn đề của lý luận dạy học đại cương nói chung, những đặc thù của lý luận dạy học các bộ môn nghề nghiệp nói riêng. Cho nên khi biên soạn, giáo trình này có sự kết hợp giữa lý luận dạy học đại cương và lý luận dạy học bộ môn.

Nội dung giáo trình bao gồm 7 chương, nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản, có chọn lọc của bộ môn Lý luận dạy học với những nét đặc thù của giáo dục nghề nghiệp.

Cấu trúc nội dung:

Chương 1: Quá trình dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Chương này cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về: mục tiêu đào tạo, quá trình đào tạo, quá trình dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; đặc điểm, bản chất, mục đích và nhiệm vụ dạy học mang những nét đặc thù riêng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Thông qua nội dung, người học biết phân tích được quá trình dạy học và vận dụng vào quá trình dạy học của mình sau này.

Chương 2: Nội dung dạy học

Chương này cung cấp những lý luận cơ bản về nội dung dạy học; đặc điểm, cơ sở, yêu cầu xác định nội dung cũng như các văn bản quy định để giáo viên biết phân tích và vận dụng vào quá trình dạy học.

Chương 3: Nguyên tắc dạy học

Nội dung chương này giới thiệu cho người học hệ thống các nguyên tắc dạy học. Thông qua nội dung, yêu cầu, biện pháp thực hiện của các nguyên tắc, người học biết phân tích mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa các nguyên tắc để vận dụng linh hoạt vào công tác giảng dạy.

Chương 4: Các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học cơ bản

Trong chương này, người học được tiếp cận với các hình thức tổ chức dạy học và hệ thống các phương pháp dạy học. Qua đó, thấy rõ học viên được những ưu, nhược điểm của các hình thức tổ chức cũng như phương pháp dạy học; từ đó phân tích, lựa chọn, vận dụng vào công tác giảng dạy của mình.

Chương 5: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh trong quá trình dạy học.

Chương này giới thiệu những lý luận cơ bản trong công việc kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh trong hoạt động dạy học; từ đó, giúp người học biết vận dụng vào công việc kiểm tra, đánh giá theo lĩnh vực chuyên môn của mình.

Chương 6: Đồ dùng và phương tiện kỹ thuật dạy học

Giới thiệu các đồ dùng và phương tiện kỹ thuật dạy học để người học biết cách sử dụng chúng đúng nguyên tắc và yêu cầu sư phạm.

Chương 7: Những công việc cụ thể của người giáo viên trong hoạt động giảng dạy.

Chương này trình bày một số nội dung công việc và cách thức thực hiện các công việc của người giáo viên trong hoạt động giảng dạy.

3. Phân phối chương trình

TT	Tên chương	Số tiết giảng	Số tiết thảo luận	Thực hành
1	Quá trình dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	7		
2	Nội dung dạy học	3		
3	Nguyên tắc dạy học	5	3	
4	Các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học cơ bản	12	3	
5	Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh trong quá trình dạy học	4		
6	Đồ dùng và phương tiện kỹ thuật dạy học	5		

7	Những công việc cụ thể của người giáo viên trong hoạt động giảng dạy	10		12
	Ôn tập và kiểm tra môn học	4		
	Cộng	50	6	12

4. Khái quát về phương pháp giảng dạy và học tập

Môn học này được giảng dạy sau khi người học đã được trang bị những kiến thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học. Giảng viên sẽ sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực pháp như: thuyết trình ngắn gọn, nêu vấn đề, hoạt động nhóm, đóng vai, động não...(các phương pháp dạy học tích cực) kết hợp với. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các đồ dùng, phương tiện dạy học như: đèn chiếu, máy vi tính với phần mềm Power Point, bài tập cá nhân, bài tập nhóm... nhằm đạt được mục tiêu môn học.

Khi thực hiện giảng dạy môn học này, giảng viên cần chú ý:

- Chọn lọc những kiến thức lý luận cơ bản, thiết thực đối với người học để trình bày, phân tích và có ví dụ minh họa sát thực với trường THCN và dạy nghề, phù hợp với đặc điểm ngành nghề của từng đối tượng bồi dưỡng. Những vấn đề khác có tính mở rộng thì giảng viên cần định hướng người học tự nghiên cứu, tìm tòi để phù hợp với chuyên môn, ngành nghề của mình.

- Khi giảng dạy các chương: Nguyên tắc dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong dạy học, đồ dùng phương tiện dạy học, ngoài những vấn đề chung, giảng viên cần chỉ cho người học thấy rõ đặc thù của trường THCN và dạy nghề, của giáo viên dạy lý thuyết, giáo viên dạy thực hành, hoặc dạy kết hợp lý thuyết và thực hành. Trên cơ sở đó, người học có thể nhanh chóng vận dụng các nội dung trên vào thực tế hoạt động dạy học của mình.

Trên cơ sở mục tiêu của môn học và xuất phát từ những đặc thù riêng có tính chuyên biệt của giáo dục nghề nghiệp, người học cần thực hiện những yêu cầu và nhiệm vụ sau:

- Có những hiểu biết cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của công tác dạy học nói chung và công tác dạy học nghề nghiệp nói riêng; vận dụng tốt các phương pháp dạy học vào thực tế giảng dạy của bản thân.

- Vận dụng lý luận dạy học cơ bản vào quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học một cách có hiệu quả.

- Vận dụng các lý luận cơ bản để tự phân tích, đánh giá bài giảng của mình, của đồng nghiệp. Trên cơ sở đó, học viên đúc rút kinh nghiệm, nâng cao năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn bản thân.

Chương 1

QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ

Mục tiêu

- Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ và ý nghĩa của hoạt động dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.
- Phân tích được bản chất và động lực của quá trình dạy học.
- Nêu được các khâu của quá trình dạy học và vận dụng vào giảng dạy
- Phân tích được quá trình dạy học và liên hệ với quá trình dạy học của bản thân.

I. NHẬP MÔN LÝ LUẬN DẠY HỌC

1. Lý luận dạy học (LLDH)

Lý luận dạy học là một bộ phận của giáo dục học. Trong giai đoạn hiện nay, lý luận dạy học đã trưởng thành như một môn khoa học độc lập trong hệ thống các khoa học giáo dục.

Lý luận dạy học là khoa học về trí dục và dạy học.

Trí dục là giáo dục trí tuệ, phát triển trí tuệ, là quá trình nắm vững những hiểu biết (kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thói quen) đã được hệ thống hóa, trên cơ sở đó phát triển các năng lực nhận thức, năng lực hành động và hình thành thế giới quan, những phẩm chất đạo đức.

Dạy học là con đường, phương tiện cơ bản để thực hiện quá trình trí dục, là dạng đặc biệt của quá trình hoạt động nhận thức. Trong quá trình dạy học, học sinh dưới sự chỉ đạo của giáo viên, đạt tới mục đích của trí dục: Đó là giúp học sinh nắm vững hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển các năng lực nhận thức và hành động, đặc biệt

là các năng lực tư duy và góp phần hoàn thiện các phẩm chất khác (thế giới quan, đạo đức, thẩm mỹ...) của nhân cách.

Trí dục là mục đích, là kết quả của dạy học. Dạy học là phương tiện, là con đường chính yếu, có tổ chức để đạt tới mục đích là trí dục.

2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận dạy học

Đối tượng nghiên cứu của lý luận dạy học là quá trình trí dục và dạy học, gọi là quá trình dạy học (QTDH).

Nghiên cứu lý luận dạy học trong giáo dục đào tạo nghề nghiệp bao gồm: nghiên cứu bản chất, quy luật, xu hướng phát triển của giáo dục nghề nghiệp; mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp, phương tiện, đánh giá... trong hoạt động dạy và học.

Lý luận dạy học liên quan đến nhiều ngành khoa học, đó là: triết học, xã hội học, logic học, tâm lý học, toán học và sinh lý học... Ngoài ra, trong giáo dục nghề nghiệp thì các lĩnh vực khoa học, đặc biệt là khoa học kỹ thuật chuyên ngành cũng giữ một vị trí vô cùng quan trọng, là nền tảng phương pháp luận của lý luận dạy học.

Lý luận dạy học của chúng ta có nền tảng phương pháp luận là thuyết nhận thức Mác - Lênin. Dựa trên học thuyết này, lý luận dạy học tiếp cận và nghiên cứu một cách khoa học các hiện tượng đa dạng, phong phú và phức tạp của hoạt động trí dục và dạy học.

3. Nhiệm vụ của lý luận dạy học

Nghiên cứu quá trình dạy học với tư cách là một quá trình sự phạm nghề nghiệp bộ phận, tìm ra bản chất và các tính quy luật của quá trình này. Để giảng dạy đạt hiệu quả, thoả mãn mục đích giáo dục chung và mục tiêu giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở lý luận và thực tiễn của khoa học giáo dục nghề nghiệp.

Trong lý luận dạy học có hai bộ phận tri thức chủ yếu là: Lý luận dạy học đại cương và lý luận dạy học bộ môn. Nhiệm vụ của lý luận dạy học đại cương là nghiên cứu hoạt động dạy học xét trong toàn bộ quá trình, phát hiện ra những quy luật chung có tính khách quan của quá trình này, đồng thời tìm ra những điều kiện quán triệt những quy luật này trong thực tiễn dạy học. Tuy nhiên, những nội dung mà lý luận dạy học đại cương nghiên cứu chưa thấu tóm hết mọi vấn đề, khía cạnh, đặc thù cụ thể của việc giảng dạy và học tập trong lĩnh vực giáo

dục nghề nghiệp. Mặt khác, chính đặc điểm cụ thể của các quy luật chung có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với lý luận dạy học trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Cho nên, bên cạnh nghiên cứu lý luận dạy học đại cương, cần có những ngành khác nhau của lý luận dạy học, gọi là lý luận dạy học chuyên ngành hay lý luận dạy học bộ môn. Với sự hợp tác, thống nhất giữa cái chung và cái riêng, dựa lên nhau, bổ sung cho nhau, lý luận dạy học đại cương và hệ thống các lý luận dạy học bộ môn sẽ phát triển mạnh mẽ, giúp cho việc giải quyết được những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học. Vì vậy, trong giáo dục nghề nghiệp cần nghiên cứu cả lý luận dạy học đại cương và lý luận dạy học bộ môn, về bản chất, tính quy luật cũng như những đặc thù riêng của các ngành nghề. Có như vậy, lý luận dạy học mới đáp ứng được quá trình đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

II. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG THCN - DN

1. Mục tiêu đào tạo (MTĐT)

Thuật ngữ “Mục tiêu” theo Từ điển tiếng Việt thông dụng NXB Giáo dục - 1998 có nghĩa là: “Đích đặt ra, cần phải đạt tới”.

Bất kì một hoạt động xã hội nào cũng phải hướng tới một mục tiêu xác định, phù hợp với nhu cầu phát triển của nền kinh tế, chính trị, xã hội. Mục tiêu của nền giáo dục trong một xã hội là hướng tới việc hình thành và phát triển nhân cách con người, nhân cách nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu đặc trưng của nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển trong từng giai đoạn của xã hội đó. Khái niệm “Mục tiêu đào tạo” được định nghĩa khác nhau, dựa trên cơ sở những cách tiếp cận và vận dụng khác nhau:

- Mục tiêu đào tạo là “cái” mà người học sẽ biết, sẽ làm được sau quá trình đào tạo một ngành nghề mà trước đó chưa có.

“Cái” ở đây bao gồm các lĩnh vực: “Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ”, với những mức độ khác nhau. Tùy thuộc vào cấp độ đào tạo mà mục tiêu đào tạo được xác định một cách tổng quát hay cụ thể, từng cấp bậc học, loại hình trường, từng ngành nghề đào tạo, từng bài giảng lý thuyết hoặc thực hành.

- Mục tiêu đào tạo là mô hình lý tưởng về nhân cách nghề nghiệp của học viên, bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ dự kiến sẽ được hình thành sau khi được đào tạo. Đây là mô hình phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong một giai đoạn nhất định mà học viên cần cố gắng đạt được qua quá trình đào tạo nghề ở cơ sở đào tạo.

Trong điều 2 Luật Giáo dục năm 1998 đã xác định rõ mục tiêu giáo dục chung là: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Trên cơ sở đó, mục tiêu của hệ thống giáo dục nghề nghiệp cũng được xác định cụ thể là: “Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh”.

Mục tiêu đào tạo được phân cấp từ mục tiêu giáo dục chung trong hệ thống giáo dục quốc dân, phân chia theo các cấp bậc học, các loại hình trường, các ngành nghề đào tạo, đến các môn học, bài học. Trên cơ sở phân cấp đó, mục tiêu của người học là cái đích, là kết quả mà người học phải đạt tới, được xác định với 3 lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mức độ của mục tiêu mà người học cần đạt phụ thuộc vào cấp độ đào tạo họ.

2. Quá trình đào tạo (QTĐT)

Quá trình đào tạo thực chất là quá trình dạy học - giáo dục trong trường đào tạo nghề (dạy nghề, THCN, cao đẳng, đại học...). Quá trình này nhằm trang bị cho người học một hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của một nghề nghiệp với một trình độ nhất định và được quy định bởi mục tiêu đào tạo.

Quá trình đào tạo là quá trình tác động qua lại, thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy học với các hoạt động khác, nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo có chất lượng và hiệu quả.

Quá trình đào tạo sẽ đạt được kết quả tốt nếu người giáo viên nắm vững các quy luật vận động của quá trình dạy học và giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố cấu thành quá trình đào tạo.

Quá trình đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, người học thường có đối tượng đào tạo là những người đã có vốn sống, vốn hiểu biết xã hội nhất định, ít nhiều có kinh nghiệm trong chuyên môn, nghiệp vụ. Mặt khác, do nhu cầu phát triển của nền kinh tế, văn hóa, xã hội, các ngành nghề đa dạng, phong phú. Vì vậy, mối quan hệ, tác động qua lại giữa các nhân tố trong quá trình đào tạo nghề nghiệp trong quá trình đào tạo nghề nghiệp cần được nghiên cứu và giải quyết tốt để nâng cao chất lượng của quá trình này trong giai đoạn hiện nay.

3. Quá trình dạy học (QTDH)

3.1. Định nghĩa

Trước đây, người ta chỉ coi quá trình dạy học là tập hợp những hành động liên tiếp và thâm nhập vào nhau của giáo viên và của học sinh, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, nhằm làm cho học sinh tự giác nắm vững hệ thống những cơ sở khoa học, thông qua đó phát triển những năng lực nhận thức, năng lực hành động hình thành thế giới quan khoa học, đạt được tối mục đích dạy học. Ngày nay, “Quá trình dạy học là sự phối hợp thống nhất của sự hoạt động chỉ đạo của thầy với hoạt động lĩnh hội tự giác, tích cực, tự lực sáng tạo của trò, nhằm làm cho trò đạt tối mục đích dạy học”¹.

Dạy học là một hình thức đặc biệt của quá trình giáo dục, hay là một trường hợp riêng của quá trình giáo dục toàn diện. Dạy học là con đường giáo dục cơ bản để thực hiện mục đích và các nhiệm vụ giáo dục. Dạy học bao hàm trong nó là sự học và sự dạy gắn bó với nhau. Sự học là trung tâm, còn sự dạy không chỉ là sự giảng dạy, mà còn là sự tổ chức, chỉ đạo và điều khiển sự học. Nói cách khác, quá trình dạy học gồm sự dạy (quá trình hoạt động của thầy) và sự học (quá trình hoạt động của trò). Hoạt động học được xác định không chỉ bởi các mục tiêu đã định của sự phát triển nhân cách, mà còn bởi trình độ đạt được của nhân cách đó. Tức là, hoạt động học phải có kế thừa để phát triển nhân cách. Hoạt động dạy hướng vào việc truyền thụ cho người học những nội dung đáp ứng được mục tiêu đề ra giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ đạo họ trong quá trình lĩnh hội. Quá trình dạy học tồn tại trong

¹ Nguyễn Ngọc Quang - Lý luận dạy học - 1989.

mối quan hệ tác động qua lại biện chứng và thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học, giữa thầy và trò (quy luật cơ bản của dạy học). Trong mối quan hệ đó thì: “Quá trình dạy học là quá trình trong đó, học sinh tự giác, tích cực, tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức dưới sự chỉ đạo, tổ chức của giáo viên để thực hiện mục đích, nhiệm vụ dạy học”².

3.2. Đặc điểm của QTDH trong các trường THCS - DN

Quá trình dạy học trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề mang những đặc điểm chung của quá trình dạy học:

- Đó là sự kết hợp giữa hoạt động chung của giáo viên và của học sinh, là quá trình tác động qua lại giữa giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, trong đặc điểm chung này sẽ tồn tại những đặc điểm riêng tùy thuộc vào cấp bậc học, chuyên ngành nghề nghiệp, trình độ, đặc điểm tâm sinh lý người học.

- Đó là một loại hoạt động nhận thức của con người.

Bên cạnh những đặc điểm chung, quá trình dạy học trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề còn có những đặc điểm riêng như sau:

- Quá trình dạy học trong đào tạo nghề được phân chia một cách tương đối thành quá trình dạy học lý thuyết và quá trình dạy học thực hành nghề.

Dạy học lý thuyết là truyền đạt và lĩnh hội hệ thống các tri thức chung và tri thức lý thuyết cơ sở, chuyên môn nghề nghiệp để từ đó phát triển năng lực trí tuệ, tư duy nghề nghiệp, giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho học sinh.

Dạy học thực hành nghề là quá trình truyền đạt và tiếp thu những kỹ năng, kỹ xảo và những kinh nghiệm nghề nghiệp; từ đó phát triển ở học sinh các năng lực hành động, sự sáng tạo trong chuyên môn và tính thích ứng; giúp học sinh đáp ứng với những yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- Quá trình dạy học trong đào tạo nghề có liên quan chặt chẽ với quá trình lao động.

² GDH nghề nghiệp - SPKT - 1992.

Đào tạo nghề với quá trình lao động luôn gắn liền với nhau. Thực hiện quá trình dạy học trong đào tạo nghề thường được liên hệ và phản ánh bằng thực tế của quá trình lao động. Mục đích và nhiệm vụ dạy học được xác định từ những yêu cầu của quá trình lao động mà người học phải đạt được sau khi học xong.

Quá trình đào tạo nghề có tính phân hóa cao do sự đa dạng, phong phú của hàng trăm nghề với đặc trưng riêng, của các loại hình và con đường đào tạo khác nhau, hơn nữa, người học trong đào tạo nghề thường đã có vốn sống, vốn hiểu biết xã hội nhất định.

III. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Mục đích dạy học (MĐDH)

Mục đích dạy học là những chuẩn mực về kiến thức, kỹ năng và hệ thống tư cách, thái độ chứa đựng trong môn học, bài học mà người học phải hiểu biết, phải làm được sau một quá trình học tập mà trước đó họ chưa có được.

Mục đích dạy học bao gồm ba nhiệm vụ cơ bản, thống nhất trong quá trình dạy học đó là:

1.1. Làm cho học sinh nắm vững những cơ sở khoa học một cách tự giác, tích cực, tự lực, sáng tạo

Thế nào là “nắm vững”?

- Nắm vững là hiểu, nhớ, vận dụng thành thạo.
- Nắm vững những khái niệm nghĩa là không những biết dấu hiệu của các sự vật và hiện tượng được thu tóm trong khái niệm, mà còn biết ứng dụng khái niệm vào thực tiễn, biết vận dụng chúng.

Khoa học bao gồm các thành phần:

- Đối tượng của nó: Tập hợp những vấn đề, nhiệm vụ mà nó phải giải quyết.
- Quan điểm lý thuyết (học thuyết, định luật, định lý, khái niệm, qui tắc...).
- Phương pháp (biện pháp, kỹ năng, kỹ xảo đặc trưng và phương tiện nghiên cứu đối tượng).
- Sự kiện (tài liệu cụ thể, thực nghiệm).

1.2. Làm cho học sinh phát triển các năng lực nhận thức và năng lực hành động trên cơ sở của quá trình nhận thức

Ngay trong quá trình dạy học, dựa trên cơ sở của việc lĩnh hội kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo mà phát triển các năng lực tư duy trong lĩnh vực chuyên môn của học sinh được phát triển. Đồng thời, học sinh cũng được phát triển. Đồng thời, học sinh cũng được phát triển các năng lực nhận thức, năng lực hành động (kỹ năng và thói quen) để đáp ứng với sự phát triển của nền kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học kỹ thuật phát triển hiện nay. “Sự dạy tốt là sự dạy học đi trước sự phát triển”¹.

1.3. Hình thành thế giới quan khoa học, giáo dục lý tưởng và đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng

Thế giới quan duy vật khoa học lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, bên cạnh đó hình thành các niềm tin và hành vi đạo đức trong giáo dục. Thông qua việc giúp học viên nắm hệ thống kiến thức, kỹ năng, hoạt động dạy học cần và có thể góp phần hình thành thế giới quan khoa học và những phẩm chất của nhân cách. Đó chính là ý nghĩa của câu: “Thông qua dạy chữ, dạy nghề để dạy người”.

Trong quá trình dạy học, ba nhiệm vụ cơ bản trên đây gắn với nhau thành một thể thống nhất hữu cơ, trên cơ sở cùng một hoạt động dạy - học.

2. Ý nghĩa của hoạt động dạy học

Dạy học là con đường thuận lợi nhất giúp người học lĩnh hội, nắm vững một khối lượng tri thức ở mức độ cần thiết đã như mục tiêu đã đề ra trong thời gian ngắn nhất.

Hoạt động học là hoạt động nhận thức độc đáo của người học, được hoạt động dạy tổ chức, chỉ đạo, điều khiển. Ở đó, hoạt động nhận thức của người học diễn ra trong các điều kiện thuận lợi. Thông qua con đường dạy học, người học dễ dàng và nhanh chóng nắm được hệ thống những chân lý khoa học mà loài người phải trải qua nhiều thế kỷ mới phát hiện và tổng kết được.

Dạy học là con đường cực kỳ quan trọng giúp người học phát triển một cách có hệ thống năng lực hoạt động trí tuệ, trong đó có năng lực tư duy sáng tạo.

¹ X.L. Vurgôtxki. Tuyển tập nghiên cứu tâm lý học - Moskva - 1956 - Tiếng Nga.

Trong quá trình dạy học, người học nắm hệ thống các tri thức khoa học trên cơ sở hoạt động trí tuệ, đặc biệt là các thao tác tư duy. Việc nắm vững các tri thức khoa học đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, được tổ chức có kế hoạch. Vì vậy, các thao tác hoạt động trí tuệ của người học dần được phát triển và hoàn thiện dưới tác động sư phạm của người dạy.

Dạy học là con đường chủ yếu để giáo dục cho người học thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và những phẩm chất đạo đức cần thiết.

Các tri thức khoa học cùng với năng lực hoạt động trí tuệ được người học lĩnh hội thông qua con đường dạy học. Sự lĩnh hội này giúp cho người học đi sâu, nắm vững bản chất của hiện thực khách quan, quy luật vận động, phát triển của chúng, để có thể tham gia vào việc cải tạo hiện thực đó và cải biến chính bản thân mình. Nó là cơ sở cho những quan điểm, tư tưởng và những hoạt động đúng đắn của người học trong mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội. Trên cơ sở đó, người học hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan và những phẩm chất đạo đức nói chung, đạo đức nghề nghiệp nói riêng.

Tóm lại, dạy học là hoạt động đặc trưng nhất, quan trọng nhất của giáo dục trong nhà trường và là con đường chủ yếu nhất để thực hiện các mục tiêu giáo dục. Trong giáo dục nghề nghiệp, dạy học có mối quan hệ tác động qua lại biện chứng đối với hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội. Nó gắn liền với lao động sản xuất và phải đáp ứng với nhu cầu phát triển của nền kinh tế, văn hoá, xã hội.

IV. CÁC NHIỆM VỤ DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG THCN VÀ DẠY NGHỀ

1. Cơ sở để xác định các nhiệm vụ dạy học trong trường THCN và dạy nghề

Các nhiệm vụ dạy học trong trường THCN và dạy nghề được xác định trên cơ sở các mục đích và nhiệm vụ dạy học nói chung. Nói cách khác, đó là sự cụ thể hóa lý luận mục đích dạy học vào lĩnh vực đào tạo nghề.

Việc xác định nhiệm vụ dạy học trong giáo dục nghề nghiệp phải căn cứ vào cơ sở lý luận và thực tiễn sau:

1.1. Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ giáo dục chung và mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp

Mục đích, nhiệm vụ giáo dục chung được thể hiện ở 5 mặt chủ yếu của nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp.

Mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục nghề nghiệp là đào tạo những người công nhân, người kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ phát triển toàn diện, đáp ứng với yêu cầu tại vị trí làm việc của họ khi ra trường. Bởi vậy, dạy học trong giáo dục nghề nghiệp không chỉ cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, còn phải phát triển các năng lực trí tuệ, năng lực hành động, năng lực sáng tạo của học sinh. Có như vậy, họ mới có thể tự học, tự rèn luyện, đáp ứng những phẩm chất, năng lực của người công nhân, người lao động mới trong tương lai.

1.2. Căn cứ vào đường lối, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo của Đảng, Nhà nước

Đường lối, chính sách giáo dục và đào tạo của nước ta trong giai đoạn tới là hướng vào việc phát huy truyền thống hiếu học và trọng nhân tài của dân tộc; chú trọng nâng cao dân trí, xây dựng đội ngũ trí thức, những nhà kinh doanh, những người quản lý và công nhân kỹ thuật đáp ứng với nhiệm vụ trước mắt và sự phát triển của đất nước trong tương lai.

Chiến lược phát triển giáo dục thống nhất với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vừa đáp ứng với yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa đón đầu những đòi hỏi sắp tới của kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới.

1.3. Căn cứ vào tiến bộ khoa học kỹ thuật và nhu cầu phát triển của nền kinh tế - văn hoá - xã hội

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với những thành tựu mới đang hàng ngày, hàng giờ được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực sản xuất của đời sống xã hội. Điều đó đòi hỏi những yêu cầu mới đối với việc chuẩn bị nguồn nhân lực thông qua giáo dục đào tạo. Chính vì vậy, công tác dạy học trong nhà trường phải hiện đại hóa nội dung, đổi mới phương pháp, nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.

1.4. Căn cứ vào nhận thức luận Mác - Lênin

Nhận thức luận của Mácxit - Lêninít khẳng định: Thế giới vật chất luôn vận động, biến đổi và phát triển; con người có thể nhận thức được thế giới khách quan. Quá trình nhận thức bắt đầu từ cảm giác, tri giác, từ đó đi tới những cấu trúc phức tạp hơn của sự nhận thức, đó là biểu tượng, khái niệm, tư duy...

Day học phải dựa vào và tuân thủ những quan điểm cơ bản của nhận thức luận Mác - Lênin.

2. Các nhiệm vụ dạy học trong trường THCN và dạy nghề

2.1. Làm cho học sinh nắm vững hệ thống tri thức văn hoá, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp

Hệ thống tri thức văn hoá, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ được quy định bởi mục đích và nội dung mà học sinh học nghề cần phải nắm vững, bao gồm:

- Các tri thức về sự kiện.
- Các tri thức phương pháp.
- Các tri thức về chuẩn mực.
- Các tri thức về giá trị.

Hoạt động sư phạm phải bảo đảm việc truyền thụ và lĩnh hội các tri thức đó trong tính thống nhất và tính hệ thống của chúng. Các kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp dần dần được hình thành ở học sinh trên cơ sở các tri thức được lĩnh hội cũng như các kỹ năng, kỹ xảo mà học sinh đã tiếp thu trước đó.

Hiểu biết và năng lực thể hiện ở sự nắm vững các hoạt động về mặt chuyên môn của chúng, bao gồm: hiểu, nhớ, vận dụng thành thạo.

Có 4 trình độ nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo sau:

- Trình độ tìm hiểu: Nhận biết, xác định, phân biệt và nhận ra được.
- Trình độ tái hiện: Tái hiện thông báo về đối tượng theo trí nhớ hay ý nghĩ.
- Trình độ kỹ năng, kỹ xảo: Vận dụng vào đối tượng và những tình huống quen biết thành thạo.

- Trình độ biến hoá: Vận dụng, chuyển tải vào những đối tượng, tình huống quen thuộc nhưng đã bị biến đổi hoặc những tình huống mới nảy sinh.

2.2. Phát triển ở học sinh năng lực hoạt động trí tuệ

Năng lực hoạt động trí tuệ của học sinh thể hiện ở năng lực vận dụng các thao tác trí tuệ, đặc biệt là thao tác tư duy.

Trí thức được lĩnh hội, nắm vững là nhờ các thao tác trí tuệ, đồng thời chính trong quá trình lĩnh hội, nắm vững các tri thức đó thì các thao tác trí tuệ được hình thành và phát triển ở học sinh. Các thao tác đó có dấu hiệu chủ yếu sau:

- Tính hướng đích.
- Tính linh hoạt, mềm dẻo.
- Tính độc lập.
- Tính khái quát.
- Tính logic, nhất quán.
- Tính phê phán.

Việc rèn luyện cho học sinh năng lực hành động được thực hiện trong quá trình tự học, tự nghiên cứu, tự tu dưỡng... Đó là việc hình thành và phát triển những kỹ năng, thói quen trong nghề nghiệp, sự sáng tạo cũng như sáng kiến kinh nghiệm và nghiên cứu khoa học.

2.3. Hình thành ở học sinh những cơ sở thế giới quan khoa học, lý tưởng cách mạng và những phẩm chất của người lao động

Trên cơ sở nắm vững hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, năng lực hành động ở học sinh, mà hoạt động dạy học hình thành cho họ những niềm tin cơ bản về triết học - thế giới quan, về chính trị, đạo đức cùng với các hành vi đúng đắn với nền tảng là thế giới quan duy vật khoa học.

Ba nhiệm vụ cơ bản trên đây của hoạt động dạy học có liên quan chặt chẽ với nhau. Khi thực hiện nhiệm vụ này thì đồng thời cũng bao hàm trong đó những phẩm chất của nhiệm vụ khác. Vì vậy, trong hoạt động dạy học phải chú ý thực hiện đầy đủ, có ý thức, có chủ định cả ba nhiệm vụ đó.

V. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

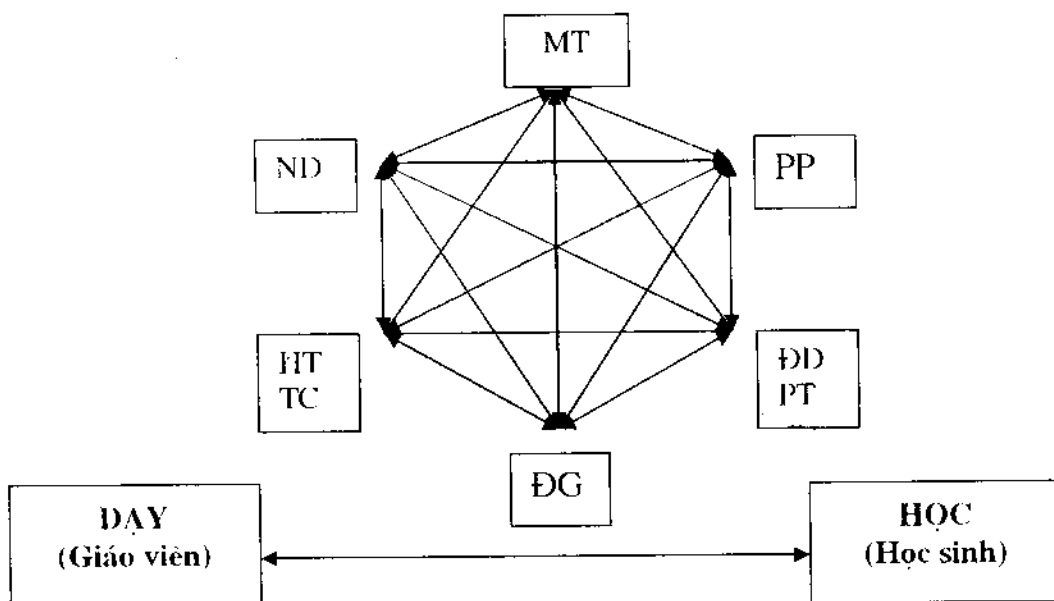
Nghiên cứu bản chất của quá trình dạy học nói chung sẽ giúp chúng ta xác định được bản chất của quá trình dạy học trong trường nghề.

1. Tính chất hai mặt của QTDH

Quá trình dạy học với tư cách một hệ thống, bao gồm những nhân tố cơ bản:

- Mục đích và nhiệm vụ dạy học.
- Nội dung dạy học.
- Giáo viên với hoạt động dạy học.
- Học sinh với hoạt động học.
- Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.
- Các phương tiện và điều kiện của quá trình dạy học.
- Quản lý quá trình dạy học.
- Kết quả dạy học.

Các nhân tố của quá trình dạy học tác động qua lại với nhau biện chứng và thống nhất trong các mối quan hệ sau:



Sơ đồ: Cấu trúc các nhân tố của quá trình dạy học

Trong đó: MT: Mục tiêu

HTTC: Hình thức tổ chức

ND: Nội dung

DDP : Đồ dùng phương tiện

PP : Phương pháp

ĐG : Đánh giá

Các nhân tố của quá trình dạy học tồn tại trong mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau theo các quy luật phản ánh những mối liên hệ tất yếu, chủ yếu, bền vững vốn có của chúng trong hệ thống quá trình dạy học, bao gồm:

- Quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa dạy học và giáo dục.
- Quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa dạy và học.
- Quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa dạy học và phát triển trí tuệ.
- Quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa nội dung và phương pháp.v.v.

Mặt khác, toàn bộ quá trình dạy học lại có mối quan hệ biện chứng với môi trường xã hội - chính trị và môi trường cách mạng khoa học kỹ thuật theo những quy luật như: Quy luật về tính quy định của xã hội với quá trình dạy học...

Trong các quy luật trên thì quy luật phản ánh mối liên hệ tác động qua lại biện chứng và thống nhất giữa hoạt động dạy và học là quy luật cơ bản của quá trình dạy học. Trong đó, có hai nhân tố trung tâm: Giáo viên với hoạt động dạy; học sinh với hoạt động học, mà “Giáo viên là người thiết kế, tổ chức - Học sinh hoạt động tích cực”. Đó là quan hệ cộng tác, hợp tác để đạt được các nhiệm vụ dạy học. Quy luật này xuyên suốt quá trình dạy học, và chỉ trong sự tác động qua lại tích cực giữa giáo viên và học sinh thì mới xuất hiện bản thân quá trình dạy học.

Việc thực hiện các quy luật khác suy cho cùng là nhằm phục vụ cho việc thực hiện quy luật cơ bản trên.

Trong quá trình dạy học, giáo viên đóng vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển, lãnh đạo hoạt động học của học sinh. Ngược lại học sinh cũng phát huy vai trò tổ chức, tự điều khiển hoạt động học của mình. Chỉ khi nào thực sự là chủ thể nhận thức thì học sinh mới tiếp thu một

cách có ý thức và hiệu quả tác động sư phạm của giáo viên. Kết quả dạy học, suy cho cùng chính là tập trung ở kết quả nhận thức của học sinh. Hoạt động nhận thức này diễn ra trong điều kiện tổ chức sư phạm đặc biệt, dưới tác dụng chủ đạo của giáo viên.

2. Bản chất của quá trình dạy học

Nghiên cứu bản chất của quá trình dạy học nói chung sẽ giúp chúng ta xác định được bản chất của quá trình dạy học trong trường nghề.

Từ phân tích trên, có thể nhận định rằng: Quá trình dạy học, về bản chất là quá trình nhận thức độc đáo của học sinh, được tổ chức trong quá trình sư phạm đặc biệt, dưới sự chỉ đạo, giúp đỡ của giáo viên. Quá trình này được thực hiện theo xu hướng nâng cao dần tính độc lập trong hoạt động nhận thức của học sinh, nhằm đạt được mục đích, nhiệm vụ dạy học.

Quá trình nhận thức của học sinh có những nét tương tự như quá trình nhận thức của nhà khoa học:

- Là quá trình phản ánh thế giới khách quan và không ý thức con người.
- Diễn ra theo quy luật nhận thức chung: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn”.
- Cũng dựa trên sự huy động các thao tác tư duy ở mức độ cao nhất.
- Cũng làm cho vốn hiểu biết của chủ thể được phong phú hơn, hoàn thiện hơn.

Tuy nhiên, quá trình nhận thức của học sinh lại có những nét độc đáo so với quá trình nhận thức của nhà khoa học. Quá trình này không phải tìm ra cái mới cho nhân loại, mà là nhận thức cái mới cho bản thân học sinh. Cái mới đó đã có trong kho tàng hiểu biết chung mà loài người đã tích lũy được nhưng học sinh chưa biết. Những nét độc đáo của quá trình dạy học là:

- Học sinh chỉ cần nhận thức những cái mới đối với bản thân.
- Quá trình nhận thức của học sinh diễn ra theo con đường thẳng, đi “tắt”.

- Quá trình nhận thức của học sinh chứa đựng các khâu: củng cố, kiểm tra và đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, nhằm biến chúng thành vốn riêng của bản thân học sinh.

- Quá trình dạy học được sự giúp đỡ của thầy theo xu hướng nâng cao dần tính độc lập, tích cực của học sinh.

- Quá trình nhận thức của học sinh phải có tính giáo dục, thông qua dạy nghề để dạy người.

Mối quan hệ giữa hai nhân tố trung tâm: giáo viên với hoạt động dạy, học sinh với hoạt động học, có sự tác động qua lại và thống nhất với nhau, trong mối quan hệ chặt chẽ biện chứng giữa hai hoạt động dạy và học của quá trình dạy học. Trên cơ sở phân tích trên, giáo viên cần có những biện pháp hợp lý trong việc tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của học nhằm sinh đạt kết quả dạy học tốt, không được cường điệu hoá những nét tương tự và những nét độc đáo đó.

3. Các khâu của quá trình dạy học

Nghiên cứu các khâu cơ bản của quá trình dạy học sẽ giúp giáo viên xác định các bước tiến hành một bài giảng, cũng như các khâu cơ bản của quá trình giảng dạy một môn học. Lí luận dạy học đã chỉ rõ, mọi quá trình dạy học có bốn khâu cơ bản sau:

3.1. Đề xuất và hình thành ý thức về nhiệm vụ nhận thức

Hoạt động dạy học là hoạt động có ý thức, được thực hiện bắt đầu từ ý thức đầy đủ được nhiệm vụ của hoạt động. Đối với hoạt động nhận thức, trước hết học sinh phải ý thức được nhiệm vụ nhận thức đặt ra. Cho nên, khâu đầu tiên của quá trình dạy học là giáo viên phải khéo léo đưa học sinh vào tình huống học tập, gây ý thức, hướng sự chú ý của học sinh vào nhiệm vụ nhận thức. Khâu này nhằm kích thích thái độ học tập tích cực của học sinh, được thể hiện ở sự chú ý và tạo hứng thú học tập. Do đó, giáo viên cần:

- Xây dựng dần động cơ học tập cho học sinh.
- Đặt nhiệm vụ nhận thức cho học sinh nhằm giúp các em định hướng đúng đắn hoạt động học tập.
- Gây được bầu không khí học tập lành mạnh, sôi nổi.
- Gây hứng thú cho học sinh bằng cách thu hút họ vào việc giải quyết tập trung những nhiệm vụ nhận thức chủ yếu.

3.2. Tổ chức cho học sinh giải quyết các nhiệm vụ nhận thức đã đề ra

3.2.1. Tri giác tài liệu học tập để hình thành biểu tượng

Giáo viên cần chú ý những biện pháp sau:

- Đảm bảo nội dung bài giảng phong phú, hấp dẫn; sử dụng lời nói sinh động, giàu hình ảnh, gợi cảm.
- Sử dụng hợp lý, đúng lúc, đúng chỗ các loại hình phương tiện trực quan nhưng không được lạm dụng chúng.
- Hướng dẫn học sinh phương pháp quan sát.
- Khai thác những kinh nghiệm vốn có của học sinh.

3.2.2. Tư duy hình thành khái niệm mới

Từ những biểu tượng đã thu được, học sinh tiến hành các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hoá, khái quát hoá... để hình thành khái niệm khoa học.

Giáo viên cần chú ý một số biện pháp:

- Kích thích và huy động các thao tác tư duy bằng các câu hỏi, các bài tập có vấn đề.
- Rèn luyện cho học sinh kỹ năng thực hiện sự tương tác giữa tư duy cụ thể và tư duy trừu tượng hoặc ngược lại.
- Hướng dẫn cho học sinh độc lập hệ thống hoá các khái niệm đã tiếp thu được, khái quát hóa những vấn đề đã học.

3.3. Củng cố, hoàn thiện tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo và vận dụng vào thực tiễn

- Học sinh được củng cố hoàn thiện tri thức đã lĩnh hội để lưu trữ trong óc chính xác, đầy đủ, bền vững và làm cho chúng được mở rộng, đào sâu ở chừng mực nhất định. Muốn vậy, giáo viên cần:

- + Hướng dẫn cho học sinh ghi nhớ có chủ định.
- + Hướng dẫn cách thức ôn tập thường xuyên, tích cực.
- + Tổ chức luyện tập, qua đó củng cố, mở rộng tri thức đã học.

- Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo: Học sinh cần biến tri thức thành kỹ năng, kỹ xảo thông qua việc luyện tập thường xuyên, kết hợp tốt giữa học tập với lao động sản xuất. Nhờ vậy, học sinh mới có khả năng vận dụng những điều đã học vào các tình huống thực tế đa dạng, phong phú, trên các vị trí lao động sản xuất khác nhau khi ra trường.

- Giáo viên cần tổ chức, hướng dẫn các em luyện tập một cách có hệ thống, với nhiều hình thức khác nhau từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ những tình huống quen thuộc sang tình huống mới.

3.4. Kiểm tra, nắm vững tri thức và kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp của học sinh

Khâu này có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình dạy học. Thông qua việc kiểm tra, đánh giá, giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy và học sinh tự điều chỉnh hoạt động học để đạt được quá trình dạy học hiệu quả nhất.

Giáo viên cần:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả nắm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh một cách có hệ thống, có kế hoạch với nhiều hình thức khác nhau.

- Đảm bảo tính khách quan, tính giáo dục.

- Bồi dưỡng dân cho học sinh ý thức và năng lực tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Chú ý: Các khâu của QTDH hợp lại thành một thể thống nhất. Chúng có liên quan mật thiết với nhau, hỗ trợ cho nhau và thâm nhập vào nhau. Trong quá trình dạy học, các khâu này được vận dụng một cách linh hoạt.

VI. ĐỘNG LỰC CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

1. Định nghĩa

Động lực là sự mong muốn, sự thôi thúc, là yếu tố thúc đẩy hoạt động, làm cho hoạt động đạt mục tiêu và có hiệu quả. Quá trình dạy học vận động và phát triển không ngừng, từ chỗ học sinh chưa biết, đến biết và ngày càng đầy đủ, hoàn thiện... theo chủ nghĩa Mác - Lênin, sự vận động và phát triển có nguồn gốc ở sự đấu tranh và thống nhất giữa các mặt đối lập. Quá trình dạy học cũng tuân theo quy luật đó, các mâu thuẫn của quá trình dạy học gồm: Các mâu thuẫn bên trong, các mâu thuẫn bên ngoài, các mâu thuẫn chủ quan, các mâu thuẫn khách quan.

Các mâu thuẫn bên trong bao gồm mâu thuẫn giữa các thành tố cấu trúc của quá trình dạy học như:

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ học tập mới với trình độ hiện còn có hạn ở học sinh.

- Mâu thuẫn giữa nội dung dạy học đã được hiện đại hóa và phương pháp dạy học còn lạc hậu...

- Mâu thuẫn giữa các yếu tố trong cùng một thành tố cấu trúc đó.

Ví dụ: Mâu thuẫn giữa tư duy cụ thể phát triển và tư duy trừu tượng kém phát triển ở học sinh.

Những mâu thuẫn bên trong của quá trình dạy học này, nếu được giải quyết sẽ tạo ra động lực của quá trình dạy học. Động lực của quá trình dạy học là kết quả của việc giải quyết tốt các mâu thuẫn bên trong quá trình đó.

Những mâu thuẫn bên ngoài của quá trình dạy học là những mâu thuẫn giữa các nhân tố cấu trúc của quá trình này với các nhân tố môi trường xã hội - chính trị và môi trường cách mạng khoa học kỹ thuật.

Ví dụ :

- Mâu thuẫn giữa tiến bộ khoa học kỹ thuật và nội dung dạy học lạc hậu.

- Mâu thuẫn giữa sự tiến bộ xã hội và nhiệm vụ dạy học chưa được nâng cao.

Kết quả giải quyết các mâu thuẫn này sẽ tạo điều kiện cho sự vận động và phát triển của quá trình dạy học.

Vậy ta có thể định nghĩa động lực của quá trình dạy học như sau:

“Động lực của quá trình dạy học là các kết quả giải quyết liên tục và hợp lý các mâu thuẫn của quá trình dạy học”¹.

2. Mâu thuẫn cơ bản và động lực chủ yếu của quá trình dạy học

2.1. Mâu thuẫn cơ bản

Bản chất của quá trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của học sinh. Mọi hoạt động của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học là không ngừng giải quyết các mâu thuẫn nhằm làm cho hoạt động nhận thức của học sinh thu được kết quả theo mục tiêu đã xác định.

Trong hàng loạt mâu thuẫn của quá trình dạy học thì mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa nhiệm vụ học tập (nhận thức) do tiến trình dạy

¹ Nguyễn Ngọc Quang - Lý luận dạy học - 1989

học đề ra với trình độ phát triển trí tuệ hiện có của học sinh. Mâu thuẫn này không ngừng xuất hiện và cũng không ngừng được giải quyết trong suốt quá trình dạy học.

2.2. Động lực chủ yếu

Giải quyết các mâu thuẫn sẽ tạo nên động lực. Tuy nhiên, giải quyết mâu thuẫn cơ bản sẽ tạo động lực chủ yếu của quá trình dạy học. Điều đó cũng có nghĩa là việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản sẽ thúc đẩy sự vận động và phát triển hoạt động học tập (nhận thức) của học sinh. Kết quả giải quyết mâu thuẫn cơ bản này sẽ tạo ra động lực chủ yếu của quá trình dạy học.

3. Điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực

Trong quá trình dạy học, không phải cứ có mâu thuẫn nảy sinh thì động lực tự nhiên xuất hiện, mà phải trong những điều kiện nhất định thì động lực mới được hình thành từ những mâu thuẫn đó. Cho nên, để mâu thuẫn trở thành động lực thì cần có những điều kiện nhất định sau:

- Học sinh phải ý thức được mâu thuẫn và có nhu cầu giải quyết mâu thuẫn.
- Mâu thuẫn phải vừa sức học sinh.
- Mâu thuẫn nảy sinh một cách tất yếu trên con đường vận động đi lên của QTDH nói chung, quá trình nhận thức của học sinh nói riêng, mà học sinh phải giải quyết được.

Kết luận: Động lực của QTDH là hàng loạt các kết quả của việc giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình đó. Mâu thuẫn giữa nhiệm vụ học tập (nhận thức) được đề ra trong tiến trình dạy học với trình độ phát triển nhận thức hiện có của học sinh là mâu thuẫn cơ bản nhất. Giải quyết tốt mâu thuẫn cơ bản sẽ tạo ra động lực chủ yếu của QTDH.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày mục đích dạy học? Nêu ý nghĩa của công tác dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề?
2. Thế nào là quá trình dạy học? Phân tích đặc điểm quá trình dạy học của bản thân? Nêu các nhiệm vụ dạy học?
3. Phân tích bản chất của quá trình dạy học, từ đó rút ra những kết luận sư phạm bổ ích?
4. Phân tích động lực của quá trình dạy học? Cho một ví dụ để xây dựng động lực?
5. Trình bày các khâu của quá trình dạy học và mối liên hệ giữa chúng?
6. Trình bày và phân tích, đánh giá kinh nghiệm của giáo viên dạy nghề trong việc thực hiện một khâu nào đó của quá trình dạy học?
7. Viết tiểu luận: Phân tích quá trình dạy học và vận dụng vào công tác giảng dạy?

Chương 2

NỘI DUNG DẠY HỌC

Mục tiêu

Học xong chương này, học viên có khả năng:

- Nêu khái niệm và phân tích được đặc điểm của nội dung dạy học.
- Phân tích được cơ sở và yêu cầu đối với việc xác định nội dung dạy học.
- Nắm vững các nội dung dạy học cơ bản trong trường THCS - DN.
- Thực hiện nội dung dạy học theo đúng các văn bản quy định.

1. KHÁI NIỆM NỘI DUNG DẠY HỌC

1. Khái niệm

Hoạt động dạy và hoạt động học được thực hiện trên cơ sở nội dung dạy học, bao gồm hệ thống các kiến thức, kỹ năng; kỹ xảo và thái độ nghề nghiệp đã được bao thế hệ tích lũy, khái quát hóa và hệ thống hóa. Mỗi thế hệ đều được sinh ra và trưởng thành trong thế giới văn hóa mà các thế hệ trước đã dày công xây dựng. Đối với thế giới văn hóa đó, mỗi thế hệ đều có nhiệm vụ, trách nhiệm kế thừa và không ngừng làm phong phú thêm. Các yếu tố văn hóa vô cùng, phức tạp và đa dạng. Vì vậy trong lĩnh vực đào tạo nghề, cần lựa chọn các yếu tố sao cho phù hợp với yêu cầu đào tạo, nhưng cũng không làm ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện của học sinh.

Khái niệm về nội dung dạy học có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Giáo dục học nghề nghiệp định nghĩa nội dung dạy học như sau: "Nội dung dạy học bao gồm toàn bộ khối lượng kiến thức, kỹ năng và hệ thống thái độ cần được trang bị cho người học nhằm đạt được mục tiêu đào tạo của một ngành nghề hay của một môn học xác định"¹.

¹ GDH nghề nghiệp - SPKT - Bộ Giáo dục và đào tạo, 1997

Với mỗi mục tiêu đào tạo ngành, nghề, theo cấp độ đào tạo cụ thể, mà nội dung dạy học của các môn học được xác định theo chương trình quy định.

2. Đặc điểm của nội dung dạy học

Trong giáo lĩnh vực dạy nói chung và lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nói riêng, nội dung dạy học giữ vai trò vô cùng quan trọng. Nó là sự phản ánh, chuyển hoá những yêu cầu của mục tiêu đào tạo thành phẩm chất, năng lực của nhân cách người học viên. Nói khác đi, mục tiêu nào thì nội dung đó hay mục tiêu xác định nội dung. Vì vậy, nội dung luôn bị chi phối bởi mục tiêu đào tạo. Mặt khác, do đời sống văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, công nghệ... luôn phát triển không ngừng, đòi hỏi nội dung dạy học cần đáp ứng kịp thời. Cho nên, nội dung dạy học có những đặc điểm sau:

- Nội dung dạy học do mục đích dạy học và cao hơn nữa là mục đích giáo dục của xã hội quy định.
- Nội dung dạy học phải luôn luôn vận động và phát triển theo từng thời kì phát triển kinh tế xã hội.
- Nội dung dạy học phải phản ánh sự phát triển khách quan của xã hội, của khoa học kỹ thuật và thực tế sản xuất.

II. NHỮNG CƠ SỞ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG THCN - DẠY NGHỀ

1. Cơ sở xác định nội dung dạy học

Để xác định nội dung dạy học, cần căn cứ vào những cơ sở mà từ đó giúp cho nội dung dạy học đáp ứng với mục tiêu, phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội, đảm bảo lý luận dạy học trong lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp. Cơ sở để xác định nội dung dạy học là:

- Căn cứ yêu cầu khách quan của sản xuất xã hội và trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật.
- Căn cứ vào mục tiêu đào tạo và nhiệm vụ của nhà trường.
- Căn cứ vào đặc điểm của ngành nghề đào tạo.
- Đảm bảo yêu cầu của lý luận dạy học.

2. Các yêu cầu của nội dung dạy học

Trong trường nghề, nội dung dạy học gồm nhiều môn học khác nhau: những môn học chung (các môn khoa học cơ bản và phát triển

toàn diện), những môn cơ sở, những môn chuyên ngành, nghề nghiệp, những môn thực hành. Các môn học này được xây dựng tùy thuộc vào mục tiêu đào tạo, nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính cân đối, toàn diện giữa hoạt động học tập và lao động sản xuất, giữa lý thuyết và thực hành.
- Đảm bảo tính cơ bản, hiện đại, thực tiễn.
- Phù hợp với đối tượng dạy học (người học) và điều kiện đào tạo cho phép.
- Đảm bảo tính giáo dục.

III. NỘI DUNG DẠY HỌC CƠ BẢN TRONG TRƯỜNG THCH - DN

1. Khối kiến thức chung

Các môn học thực hiện nhiệm vụ giáo dục và phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển nhân cách chung của người lao động phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đó là những môn học bắt buộc đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong các trường nghề gồm: chính trị, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ, tin học, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng...

2. Các môn học văn hóa

Bao gồm các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội được đưa vào nội dung chương trình đào tạo, tùy thuộc vào đặc trưng ngành nghề sao cho phù hợp với mục tiêu đào tạo.

3. Các môn học lý thuyết cơ sở

Các môn kỹ thuật cơ sở là khối lượng kiến thức chung cho nhiều ngành, là nền tảng cơ bản của kỹ thuật.

Người học tiếp thu được một nền tảng kiến thức vững chắc để phát triển tư duy kỹ thuật vào lĩnh vực chuyên ngành của ngành nghề đào tạo, giúp họ đạt kết quả cao trong hoạt động lao động sản xuất theo nghề nghiệp.

Lưu ý: Tùy từng ngành nghề, nội dung của các môn học này được xác định cụ thể nhưng, phải đủ rộng và phải bao gồm đủ cơ sở cho việc đi sâu vào chuyên môn.

4. Các môn lý thuyết chuyên môn nghề nghiệp

Các môn lý thuyết chuyên môn nghề nghiệp là những phân lý thuyết kỹ thuật của ngành nghề đào tạo, đủ để người học đạt kết quả

cao trong hoạt động lao động sản xuất theo nghề nghiệp. Các môn này xác định tính chất đặc trưng của ngành nghề và thường được nằm trong một số lĩnh vực khoa học có liên quan trực tiếp đến nghề, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất. Nội dung các môn học bao gồm những kiến thức về đối tượng lao động (vật liệu) về công cụ và phương tiện lao động, về quy trình lao động, công nghệ sản xuất, về sản phẩm. Các kiến thức về thiết kế, vận hành bảo dưỡng thiết bị, về quản lý kinh tế, an toàn lao động...

5. Các môn thực hành

Thực hành nghề vừa để hình thành năng lực lao động nghề nghiệp, vừa để hình thành đạo đức nghề nghiệp.

Thực hành nghề giúp cho người học có một trình độ tay nghề thành thạo, đủ để họ đạt kết quả cao trong hoạt động lao động sản xuất theo ngành nghề đào tạo.

Nội dung thực hành bao gồm: thực hành nghề liên quan, thực hành nghề cơ bản, thực tập tại vị trí công tác...

Quỹ thời gian dành cho đào tạo ít hay nhiều ở các môn học nói trên, nội dung học một cách tổng quát hay đi sâu sẽ được quy định cụ thể tùy theo từng loại hình đào tạo (chính quy, không chính quy, ngắn hạn, dài hạn), tùy theo ngành nghề đào tạo và nhiệm vụ sau khi ra trường của từng đối tượng được đào tạo.

IV. CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH NỘI DUNG DẠY HỌC

1. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy là văn bản do cấp trên phê duyệt, trong đó quy định:

- Mục đích, nhiệm vụ đào tạo.
- Biểu thời gian danh mục các môn học.
- Thứ tự giảng dạy cho từng môn qua từng thời kỳ, năm học.
- Số giờ dành cho từng môn học trong một năm, tháng, tuần.
- Việc tổ chức năm học (số tuần thực học, số tuần lao động, chế độ học tập hàng tuần, nghỉ hè...).

2. Chương trình môn học

Chương trình môn học nằm trong chương trình khung đào tạo chuyên ngành, nghề nghiệp. Chương trình khung được thiết kế có tính

khái quát cao, linh hoạt về nội dung, cách thực hiện để dễ cập nhật nội dung và phù hợp với nhu cầu người học, được các cấp có thẩm quyền duyệt theo quy định. Chính vì vậy, chương trình môn học là văn bản do Nhà nước ban hành, trong đó quy định các phần sau:

- Vị trí, mục đích (hay mục tiêu), nhiệm vụ môn học, nội dung môn học (các phần, các chương, các mục và tiêu đề, đề mục).
- Phân chia thời gian cho từng phần, từng chương, từng bài (ở đây cũng quy định số tiết kiểm tra, ôn tập).
- Giải thích chương trình và hướng dẫn thực hiện chương trình.
- Chương trình môn học là cơ sở căn cứ để các cấp có thẩm quyền tiến hành chỉ đạo và giám sát công tác giảng dạy của nhà trường. Đối với giáo viên, đây là căn cứ để tiến hành công tác giảng dạy. Đối với học sinh, đây là nội dung để tiến hành học tập, dự kiểm tra và thi theo yêu cầu chung.

3. Giáo trình, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

Giáo trình, sách giáo khoa và tài liệu tham khảo chứa đựng hệ thống tri thức, khái niệm đã được biên soạn cụ thể theo quy định của chương trình môn học. Đây là hệ thống thông tin khoa học mà học sinh cần phải lĩnh hội, để đạt được yêu cầu của môn học. Đó chính là hệ thống bài học được trình bày theo logic nhất định, giúp người học dễ dàng lĩnh hội, mở rộng hiểu biết của mình.

Kết luận: Nội dung dạy học tồn tại với tư cách là một nhân tố hữu cơ của QTDH. Nó luôn vận động và phát triển dưới ảnh hưởng của môi trường xã hội - chính trị và cách mạng khoa học - kỹ thuật - công nghệ. Nội dung dạy học được cụ thể hoá trong kế hoạch giảng dạy, chương trình môn học và sách giáo khoa.

Câu hỏi ôn tập

1. Nội dung dạy học là gì? Trình bày các nội dung dạy học cơ bản?
2. Phân tích đặc điểm nội dung dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề? Liên hệ với nội dung dạy học của trường (cơ sở đào tạo) nơi anh chị công tác?
3. Những căn cứ để xây dựng nội dung dạy học ở trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề?
4. Khi xây dựng nội dung dạy học ở trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cần chú ý những nguyên tắc nào?
5. Nội dung dạy học trong trường đã giúp anh (chị) đáp ứng yêu cầu sự phát triển của nền kinh tế, văn hóa xã hội như thế nào?

Chương 3

NGUYÊN TẮC DẠY HỌC

Mục tiêu

Khi học xong chương này, học viên có khả năng:

- Phân tích được nội dung và yêu cầu của các nguyên tắc dạy học.
- Phân tích mối quan hệ, sự tác động qua lại của các nguyên tắc dạy học.
- Có kỹ năng kết hợp và sử dụng các nguyên tắc dạy học đối với bộ môn mình phụ trách.
- Biết vận dụng và thực hiện linh hoạt các nguyên tắc dạy học trong quá trình dạy học của bản thân.

I. KHÁI NIỆM VỀ NGUYÊN TẮC DẠY HỌC

Sự vận động và phát triển của quá trình dạy học cần phải được tổ chức, điều khiển theo hướng đã định, để mang lại kết quả tối ưu, đáp ứng được yêu cầu của xã hội đối với sự nghiệp giáo dục nói chung, đối với đào tạo nghề nói riêng. Việc tổ chức điều khiển quá trình dạy học không thể tùy tiện, theo chủ nghĩa kinh nghiệm, mà phải dựa trên cơ sở khoa học với những luận điểm cơ bản nhất. Đó chính là các nguyên tắc dạy học. Trong quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học giúp cho mối quan hệ, tác động qua lại giữa các nhân tố cấu thành của quá trình dạy học đạt được mục đích dạy học tốt nhất, hiệu quả nhất. Quá trình dạy học là quá trình trong đó học sinh tự giác, tích cực, tự tổ chức điều khiển hoạt động nhận thức của mình dưới sự chỉ đạo của giáo viên nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học. Các nguyên tắc dạy học chỉ đạo tiến trình giảng dạy và học tập. Nói cách khác, nguyên tắc dạy học chỉ đạo hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh phù hợp với quy luật. Tuy nhiên, không phải lúc nào

ta cũng vận dụng các nguyên tắc dạy học một cách máy móc, mà phải căn cứ vào điều kiện cụ thể để vận dụng các nguyên tắc một cách linh hoạt, sáng tạo các nguyên tắc, nhằm đạt hiệu quả cao nhất, thực hiện tốt nhất mục đích và nhiệm vụ dạy học. Vì vậy: Nguyên tắc dạy học là những luận điểm cơ bản, có tính quy luật của quá trình dạy học, có tác dụng chỉ đạo toàn bộ tiến trình giảng dạy và học tập, phù hợp với mục đích dạy học nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học.

II. HỆ THỐNG CÁC NGUYÊN TẮC DẠY HỌC

1. Nguyên tắc dạy học phải đảm bảo tính giáo dục và phát triển

1.1. Yêu cầu nội dung của nguyên tắc

Mục đích của dạy học không chỉ đảm bảo nhiệm vụ cung cấp tri thức, mà dạy học còn nhằm hình thành nhân cách toàn diện cho học sinh. Quá trình dạy học và quá trình giáo dục là một quy luật thống nhất của quá trình sư phạm. Trong quá trình dạy học, phải tìm hiểu mục đích giáo dục của từng môn học, phát huy tiềm năng của từng loại hoạt động giáo dục trong việc phát triển toàn diện nhân cách của thế hệ trẻ. Để việc dạy học trong nhà trường gắn với thực tế lao động sản xuất, gắn với cuộc sống xã hội đang trên đà phát triển, cần thực hiện yêu cầu của các nguyên tắc dạy học như sau:

- Giúp học sinh nắm được tri thức khoa học và kỹ năng, kỹ xảo hành nghề một cách có hệ thống vững chắc.
- Phát triển các năng lực tư duy, hành động, và sự sáng tạo trong nghề nghiệp.
- Từng bước tạo cho học sinh có phương pháp nghiên cứu, thói quen, suy nghĩ làm việc khoa học.
- Thông qua những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, những phương pháp nói trên để hình thành cho học sinh cơ sở thế giới quan khoa học, những phẩm chất và tình cảm đạo đức của con người mới và ngược lại. Đó là sự thống nhất biện chứng giữa dạy học và phát triển trí tuệ, phát triển nhân cách.

1.2. Biện pháp thực hiện

- Trang bị cho học sinh hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo sát thực với yêu cầu của nền sản xuất.

- Bằng chính nhân cách của người thầy, tác động đến nhân cách học sinh.

- Thông qua việc trang bị trên, giáo dục ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của thế hệ trẻ đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Trình bày những tri thức khoa học theo một hệ thống logic chặt chẽ, đảm bảo mối liên hệ hợp lý giữa các kiến thức.

- Tạo điều kiện để học sinh tiếp xúc với nền sản xuất tiên tiến, những công nghệ sản xuất mới, tạo ý thức vươn lên làm chủ kỹ thuật hiện đại để phát triển các năng lực:

- + Năng lực tư duy (tư duy khoa học và tư duy kỹ thuật).

- + Năng lực hành động (kỹ năng thực hiện).

- + Năng lực sáng tạo hay nghiên cứu khoa học.

- Vận dụng các phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học theo hướng bồi dưỡng cho học sinh phương pháp làm việc và năng lực tư duy khoa học.

2. Nguyên tắc dạy học đảm bảo tính trực quan

2.1. Yêu cầu nội dung của nguyên tắc

Trong quá trình dạy học, nguyên tắc đảm bảo tính trực quan được áp dụng nhiều vì học sinh phải tri giác, quan sát, tiếp xúc trực tiếp với đối tượng, thông qua đó giúp cho sự lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng dễ dàng. Tuy nhiên, giáo viên cũng tránh lạm dụng nguyên tắc này vì sử dụng quá mức độ sẽ ảnh hưởng tới khả năng tư duy của học sinh. Vì vậy, tính trực quan có một vị trí vô cùng quan trọng và không thể thiếu được trong quá trình dạy học, nhất là dạy học có tính nghề nghiệp.

Trong quá trình dạy học, cũng có thể có học sinh nắm các khái niệm, các quy luật trừu tượng nhất định, từ đó học sinh sẽ xem xét những sự vật, hiện tượng cụ thể. Tuy nhiên, sự vận động của nhận thức đi từ cụ thể đến trừu tượng là quy luật chung. Học tập là quá trình nhận thức, được tổ chức một cách đặc biệt nên quy luật này phải được vận dụng một cách sáng tạo, không máy móc, tuý tiện. Bởi vậy, khi thực hiện các nguyên tắc dạy học, cần chú ý đảm bảo mối liên hệ qua lại giữa hai con đường nhận thức đó.

2.2. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

Trong quá trình dạy học, phải sử dụng kết hợp nhiều loại phương tiện trực quan khác nhau: các vật thật, các mô hình, biểu đồ, sơ đồ, bản đồ... để giúp cho học sinh dễ dàng lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp.

Khi sử dụng đồ dùng dạy học, giáo viên phải khéo léo kết hợp sử dụng ngôn ngữ đi kèm và huy động tối đa các giác quan của người học tham gia vào sự lĩnh hội, nhằm giúp người học dễ dàng hình thành những biểu tượng mới.

Thông qua việc sử dụng nguyên tắc về tính trực quan, giáo viên cần bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy nói chung và tư duy kỹ thuật nghề nghiệp nói riêng để phát triển các năng lực hành động (kỹ năng thực hiện), sự sáng tạo và những phẩm chất khác cần thiết của nghề nghiệp.

Cần chọn lọc đồ dùng trực quan và sử dụng trong hoạt động dạy học cho phù hợp với nội dung bài đảm bảo nguyên tắc: Đúng lúc, đúng chỗ và đủ cường độ.

3. Nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, tự giác, tích cực trong hoạt động của học sinh

3.1. Yêu cầu nội dung của nguyên tắc

Học sinh là chủ thể của quá trình nhận thức. Để nâng cao hiệu quả học tập của học sinh, trong mọi khâu của quá trình dạy học, cần đòi hỏi học sinh tự giác, tích cực và độc lập học tập. Các phẩm chất trên phải được thể hiện trong quá trình học tập ở lớp, ở nhà, trong giờ nội khoá và ngoại khoá.

3.2. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

Đối với hoạt động học, học sinh cần phải ý thức được động cơ, nhiệm vụ học tập của mình. Để thực hiện nguyên tắc này, giáo viên cần có những biện pháp sau:

- Bồi dưỡng cho học sinh ý thức sâu sắc được mục đích, nhiệm vụ học tập của mình, từ đó có thái độ học tập đúng đắn.

- Hướng dẫn học sinh giải quyết các câu hỏi, bài tập đòi hỏi phải so sánh, chứng minh, giải thích... các sự vật hiện tượng, đồng thời đòi hỏi việc vận dụng tri thức, kỹ năng, kỹ xảo vào các tình huống khác nhau.

- Tăng cường kiểm tra đánh giá với yêu cầu cao, thường xuyên động viên, khen ngợi những học sinh tự giác, tích cực, độc lập học tập.

4. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và vừa sức

4.1. Yêu cầu nội dung của nguyên tắc

Trong quá trình dạy học, tính khoa học và vừa sức tiếp thu của người học là một nguyên tắc sư phạm. Do đó giáo viên cần xác định được yêu cầu và nhiệm vụ học tập phù hợp với sự phát triển nhân cách nói chung, sự phát triển nhận thức nói riêng của học sinh.

Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học đòi hỏi nội dung dạy học phải phản ánh được hiện thực một cách đúng đắn, chân thực, khách quan; phải vạch ra được những tính chất cơ bản của sự vật, hiện tượng và những mối liên hệ bản chất của chúng; qua đó hình thành trong ý thức học sinh những quy luật của sự phát triển đó. Để thể hiện công việc này, giáo viên phải coi trọng việc hình thành những quan điểm có tính lý thuyết, những khái niệm khoa học, những tư duy khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nghề nghiệp khi giảng dạy các môn học. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phải phù hợp với trình độ phát triển nói chung và sự phát triển của từng học sinh nói riêng. Điều này đảm bảo cho từng học sinh đều có thể phát triển ở mức độ tối đa so với khả năng của mình. Như vậy, bản thân tính khoa học của từng môn học được nâng cao, năng lực nhận thức của học sinh sẽ phát triển và mở rộng.

4.2. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

Giáo viên phải nắm được đối tượng học sinh mình phụ trách. Trong quá trình dạy học, thầy cần dẫn dắt học sinh đi từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó để mọi học sinh đều có thể tiếp thu tri thức dễ dàng.

Giáo viên cần tăng cường kiểm tra, theo dõi tình hình học tập của các đối tượng khá, giỏi, trung bình, kém để có biện pháp thích ứng, nhằm giúp các em khá và giỏi phát triển được năng khiếu, các em trung bình vươn lên khá, các em kém vươn lên trung bình. Giáo viên cũng cần có kế hoạch để học sinh giúp đỡ lẫn nhau.

5. Nguyên tắc liên hệ lý luận với thực tiễn

5.1. Yêu cầu nội dung của nguyên tắc

- Giúp cho học sinh nắm vững những tri thức lý luận tối thiểu thuộc các lĩnh vực của cuộc sống.

- Giúp cho học sinh thấy được tác dụng của những tri thức lý luận đối với đời sống thực tiễn.

- Giúp cho học sinh có kỹ năng vận dụng những tri thức đó vào cuộc sống, nhằm góp phần cải tạo hiện thực, cải tạo bản thân.

5.2. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Kế hoạch dạy học, nội dung dạy học phải có sự chọn lọc, đảm bảo cân đối giữa lý luận và thực tiễn.

- Cần chú ý vận dụng các phương pháp thực nghiệm trực quan, luyện tập... để học sinh gắn gũi với thực tiễn.

- Cần tổ chức các hình thức tổ chức dạy học đa dạng: xưởng trường, xí nghiệp, vườn trường, ruộng thí nghiệm, phòng thí nghiệm, bệnh viện...

6. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và tính nhất quán

6.1. Yêu cầu nội dung của nguyên tắc

- Hệ thống là sự sắp xếp theo một cấu trúc nhất định. Trong quá trình dạy học, kiến thức bài trước là cơ sở để tiếp thu kiến thức bài sau, kiến thức bài sau ứng dụng kiến thức của bài trước. Hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo phải được trình bày một cách hợp lý, chặt chẽ và nhất quán có như vậy mới trở thành nền móng vững chắc để học sinh tiếp tục đào sâu kiến thức chuyên môn trong tương lai.

- Hai mặt khoa học kỹ thuật và khoa học giáo dục phải được kết hợp hữu cơ với nhau, tạo nên một hệ thống kiến thức cơ bản tinh giản, nhất quán theo một logic chặt chẽ.

6.2. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Giới thiệu cho học sinh vị trí các môn học trong mục tiêu đào tạo ngay từ đầu.

- Cần xác lập mối liên hệ giữa các chương, mục khác nhau của môn học hay giữa các môn học.

- Giáo viên cần hướng dẫn học sinh hiểu được hệ thống những yêu cầu, hệ thống tiến hành bài giảng và tính hệ thống trong học tập.

7. Nguyên tắc dạy học đảm bảo tính vững chắc của tri thức và tính mềm dẻo của tư duy

7.1. Yêu cầu của nguyên tắc

- Lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo là một quá trình liên tục. Bởi việc hình thành khái niệm khoa học, rèn luyện tay nghề

thường phải trải qua nhiều giai đoạn xen kẽ, bổ sung cho nhau. Học sinh cần phải nắm chắc được tri thức, kỹ năng, kỹ xảo trong quá trình học tập và biết vận dụng vào thực tế trong lĩnh vực nghề nghiệp sau này.

- Trên cơ sở nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, học sinh phải biết vận dụng hiệu quả vào thực tế lao động sản xuất.

- Trong quá trình học tập, học sinh nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, nhưng cũng cần phải phát triển được các phẩm chất của tư duy nói chung và của tư duy kỹ thuật nói riêng trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình.

7.2. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Giáo viên cần truyền đạt những vấn đề cơ bản trọng tâm, hệ thống. Học sinh phải phối hợp các loại ghi nhớ, trong đó cần chú ý đến ghi nhớ chủ định và ghi nhớ có ý nghĩa.

- Nội dung dạy học phải được sắp xếp theo một logic, có sự kết hợp giữa logic khoa học kỹ thuật với logic sư phạm.

- Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh biết sử dụng sách giáo khoa, biết cách thức ôn tập tích cực.

8. Nguyên tắc dạy học phải đảm bảo tính cá biệt

8.1. Nội dung của nguyên tắc

Giáo viên phải làm cho mỗi học sinh trong tập thể thấy được vị trí và vai trò của cá nhân, của tập thể lớp, để từ đó có mối quan hệ giúp đỡ, học tập lẫn nhau.

8.2. Yêu cầu của nguyên tắc

- Tập thể lớp cần làm cho mỗi cá nhân ý thức được sâu sắc mục đích, nhiệm vụ học tập của mình, có tinh thần trách nhiệm xây dựng tập thể và tạo ra những dư luận tập thể tích cực.

- Tổ chức hoạt động tự học chung dưới nhiều hình thức như nhóm, tổ, thảo luận... Trong hoạt động này, các bạn khá giúp đỡ các bạn yếu để cùng tiến bộ.

- Đẩy mạnh việc tự học của cá nhân, học có kế hoạch, có phương pháp, vượt mọi khó khăn để học tập.

Các thầy cô giáo là người chủ đạo trong việc chỉ đạo phong trào học tập của tập thể và cá nhân. Vì vậy giáo viên cần quan tâm tới quá

trình nhận thức của từng học sinh từ đó có biện pháp giúp đỡ hiệu quả đối với các học sinh khá giỏi cũng như yếu kém.

III. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC NGUYÊN TẮC

Nguyên tắc dạy học là những luận điểm cơ bản của quá trình dạy học, đã được đúc rút trở thành những quy luật, là căn cứ cho hoạt động giảng dạy. Những luận điểm này liên hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại với nhau. Do đó, hỗ trợ nhau, giáo viên khi giảng dạy cần kết hợp một cách mềm dẻo.

Mỗi nguyên tắc dạy học đều có ý nghĩa riêng, có vị trí, tầm quan trọng nhất định trong hệ thống các nguyên tắc dạy học. Thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ hỗ trợ nguyên tắc khác phát huy tác dụng.

Tóm lại: Các nguyên tắc dạy học có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên phải sử dụng tổng hợp các nguyên tắc này để đạt mục đích dạy học. Mỗi nguyên tắc đều có ý nghĩa riêng và có vị trí nhất định, có mối liên quan đến các nguyên tắc khác trong hệ thống các nguyên tắc dạy học.

Câu hỏi ôn tập

1. Nguyên tắc dạy học là gì? Nêu hệ thống các nguyên tắc dạy học?
2. Trình bày những yêu cầu và biện pháp thực hiện từng nguyên tắc dạy học nói trên?
3. Trong quá trình dạy học, để đảm bảo tính giáo dục, tính tập thể và tính cá biệt, anh (chị) có những biện pháp gì? Vận dụng vào quá trình dạy học như thế nào?
4. Để đảm bảo tính trực quan, anh (chị) có những giải pháp hoặc biện pháp cụ thể như thế nào đối với bộ môn được đảm nhiệm?
5. Những biện pháp anh (chị) phát huy tính tích cực học tập của học sinh? Vận dụng vào giảng dạy?
6. Dự một số giờ của giáo viên giỏi, tìm hiểu xem giáo viên đó đã vận dụng các nguyên tắc như thế nào?

Chương 4

CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CƠ BẢN

Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, học viên có khả năng:

- Nêu được các hình thức tổ chức dạy học cơ bản và biết cách lựa chọn hình thức tổ chức dạy học hợp lý trong quá trình dạy học.
- Phân tích được nội dung, yêu cầu, ưu và nhược điểm của các phương pháp dạy học.
- Có kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học cơ bản.
- Biết lựa chọn phương pháp dạy học hợp lý, có hiệu quả và vận dụng vào bài giảng theo chuyên môn của mình.

I. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG THCS - DN

1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học

1.1. Hình thức tổ chức dạy học là gì?

Hình thức tổ chức dạy học là những cách thức tiến hành hoạt động dạy và học thống nhất giữa giáo viên và học sinh, được thực hiện theo một trình tự và chế độ nhất định nhằm đảm bảo các nhiệm vụ dạy học.

Hình thức tổ chức dạy học là những biểu hiện bên ngoài của hoạt động phối hợp giữa giáo viên và học sinh, được xác định bởi mục tiêu và điều kiện thực tế của quá trình dạy học. Trong đó, giáo viên truyền đạt những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và những kinh nghiệm nghề nghiệp đã tích lũy được cho người học.

1.2. Sơ lược về sự phát triển của các hình thức tổ chức dạy học

Các hình thức tổ chức dạy học được hình thành và phát triển trong lịch sử loài người, phụ thuộc vào những biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội...

+ Vào thời kỳ bình minh của lịch sử loài người, dạy học được tiến hành theo hình thức cá nhân, dưới dạng truyền thụ kinh nghiệm.

+ Trong thời kỳ nô lệ, tuy nhà trường đã xuất hiện nhưng thầy giáo vẫn truyền thụ kinh nghiệm dưới dạng dạy từng cá nhân.

+ Đến thời kỳ trung cổ, ở cả phương Tây và phương Đông, hình thức dạy học cá nhân vẫn tồn tại.

+ Đến thế kỷ XVI/XVII, kinh tế phát triển mạnh, hình thức dạy học cá nhân không còn phù hợp và hình thức dạy học theo lớp - bài xuất hiện. Comenxki (1592-1670) - nhà giáo dục Tiệp Khắc vĩ đại đã có nhiều công trình nghiên cứu hình thức dạy học này.

Hiện nay, trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề áp dụng nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau: lớp - bài, dạy theo nhóm, dạy theo cá nhân, thảo luận, thực tế, tham quan, phụ đạo, tự học ở nhà... trong đó hình thức lớp - bài là cơ bản và phổ biến nhất.

2. Các hình thức tổ chức dạy học

2.1. Lớp - bài, hình thức dạy học cơ bản

2.1.1. Đặc điểm

Trong hình thức dạy học lớp - bài, hoạt động được tiến hành chung trong cả lớp. Học sinh trong lớp có cùng lứa tuổi, trình độ.

Giáo viên dạy theo tiết học, có thời khoá biểu xác định. Giáo viên trực tiếp tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của cả lớp, đồng thời có chú ý tới từng học sinh.

2.1.2. Ưu, nhược điểm

Ưu điểm:

- Cùng một lúc đào tạo được hàng loạt học sinh theo yêu cầu của đất nước.
- Đảm bảo cho học sinh lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo phù hợp với những yêu cầu của tâm lý học, giáo dục học...
- Đảm bảo sự thống nhất về nội dung, kế hoạch dạy học.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc bồi dưỡng những phẩm chất của con người mới cho học sinh.

Nhược điểm:

- Học sinh thiếu thời gian để nắm vững ngay tri thức và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo theo quy định.
- Giáo viên không có điều kiện để chú ý đầy đủ với từng cá nhân học sinh.
- Khó tổ chức sự liên hệ ngược để giáo viên nắm kết quả từng học sinh.

2.2. Bài học - Các kiểu bài học và cấu trúc của nó

2.2.1. Bài học (bài giảng)

Bài giảng gồm một khối lượng nội dung kiến thức hoặc kỹ năng, kỹ xảo nhất định, do giáo viên điều khiển một lớp học với số lượng học sinh và thành phần ổn định, có cùng độ tuổi và trình độ gần như nhau.

Căn cứ vào đặc thù của quá trình đào tạo nghề, bài giảng được phân ra 3 loại bài cơ bản:

- Bài giảng lý thuyết.
- Bài giảng thực hành.
- Bài giảng sản xuất.

2.2.2. Cấu trúc các loại bài giảng

a. Bài giảng lý thuyết

* Bài giảng lý thuyết tổng quát: Mục đích chủ yếu của loại bài học này là truyền thụ tri thức mới cho học sinh.

Cấu trúc bài giảng bao gồm:

- Tổ chức ổn định lớp.
- Kiểm tra bài cũ.
- Thông báo đề bài.
- Giảng bài mới.
- Củng cố kiến thức vừa học.
- Tổng kết bài.
- Ra bài về nhà.

* Bài truyền thụ kiến thức mới: Mục đích chủ yếu là truyền thụ kiến thức mới cho học sinh. Nó được dùng khi bắt đầu giảng vào một môn học, một chương... Cấu trúc loại bài giảng này như bài tổng quát nhưng bỏ bớt bước thứ hai.

* Bài luyện tập: Mục đích là tổ chức điều khiển học sinh luyện tập hình thành các kỹ năng, kỹ xảo như: tập vẽ, tập tính toán, thiết kế...

Cấu trúc bài giảng:

- Tổ chức và ổn định lớp.
- Thông báo đề tài, định hướng mục đích, yêu cầu luyện tập.
- Huy động những kiến thức đã học và kinh nghiệm của học sinh qua thuyết trình từ giáo viên.
- Giới thiệu trình tự các bước luyện tập bằng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu.
- Tổ chức điều khiển học sinh tự mình luyện tập theo quy trình đã hướng dẫn.
- Tổng kết luyện tập.
- Ra bài về nhà.

* Bài vận dụng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo: Mục đích nhằm tổ chức điều khiển học sinh độc lập ứng dụng những kiến thức kỹ năng, kỹ xảo đã học vào việc giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn.

Cấu trúc bài giảng:

- Tổ chức ổn định lớp.
- Thông báo đề bài, nhiệm vụ, mục đích yêu cầu, đồng thời giáo viên tái hiện kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo trong vốn tri thức của học sinh.
- Tổ chức cho học sinh tự mình giải quyết các nhiệm vụ.
- Tổ chức cho học sinh viết báo cáo.
- Tổng kết luyện tập.
- Ra bài về nhà (nếu có).

* Bài ôn tập: Mục đích là nhằm tổ chức cho học sinh hệ thống, khái quát lại kiến thức sau khi đã học xong một phần, chương, hay toàn bộ môn học.

Cấu trúc bài giảng:

- Tổ chức ổn định lớp.
- Thông báo đề bài.
- Định hướng tổ chức cho học sinh tự tóm tắt, hệ thống hóa những vấn đề theo nhiệm vụ đã giao, khái quát hoá những nội dung quan trọng cần nắm vững.
- Tổng kết bài.

- Ra bài về nhà (nếu có).

* Bài kiểm tra kiến thức kỹ năng, kỹ xảo: Mục đích nhằm kiểm tra, đánh giá những kết quả học tập đã thu được ở học sinh.

Cấu trúc bài giảng:

- Tổ chức ổn định lớp.

- Thông báo mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu.

- Tổ chức cho học sinh làm bài kiểm tra: miệng, viết, vấn đáp...

- Thu bài.

- Tổng kết bài.

b. Bài giảng thực hành

* Bài có tính chất tập luyện: Mục đích là rèn luyện thao động tác cơ bản của nghề đào tạo. Loại bài này gồm 3 giai đoạn: hướng dẫn ban đầu, hướng dẫn thường xuyên, hướng dẫn kết thúc.

Hướng dẫn ban đầu:

- Ổn định lớp.

- Thông báo mục đích, yêu cầu (hay mục tiêu học tập).

- Tích cực hoá những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo có liên quan.

- Trình bày nội dung luyện tập.

- Trình bày các hiện tượng, nguyên nhân sai hỏng và biện pháp khắc phục.

- Làm bài mẫu cho học sinh xem và hướng dẫn học sinh làm thử.

- Phân công việc: phổ biến an toàn lao động và phân công vị trí luyện tập.

Hướng dẫn thường xuyên:

- Thực hiện việc quan sát, bao quát tất cả mọi hoạt động luyện tập của học sinh.

- Theo dõi những tiến bộ trong quá trình luyện tập của học sinh và những hiện tượng sai lầm; phân tích nguyên nhân và tìm ra biện pháp khắc phục.

- Dùng những thủ thuật hướng dẫn như: uốn nắn, chỉ bảo, can thiệp tích cực vào hoạt động luyện tập của từng cá nhân, nhóm, hay cả lớp.

- Đánh giá sơ bộ kết quả luyện tập, ghi chép vào sổ lên lớp.

Hướng dẫn kết thúc:

- Phân tích mức độ hoàn thành các công việc luyện tập (so sánh mục đích, kết quả).

- Đánh giá kết quả luyện tập.
- Tổng kết kinh nghiệm học sinh thu được.
- Nêu những sai lầm mà học sinh mắc phải và giải thích rõ nguyên nhân gây ra.
- Cách thức hạn chế sai lầm và cách khắc phục.
- Nhận xét tinh thần, thái độ chấp hành an toàn lao động.
- Dự đoán khả năng của học sinh vận dụng những điều đã học vào những bài sau.

* Bài có tính học tập - sản xuất: Mục đích nhằm nâng cao, củng cố những thao tác cơ bản đã học tập ở loại bài trên và vận dụng vào những đơn đặt hàng ngoài xã hội hay hợp đồng sản xuất giữa trường với các đơn vị sản xuất.

Cấu trúc bài giảng cũng gồm 3 giai đoạn:

Hướng dẫn ban đầu:

- Tổ chức ổn định lớp.
- Thông báo tên bài, đề mục, tên đề mục và bài luyện tập ứng dụng vào sản phẩm nào.
- Thông báo mục tiêu học tập.
- Trình bày nội dung công nghệ.
- Nêu các hiện tượng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục và phổ biến cách tự kiểm tra cho học sinh.
- Làm mẫu cho học sinh xem.
- Phổ biến an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.
- Phân phối công việc, định mức thời gian phân công vị trí lao động cho học sinh.

Hướng dẫn thường xuyên:

- Kết quả như bài có tính chất tập luyện.

Hướng dẫn kết thúc:

- Kết quả như bài có tính chất tập luyện.

c. Bài có tính sản xuất:

Mục đích là để học sinh tiếp cận với quá trình sản xuất thực thụ, thường được dạy sau hai dạng bài trên và vào thời kỳ cuối khoá học, nhằm giúp học sinh học nghề quen dần với lao động của người công nhân.

Cấu trúc bài gồm 3 giai đoạn như sau:

Hướng dẫn ban đầu: Hướng dẫn có thể giao cho cả lớp, nhóm, cá nhân.

- Đánh giá kết quả luyện tập.
- Tổng kết kinh nghiệm học sinh thu được.
- Nêu những sai lầm mà học sinh mắc phải và giải thích rõ nguyên nhân gây ra.
- Cách thức hạn chế sai lầm và cách khắc phục.
- Nhận xét tinh thần, thái độ chấp hành an toàn lao động.
- Dự đoán khả năng của học sinh vận dụng những điều đã học vào những bài sau.

* Bài có tính học tập - sản xuất: Mục đích nhằm nâng cao, củng cố những thao tác cơ bản đã học tập ở loại bài trên và vận dụng vào những đơn đặt hàng ngoài xã hội hay hợp đồng sản xuất giữa trường với các đơn vị sản xuất.

Cấu trúc bài giảng cũng gồm 3 giai đoạn:

Hướng dẫn ban đầu:

- Tổ chức ổn định lớp.
- Thông báo tên bài, đề mục, tên đề mục và bài luyện tập ứng dụng vào sản phẩm nào.
- Thông báo mục tiêu học tập.
- Trình bày nội dung công nghệ.
- Nêu các hiện tượng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục và phổ biến cách tự kiểm tra cho học sinh.
- Làm mẫu cho học sinh xem.
- Phổ biến an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.
- Phân phối công việc, định mức thời gian phân công vị trí lao động cho học sinh.

Hướng dẫn thường xuyên:

- Kết quả như bài có tính chất tập luyện.

Hướng dẫn kết thúc:

- Kết quả như bài có tính chất tập luyện.

c. Bài có tính sản xuất:

Mục đích là để học sinh tiếp cận với quá trình sản xuất thực thụ, thường được dạy sau hai dạng bài trên và vào thời kì cuối khoá học, nhằm giúp học sinh học nghề quen dần với lao động của người công nhân.

Cấu trúc bài gồm 3 giai đoạn như sau:

Hướng dẫn ban đầu: Hướng dẫn có thể giao cho cả lớp, nhóm, cá nhân.

* Nhược điểm:

- Những em khá trong nhóm sẽ làm thay các em kém.
- Những yêu cầu do giáo viên nêu ra chung cho nhóm sẽ dẫn tới khả năng quá cao hoặc quá thấp đối với từng thành viên trong nhóm.

2.4. Hình thức dạy học cá nhân

2.4.1. Đặc điểm

- Mỗi học sinh được giao một nhiệm vụ học tập độc lập theo trình độ, khả năng riêng của mình.
- Tự vận động để lĩnh hội kiến thức lý thuyết và sự thành thạo tay nghề trong quá trình thực hành.

2.4.2. Ưu, nhược điểm

* Ưu điểm:

- Phù hợp với khả năng nhận thức lý thuyết và trình độ trong rèn luyện tay nghề ở mức cao nhất của mỗi học sinh.
- Tạo điều kiện cho cá nhân phát huy hết khả năng sẵn có của bản thân.
- Giáo viên có thể cá biệt hoá cấp độ những nhiệm vụ học tập đối với học sinh.

* Nhược điểm:

- Giáo viên phải đầu tư nhiều thời gian.
- Học sinh không có sự giúp đỡ cần thiết lẫn nhau giữa các cá nhân.

2.5. Các hình thức dạy học khác

2.5.1. Thảo luận (Semina)

Đây là hình thức giúp học sinh hiểu sâu sắc nội dung kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo lao động và mở rộng phạm vi hiểu vượt ra ngoài chương trình đào tạo, kích lệ học sinh biết suy nghĩ và phân tích theo lý lẽ của mình, phát triển ngôn ngữ khoa học và kỹ thuật.

Để tiến hành thảo luận cần tiến hành các bước sau:

- Chuẩn bị: Chủ đề hay vấn đề, mục đích, nội dung, hệ thống câu hỏi, những yêu cầu, biện pháp tiến hành, thời gian, địa điểm.v.v..
- Tiến hành thảo luận: Phải có người chủ trì điều khiển đi đúng hướng, đúng trọng tâm.
- Cuối cùng, người hướng dẫn nhận xét, tổng kết.

2.5.2. Tham quan học tập (kiến tập)

Tham quan học tập là hình thức học tập chính khoá, tạo điều kiện cho học sinh mở rộng sự hiểu biết những kiến thức đã tiếp thu ở sách

vở và trường nghề mà trong phạm vi trường không thực hiện được nhằm nâng cao hứng thú học tập, phát triển năng lực quan sát và làm quen dần với thực tế sản xuất xã hội.

Có nhiều hình thức tham quan như: Tham quan chuẩn bị, tham quan minh chứng, tham quan tổng kết...

Tham quan được tiến hành theo các bước như sau:

- Chuẩn bị: Xác định mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu tham quan. Địa điểm tham quan phải được liên hệ và xem xét cụ thể để vạch kế hoạch, thời gian, phương tiện và kinh phí.

- Tiến hành tham quan: Phải có người hướng dẫn. Khi tham quan, học sinh phải ghi chép nội dung cần quan sát, thu nhập các thông tin cần thiết làm cơ sở cho việc tổng kết

- Tổng kết: Học sinh viết thu hoạch theo sự hướng dẫn của giáo viên.

2.5.3. Tự học ở nhà

Đây là hình thức tự học, sử dụng thời gian ngoài giờ học chính để nhằm ôn bài, đọc thêm tài liệu, làm bài tập. Qua đó, học sinh củng cố, hệ thống hoá, khái quát hoá những vấn đề đã học ở lớp, dần tích lũy vốn kiến thức sâu và rộng.

2.5.4. Giúp đỡ riêng

Hình thức giúp đỡ riêng nhằm giúp đỡ học sinh yếu kém, khích lệ học sinh khá giỏi. Muốn vậy, giáo viên phải phân loại học sinh thành từng nhóm để cho những bài tập, bài làm phù hợp. Giáo viên cũng có thể phải giảng riêng cho từng đối tượng cụ thể. Khi giúp đỡ riêng, giáo viên hướng dẫn phải tỉ mỉ, cụ thể, có hệ thống, tuyệt đối không làm thay học sinh.

2.5.5. Thực tập sản xuất (tại cơ sở sản xuất)

Thực tập tại cơ sở sản xuất giúp học sinh tiếp cận, làm quen và bước đầu thích ứng với vị trí làm việc của mình sau này. Đây chính là hình thức vận dụng các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm ban đầu vào thực tế lao động sản xuất.

Kết luận: Hình thức tổ chức dạy học rất đa dạng, phong phú. Các hình thức tổ chức dạy học cơ bản, điển hình như: dạy theo lớp, theo nhóm, cá nhân vẫn chiếm vị trí chủ đạo trong nhà trường dạy nghề. Tùy theo điều kiện thực tế, mục đích môn học, bài học, đặc điểm và yêu cầu của nghề mà áp dụng các hình thức tổ chức dạy học một cách linh hoạt và hợp lý.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Khái niệm phương pháp dạy học

1.1. Phương pháp

Phương pháp theo tiếng Hy Lạp: “Methodos” có nghĩa là “con đường”:

Phương pháp là cách thức, con đường, phương tiện để đạt tới mục đích nhất định, để giải quyết những nhiệm vụ nhất định.

Đây là nghĩa phổ biến nhất của khái niệm phương pháp.

Như Hegel đã nói, phương pháp là “ý thức về hình thức của sự tự vận động bên trong của nội dung”.

Về mặt triết học, có hai định nghĩa thông dụng sau:

- Phương pháp là cách thức, con đường, phương tiện đạt tới những mục đích nhất định trong nhận thức và trong thực tiễn.
- Phương pháp là hình thức của sự tự vận động bên trong của nội dung.

Phương pháp bao gồm những phần hợp thành sau :

- Mục đích dự kiến của chủ thể, tức là kết quả cuối cùng của phương pháp.
- Hoạt động của chủ thể.
- Phương tiện của hoạt động đó.
- Sự vận động của khách thể tới đích.
- Kết quả đạt được (tức là mục đích đã thực hiện được).

Tất cả những yếu tố này gắn bó chặt chẽ với nhau, thâm nhập vào nhau cả trong những điều kiện khách quan lẫn chủ quan của phương pháp.

1.2. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học là con đường, cách thức làm việc phối hợp thống nhất của thầy và trò. Trong đó, thầy truyền đạt nội dung trí dục để trên cơ sở đó và thông qua đó mà chỉ đạo sự học tập của trò. Trò thì lĩnh hội và tự chỉ đạo sự học tập của bản thân, để cuối cùng đạt tới mục đích dạy học.

Phương pháp không phải là bản thân sự hoạt động mà là các cách thức xác định tính chất, phương hướng và trình tự tiến hành hoạt động đó. Do vậy, cần hiểu phương pháp dạy học là hệ thống các hoạt động

có mục đích rõ ràng của giáo viên. Giáo viên là người tổ chức các hoạt động nhận thức của học sinh, đảm bảo cho họ nắm vững kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo; tạo điều kiện để họ phát triển năng lực nhận thức, đồng thời giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho họ.

Tóm lại: Phương pháp dạy học là tổ hợp các cách thức hoạt động của thầy và trò (trong đó thầy đóng vai trò chủ đạo), được tiến hành trong quá trình dạy học, nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

“Phương pháp dạy học là cách thức làm việc của thầy và của trò trong sự phối hợp thống nhất và dưới sự chỉ đạo của thầy nhằm làm cho trò tự giác tích cực, tự lực, đạt tới mục đích dạy học”⁵.

Phương pháp dạy học bao gồm phương pháp dạy và phương pháp học, được thực hiện thông qua hoạt động dạy và hoạt động học. Hai hoạt động này khác nhau về đối tượng, nhưng thống nhất với nhau về mục đích, tác động qua lại với nhau và là hai mặt của quá trình dạy học.

Phương pháp dạy có chức năng là truyền đạt và chỉ đạo.

Phương pháp học có chức năng là tiếp thu và tự chỉ đạo.

Dạy và học tác động qua lại biện, chứng và thống nhất với nhau trong quá trình dạy học.

1.3. Đặc điểm của phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học có những đặc điểm mà khi sử dụng cần phải quan tâm, đó là:

- Phương pháp có tính hướng đích.
- Có tính khoa học - logic.
- Có mối quan hệ tác động qua lại với nội dung.
- Tính khách quan: Phụ thuộc người học.
- Tính chủ quan: Phụ thuộc người sử dụng phương pháp.

2. Tính đa dạng của hệ thống phương pháp dạy học - Hệ thống phương pháp dạy học

2.1. Tính đa dạng của hệ thống phương pháp dạy học

Dạy học là một trong những hoạt động phức tạp và hết sức đa dạng, bao gồm những thao tác cả về trí tuệ lẫn vật chất của thầy và trò trong sự thống nhất hữu cơ. Hoạt động này nhằm một mục đích cuối

⁵ Nguyễn Ngọc Quang - Lý luận dạy học đại cương - Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương.

cùng là làm cho trò nắm vững được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, hình thành phẩm chất mới của nhân cách học sinh.

Không có phương pháp vạn năng nào có thể dùng chung trong quá trình dạy học được. Do vậy, dạy học phải là tổng hợp các cách thức hoạt động, có sự phối hợp thống nhất giữa thầy và trò nhằm thực hiện mục đích dạy học nhất định. Kết quả của quá trình này được biểu hiện trong sự tiến bộ của học sinh, từ chỗ chưa biết đến biết, từ các kỹ năng đơn giản đến các kỹ năng có tính chất sáng tạo, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, năng lực thực hiện trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Phương pháp dạy học có những đặc điểm riêng, được xây dựng và vận dụng vào một quá trình cụ thể, đó là quá trình dạy học. Quá trình này được đặc trưng bởi tính chất hai mặt là hai hoạt động dạy và học. Hoạt động dạy đóng vai trò chủ đạo (tổ chức điều khiển), hoạt động học đóng vai trò tích cực chủ động (tự tổ chức, tự điều khiển) nhằm thực hiện mục đích và nhiệm vụ dạy học. Dạy học là hệ thống các hoạt động có mục đích rõ ràng của giáo viên và học sinh, phù hợp với mục tiêu và kết quả mong muốn đã đề ra. Vì vậy, đây là hoạt động rất đa dạng, phong phú và phức tạp.

2.2. Cơ sở phân loại phương pháp dạy học

Cách phân loại phương pháp dạy học đến nay vẫn chưa có sự phân loại thống nhất, bởi có nhiều quan điểm khác nhau về việc xác định bản chất của chúng.

Có nhiều cách phân loại phương pháp dạy học:

- Cách phân loại căn cứ vào những nhiệm vụ dạy học, từ đó hình thành các nhóm phương pháp.
- Cách phân loại căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức của học sinh trong quá trình lĩnh hội.
- Cách phân loại căn cứ vào nguồn thông báo (thông tin).

Trong giáo trình này, các phương pháp dạy học được phân loại chủ yếu theo cách thứ ba.

Tiếp cận với hệ thống phân loại phương pháp dạy học trên cơ sở khoa học nhất định và yêu cầu tiện lợi cho người sử dụng, ta có thể phân chia thành các nhóm phương pháp dạy học: nhóm phương pháp

dạy học sử dụng ngôn ngữ, nhóm phương pháp trực quan, nhóm phương pháp thực hành, nhóm các phương pháp dạy học chuyên biệt.

Những yêu cầu chung của các nhóm phương pháp:

- Đảm bảo tính mục đích.
- Đảm bảo tính khoa học.
- Đảm bảo tính vừa sức.
- Đảm bảo đem lại hiệu quả cao.

3. Các nhóm phương pháp dạy học

3.1. Nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ

Nhóm này gồm có: các phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại, phương pháp sử dụng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo.

3.1.1. Nhóm các phương pháp sử dụng ngôn ngữ

a. Các phương pháp thuyết trình:

Ngôn ngữ lời nói và chữ viết rất phong phú, dựa vào đó ta chia thành các phương pháp sau:

* **Kể chuyện:** Là phương pháp trình bày và miêu tả một cách sinh động, gợi cảm sự kiện trong một hiện tượng, một quá trình, nhằm xây dựng những biểu tượng cụ thể cho học sinh.

Những yêu cầu khi kể chuyện:

- Phải có chủ đề, có dàn ý để giúp học sinh theo dõi câu chuyện.
- Phải dùng lời nói sinh động, gợi cảm, giàu hình ảnh.
- Có thể minh họa truyện kể bằng các phương tiện trực quan.
- Có thể kết hợp vấn đáp nếu cần thiết.

* **Giảng giải:** Là phương pháp trình bày và giải thích một thuật ngữ, một mối quan hệ, một quy tắc... nhằm giúp học sinh hiểu biết về chúng.

Yêu cầu khi giảng giải:

- Giảng bài phải rõ ràng, có luận cứ chính xác gọn gàng dễ hiểu.
- Có kết hợp với sử dụng các phương tiện trực quan.
- Khi cần cũng có thể kết hợp vấn đáp để học sinh tự rút ra kết luận cần thiết.

* **Diễn giảng:** Là phương pháp trình bày một vấn đề hoàn chỉnh, có tính chất phức tạp, trừu tượng và khái quát trong một thời gian tương đối dài (1 - 2 tiết).

Yêu cầu khi diễn giảng:

- Diễn giảng phải rõ ràng, chính xác các sự kiện, đảm bảo tính logic của cấu trúc tài liệu.

- Đảm bảo tính hình tượng và tính diễn cảm.

- Đảm bảo thu hút sự chú ý và phát huy tính tích cực, tư duy của học sinh.

- Đảm bảo cho học sinh biết cách ghi chép.

* Giảng thuật: Là phương pháp thuyết trình có chứa đựng các yếu tố trần thuật và mô tả. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi khi nói về các vấn đề lịch sử phát triển, tiểu sử, thành tích, thành tựu khoa học kỹ thuật...

b. Phương pháp dùng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo:

Sách là nguồn tri thức phong phú, sinh động, hấp dẫn đối với học sinh. Sách giúp học sinh mở rộng, đào sâu tri thức, rèn luyện những kỹ năng, kỹ xảo. Trong đào tạo nghề, làm việc với sách giáo khoa có yêu cầu riêng, bởi sách giáo khoa, tài liệu học tập phần lớn là sách kỹ thuật, sách chuyên môn về lĩnh vực nào đó. Do vậy, sách và tài liệu dạng này mang lượng thông tin lớn; cách trình bày, cấu trúc nội dung cũng có điểm khác sách giáo khoa phổ thông.

Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo thực chất là đồ dùng trực quan mà học sinh dựa vào đó để có thể lĩnh hội tri thức.

Trước khi lên lớp, học sinh phải đọc sách ở nhà theo sự hướng dẫn của giáo viên. Trong khi lên lớp, học sinh có thể kết hợp nghe giảng với việc đọc và sử dụng sách để phát huy tác dụng, hiệu quả của sách giáo khoa và tài liệu tham khảo.

Cụ thể:

- Dùng sách trên lớp: Học sinh theo dõi những chỉ dẫn của giáo viên khi làm việc với sách.

Với những vấn đề trọng tâm, giáo viên cần hệ thống, định hướng để học sinh về nhà có thời gian tiếp tục tìm hiểu sâu hơn, nghiên cứu kỹ hơn. Những vấn đề không kịp minh họa, không có thời gian chứng minh, giảng giải ở trên lớp, nội dung vấn đề không phức tạp lắm, thì giáo viên có thể hướng dẫn học sinh về nhà tự đọc hiểu. Đối với những sách tra cứu, giáo viên cần hướng dẫn học sinh biết cách tra cứu và ứng dụng vào công việc thực tiễn khi sử dụng.

- Dùng sách ở nhà: Giúp học sinh bổ sung, đào sâu những kiến thức mà do thời gian hạn chế ở trên lớp chưa đi sâu được.

Để học sinh sử dụng sách có hiệu quả, giáo viên cần hướng dẫn phương pháp đọc, nghiên cứu các loại sách: khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên môn nghề nghiệp, thực hành, sách tra cứu, bản vẽ, chỉ tiêu kỹ thuật...

Tuỳ thuộc từng nội dung cuốn sách mà học sinh sử dụng phương pháp đọc và nghiên cứu sách sao cho có hiệu quả (đọc tham khảo, đọc nghiên cứu...), đồng thời có ghi chép, lập đề cương hay trình bày lại là do mục đích sử dụng.

c. Các phương pháp vấn đáp:

Phương pháp vấn đáp là cách thức thầy hỏi và trò đáp, nhằm gợi mở và giúp học sinh tìm ra những tri thức mới, ôn tập, củng cố, hệ thống hóa... những tri thức đã học.

Sử dụng câu hỏi vấn đáp trong dạy học giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với nhau được coi là kỹ thuật dạy học có hiệu quả cao, được áp dụng trong tất cả các bài giảng, kể cả lý thuyết và thực hành. Giáo viên đưa ra các câu hỏi hay, logic, hợp lý, tạo cho lớp học không khí sôi động, kích thích các cuộc tranh luận, phát huy tính tích cực học tập của học sinh. Các câu hỏi của giáo viên có tác dụng lôi cuốn học sinh vào nội dung học tập. Qua đó giáo viên đánh giá kết quả học tập của học sinh, đồng thời phát hiện những sai lầm của học sinh trong quá trình học tập.

Câu hỏi vấn đáp liên kết chặt chẽ giáo viên, học sinh với tất cả những vấn đề liên quan, tác động lẫn nhau trong suốt quá trình dạy học, nhằm “tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh”.

Khi sử dụng câu hỏi vấn đáp, yêu cầu phải đảm bảo kỹ thuật trong việc đặt câu hỏi và xử lý câu trả lời.

Có hai dạng thường gặp nhất là: Câu hỏi đóng và câu hỏi mở.

- Câu hỏi đóng chỉ giới hạn ở câu trả lời “có” hoặc “không”, hoặc câu trả lời ngắn gọn. Ví dụ: Em có biết hàn hơi không? Các em có hiểu rõ công thức tính công không? Câu hỏi đóng có thể sử dụng để mở đầu phần bài tập.

- Câu hỏi mở thường bắt đầu bằng các từ nghi vấn như: “cái gì?”, “tại sao?”, “khi nào?”, “thế nào?”, “ở đâu?”, và “cái nào?”...

Ví dụ: Tại sao len lại ấm hơn bông? Cơ cấu bánh răng sử dụng trong những dụng cụ thông dụng gì?

Tính chất của các câu hỏi trong việc phát triển tư duy của học sinh: Câu hỏi thường có nhiều loại, nhiều cấp bậc kích thích tư duy của học sinh với những biểu hiện sau đây:

- Định nghĩa: Định nghĩa thế nào là năng lượng của một người?
 - Liệt kê: Hãy gọi tên các bước thực hiện kỹ năng tiện một trục giữa xe đạp?
 - Quan sát: Hãy cho biết ở đây có bao nhiêu điểm vi phạm quy định về an toàn?
 - Kể lại: Hãy trích dẫn lời nói nổi tiếng của Bác Hồ về giáo dục con người?
 - Lựa chọn: Trong các dụng cụ này cái nào là ê tô kẹp?
 - Phân tích: Phân tích rõ các công việc chính trong tháo lắp một xe mô tô?
 - So sánh: Kỹ năng này có điểm gì giống với kỹ năng chúng ta đã học hôm trước?
 - Giải thích: Vì sao người ta không đổ được nước vào axit sunfuric đặc khi cần pha loãng?
 - Tổ chức: Em hãy sắp xếp các thông tin... cho hợp lý?
 - Xếp thứ tự: Những bước này cần được thực hiện theo thứ tự nào?
 - Áp dụng: Điều gì sẽ xảy ra nếu như chúng ta sử dụng dầu hoá thay cho dầu diesel?
- Ví dụ: Hãy cho những ví dụ khác cũng áp dụng kỹ thuật này?
- Dự báo: Xu thế phát triển mặt hàng nào vào năm tới?
 - Khái quát hoá: Sau khi học xong môn học này, em sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng gì vào thực tế?
 - Phán xét: Hãy xác định quy trình nào là tối ưu để thực hiện công việc này?

Các câu hỏi được đặt ra trong kỹ thuật vấn đáp bao giờ cũng cần được giáo viên xác định rõ mục tiêu và quan tâm tới các câu trả lời của học sinh phù hợp với kinh nghiệm và kiến thức có sẵn. Các câu hỏi cần được viết ra trước với ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu.

Thông thường, giáo viên bắt đầu từ câu hỏi đóng và dễ trả lời, sau đó đến các câu hỏi mở. Trình tự diễn biến như sau:

- Đặt câu hỏi cho cả lớp.

- Chờ ít nhất là 3 giây.
 - Đảm bảo rằng mỗi người đều hiểu câu hỏi bằng cách quan sát học viên.
 - Chờ thêm một vài giây.
 - Đặt cùng câu hỏi đó cho một học sinh cụ thể.
 - Chú ý lắng nghe câu trả lời.
 - Xử lý các câu trả lời của học sinh một cách thông minh, linh hoạt trong các khả năng diễn ra.
 - Nếu học sinh trả lời đúng, cần khen ngợi và công nhận.
 - Nếu học sinh trả lời đúng một phần, cần đánh giá phần trả lời đúng và đề nghị học sinh khác bổ sung sau đó cùng hoàn thiện.
 - Nếu học sinh trả lời sai, cần xác nhận sự đóng góp và động viên, sau đó yêu cầu các học sinh khác trả lời.
 - Nếu học sinh không trả lời, cần hỏi một học sinh khác, nhưng cần diễn đạt nội dung câu hỏi bằng hình thức khác. Sử dụng giáo cụ trực quan để làm rõ câu hỏi. Giảng lại khái niệm cần thiết và yêu cầu học sinh xem tài liệu tham khảo.
 - Trong trường hợp có học sinh đặt lại câu hỏi đối với giáo viên, thông thường thầy cô phải trả lời hoặc động viên học sinh khác trả lời. Hết sức tránh trường hợp trả lời sai hoặc mập mờ, nếu cần thì nên trả lời sau với học sinh và phải nhất thiết giữ lời hứa.
- Một vài kinh nghiệm khi vấn đáp:
- Cần thăm dò để “thâm nhập” vào tư duy của học sinh bằng các kỹ thuật như: im lặng lắng nghe, khuyến khích học sinh, đi sâu vào chi tiết, đặt câu hỏi phụ làm rõ hơn, thách thức, lấy chứng cứ, lấy ví dụ...
 - Cần gợi ý đúng lúc, đúng chỗ, khuyến khích học sinh trả lời.
 - Chú trọng hỏi các học sinh nhút nhát, học yếu không chủ động tham gia trả lời câu hỏi. Cần tránh để cho một học sinh khá, nhanh nhẩu chiếm vị trí chủ đạo trong quá trình vấn đáp.
 - Kỹ thuật sử dụng phương pháp vấn đáp cần được chuẩn bị kỹ ở mọi khâu và được sử dụng có hiệu quả trong việc dạy lý thuyết cũng như dạy thực hành ở nhà trường.

Trong đào tạo nghề, có những phương pháp vấn đáp sau:

- Đàm thoại giải thích - Minh họa: Phương pháp này có nội dung giải thích được cấu thành bởi một hệ thống câu hỏi - lời đáp, kèm theo những thí dụ minh họa.

- Đàm thoại tái hiện: Thầy đặt ra những câu hỏi chỉ đòi hỏi trò nhớ lại và trả lời trực tiếp, không cần sự suy luận mà chỉ cần đến trí nhớ.

- Đàm thoại Öristix: Bằng những câu hỏi, giáo viên kích thích được học sinh tự tìm ra những câu trả lời, phát hiện ra những chân lý.

Ưu, nhược điểm của phương pháp vấn đáp:

* Ưu điểm: Làm cho lớp học sinh động, tạo nên không khí học tập thoải mái, kích thích học sinh tự giác, tích cực, hào hứng học tập, không tiếp thu thụ động. Giúp cho giáo viên nắm được nhanh chóng, kịp thời trình độ và kết quả tiếp thu của học sinh, từ đó có những biện pháp xử lý thích hợp.

* Nhược điểm: Nếu sử dụng không khéo, phương pháp này sẽ làm mất thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch của giờ học.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp vấn đáp:

- Đối với giáo viên

+ Cần xây dựng một hệ thống câu hỏi phù hợp với nội dung bài.

+ Tránh những câu hỏi khó quá hoặc dễ quá vì sẽ không có tác dụng kích thích tính tích cực của học sinh.

+ Cần nêu câu hỏi chung cho toàn lớp chú ý, sau mới gọi học sinh nào đó trả lời. Khi học sinh không trả lời được, để tránh lãng phí thời gian, giáo viên cần có những gợi mở cho học sinh.

+ Khi học sinh trả lời, giáo viên phải chú ý lắng nghe và có nhận xét, có động viên, nhất là với những học sinh ít phát biểu.

- Đối với học sinh:

+ Cần phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập nhận thức.

+ Trả lời câu hỏi rõ ràng, ngắn gọn, nêu được bản chất vấn đề.

3.1.2. Ưu, nhược điểm của nhóm phương pháp sử dụng ngôn ngữ

* Ưu điểm:

Lời nói là phương tiện dạy học thông dụng và phổ biến nhất trong quá trình truyền đạt tri thức. Trong thời gian ngắn, nó có thể truyền đạt được lượng tri thức nhiều.

Lời nói là phương tiện tác động đến tư tưởng, tình cảm, ý chí của học sinh rất mạnh mẽ.

Thông qua phương pháp sử dụng ngôn ngữ, học sinh nắm vững tri thức một cách có hệ thống và hoàn chỉnh, nhất là những vấn đề khó, phức tạp. Phương pháp này kích thích được tính tích cực tư duy, phát triển năng lực chú ý có chủ định của học sinh.

* Nhược điểm:

Học sinh chỉ tiếp thu tài liệu sẽ dễ thụ động và dễ mệt mỏi. Học sinh đóng vai trò người nghe là chủ yếu, phải chịu tác nhân kích thích là lời nói kéo dài, đơn điệu, phải tập trung chú ý nghe và ghi trong thời gian quá lâu. Phương pháp này không cho phép giáo viên chú ý đầy đủ đến nhận thức của học sinh. Đồng thời, giáo viên cũng khó kiểm tra, uốn nắn, sửa những sai hỏng của sự lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.

Chú ý: Trong khi tiến hành nhóm phương pháp sử dụng ngôn ngữ cần:

- Đảm bảo tính giáo dục, tính khoa học, tính thực tiễn, tính chính xác của các sự kiện và tính logic của cấu trúc tài liệu.

- Đảm bảo sự trong sáng của ngôn ngữ và cách trình bày trong tài liệu, giúp cho học sinh nắm tri thức chính xác, dễ dàng.

- Đảm bảo tính hình tượng và tính diễn cảm trong việc trình bày tài liệu, tạo cho học sinh hứng thú học tập.

- Đảm bảo thu hút sự chú ý của học sinh và phát huy tính tự giác, tích cực của học sinh trong học tập thông qua giọng nói, dáng vẻ, cách đặt và giải quyết vấn đề của giáo viên.

- Đảm bảo cho học sinh biết cách ghi chép những ý cơ bản, chủ yếu và cốt lõi; biết khai thác, tìm kiếm những điểm, những vấn đề có liên quan mà học sinh chưa rõ, chưa hiểu sâu sắc.

3.2. Nhóm phương pháp dạy học trực quan

Mọi quá trình sản xuất đều được cấu thành bởi các yếu tố: lao động kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật và đối tượng lao động. Bởi vậy, việc dạy học có tính chuyên môn kỹ thuật đòi hỏi trực quan sinh động phải là một bộ phận sự lĩnh hội tri thức kỹ thuật của học sinh. Phương pháp trình bày trực quan là phương pháp sử dụng tài liệu trực quan

trong quá trình dạy học, nhằm giúp học sinh trực tiếp cảm giác, tri giác tài liệu mới, trên cơ sở đó nắm được bản chất của đối tượng.

3.2.1. Các phương pháp trực quan

a. Trực quan trong dạy lý thuyết (Trình bày trực quan)

* Nội dung:

- Giáo viên trình bày, biểu diễn các phương tiện trực quan để học sinh quan sát và rút ra những tri thức cần thiết.

- Những phương tiện trực quan thường dùng bao gồm: các vật thật, sơ đồ, biểu đồ, đồ thị và các vật tạo hình (tranh ảnh, mô hình, phim...).

* Yêu cầu:

- Phương tiện trực quan phải được cả lớp đều quan sát thấy.

- Khi cần thiết và có điều kiện, cần cho học sinh quan sát những sự vật, hiện tượng trong sự vận động và phát triển của nó.

- Các phương tiện trực quan phải đưa ra đúng lúc, đúng chỗ; dùng xong phải cất đi ngay để học sinh không bị phân tán tư tưởng.

b. Trực quan trong dạy thực hành

• Trình bày mẫu quá trình lao động.

* Nội dung:

Trình bày mẫu là cơ sở của việc thực hiện yêu cầu trực quan trong dạy học. Quá trình nhận thức phải bắt đầu từ cảm giác, tri giác các sự vật, hiện tượng. Trong trình bày mẫu, nếu huy động càng nhiều giác quan tham gia tri giác sự vật, hiện tượng thì học sinh càng lĩnh hội kiến thức mới tốt hơn, vững chắc hơn.

Kết hợp lời giải thích với vật mẫu, hành động mẫu của giáo viên giúp học sinh hình thành các biểu tượng về hình mẫu và công việc phải làm. Việc làm mẫu cần tiến hành nhiều lần để học sinh hiểu và nhớ. Giáo viên có thể làm mẫu lại cho từng học sinh hoặc từng nhóm học sinh, nếu như trong quá trình hướng dẫn, học sinh mắc sai lầm. Trong từng giai đoạn làm mẫu, giáo viên có thể kiểm tra sự tiếp thu của học sinh để điều chỉnh, uốn nắn, sửa những sai hỏng cần thiết.

Làm mẫu trong hoạt động dạy thực hành chủ yếu áp dụng trong giai đoạn đầu của quá trình thực tập; giai đoạn hình thành thao động tác cơ bản cho học sinh.

Quá trình làm mẫu tiến hành qua các giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: Giáo viên làm mẫu với tốc độ bình thường

Trước khi làm mẫu, giáo viên cần giải thích toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện, sau đó làm mẫu toàn bộ quá trình với tốc độ bình thường. Giai đoạn này giúp cho học sinh có được sự khái quát về toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện.

- Giai đoạn 2: Giáo viên làm mẫu với tốc độ chậm và có giải thích khi cần.

Giáo viên làm lại mẫu với tốc độ chậm, có thể dừng lại ở những chỗ khó, những thời điểm cần thiết để giải thích cho học sinh hiểu rõ và tránh được những sai hỏng.

- Giai đoạn 3: Giáo viên làm mẫu lại toàn bộ để giúp học sinh hệ thống.

Giáo viên có thể kết hợp với học sinh (nếu thao động tác, kỹ năng đó khó, phức tạp) để học sinh nhận thức thật rõ ràng; hoặc giáo viên làm lại với tốc độ trung bình toàn bộ công việc để giúp học sinh hệ thống lại.

* Yêu cầu:

- Giáo viên giải thích cho học sinh hiểu nhiệm vụ, ý nghĩa từng hành động sắp thực hiện. Sau đó giáo viên tiến hành làm mẫu.

- Làm mẫu phải tiến hành nhiều lần để học sinh hiểu và nhớ. Gọi học sinh nhắc lại những điểm chính; nếu học sinh sai thì phải uốn nắn đến khi học sinh học sinh đã hiểu rõ.

- Giáo viên khéo léo sử dụng ngôn ngữ để hướng dẫn sự quan sát của học sinh.

- Phương pháp này áp dụng ở giai đoạn đầu của quá trình thực tập.

* Một số yêu cầu đối với phương tiện trực quan:

- Phương tiện trực quan phải phù hợp với mục đích dạy học.

- Không phản ánh sai bản chất kỹ thuật.

- Thiết kế chế tạo đúng quy cách, tiêu chuẩn.

- Đảm bảo tính mỹ thuật và dễ sử dụng.

* Hướng dẫn học sinh quan sát: Phương pháp này tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc với nhiệm vụ học tập bằng nhiều giác quan như: nghe, nhìn, sờ mó, nếm, ngửi...

Sự tiếp xúc bằng nhiều giác quan sẽ giúp học sinh nâng cao hiệu quả của quá trình học tập, tạo hứng thú trong quá trình luyện tập.

Giáo viên có thể phân phát giáo cụ trực quan cho từng học sinh hoặc nhóm để học sinh nghiên cứu, tìm hiểu.

Trong dạy thực hành, phương pháp cho xem phương tiện trực quan được giáo viên áp dụng rộng rãi trong mọi giai đoạn. Với giai đoạn hướng dẫn mở đầu, phương pháp này sẽ có tác dụng giúp học sinh hình thành những biểu tượng cần thiết về sự vật, hiện tượng một cách nhanh chóng, chính xác, làm cơ sở cho việc luyện tập.

- Tham quan - Tự quan sát:

- + Tham quan.

- * Nội dung:

- Học sinh được tiếp xúc với đối tượng cần tìm hiểu trong điều kiện tự nhiên của nó, không có sự giả công chế biến.

- Những đối tượng đó nằm trong chương trình cần giới thiệu cho học sinh để nâng cao hiểu biết mà nó không có ở xưởng hoặc ở nơi đào tạo.

- * Yêu cầu: Phải đảm bảo các trình tự sau:

- Chuẩn bị tham quan: Xác định mục đích, yêu cầu của buổi tham quan. Tạo tâm thế tích cực cho học sinh trước khi tham quan.

- Tổ chức tham quan: Thực hiện theo kế hoạch, dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn đơn vị mà học sinh đến tham quan.

- Kết thúc tham quan: Học sinh hoàn thành bản thu hoạch. Giáo viên tổ chức cho học sinh rút kinh nghiệm.

- + Tự quan sát

- * Nội dung: Giáo viên chỉ giao nhiệm vụ quan sát cho học sinh. Học sinh tự mình tiếp xúc với đối tượng cần nghiên cứu là các sự vật, hiện tượng, vật mẫu, tranh ảnh... để rèn luyện thói quen nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá sự vật, hiện tượng.

- * Yêu cầu:

- Giáo viên trang bị cho học sinh những tri thức cần thiết phục vụ cho việc quan sát.

- Hướng dẫn học sinh cách ghi chép, cách trình bày kết quả quan sát.

- Cung cấp những thông tin cơ bản có liên quan đến đối tượng quan sát cho học sinh.

- Giáo viên phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả quan sát từng phần của học sinh.

Trong quá trình dạy học, phương pháp này có thể tiến hành xen kẽ thực hiện các bài tập luyện tập, học tập sản xuất.

3.2.2. Ưu, nhược điểm của nhóm phương pháp trực quan

- Ưu điểm: Phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh học nghề, giúp cho các em tiếp thu tốt tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. Sử dụng tốt nhóm phương pháp này, lớp học sẽ sinh động, học sinh hào hứng, phấn khởi làm việc, phát triển năng lực quan sát, gây hứng thú, tò mò khoa học.

- Nhược điểm: Trực quan là chỉ nắm cái cụ thể, ít tính khái quát. Nếu lạm dụng phương pháp này sẽ làm giảm khả năng tư duy và phân tán sự chú ý của học sinh.

3.3. Nhóm các phương pháp thực hành

Những tri thức được lĩnh hội muốn phát huy tác dụng thì cần được nối kết với nhau qua một chiếc cầu, đó chính là thực hành. Vấn đề dạy thực hành trong giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp giữ vị trí vô cùng quan trọng. Nó có tính quyết định đối với việc học sinh trong hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp sau này. Quá trình dạy thực hành nói riêng và quá trình dạy học nói chung luôn gắn liền với quá trình lao động. Dạy thực hành cần chú ý tới sự hình thành và phát triển kỹ năng; từ đó giúp cho học sinh lĩnh hội các kiến thức kỹ năng nghề nghiệp qua các giai đoạn sao cho hiệu quả nhất. Phương pháp dạy thực hành có những ưu, nhược điểm sau.

3.3.1. Các phương pháp cụ thể

a. Phương pháp thí nghiệm thực nghiệm

* Nội dung:

- Phương pháp này giúp cho học sinh có niềm tin khoa học, nắm tri thức vững chắc, rèn luyện một số kỹ năng, kỹ xảo quan sát, sử dụng các dụng cụ thí nghiệm, kích thích óc tò mò và thói quen làm việc khoa học.

- Thí nghiệm được tiến hành dưới hình thức cá nhân hay nhóm, thường theo quy trình sau:

+ Giáo viên giải thích rõ đề tài, mục đích, yêu cầu, nội dung thí nghiệm: các công cụ, máy móc, vật liệu cần thiết; các bước thí nghiệm, thực nghiệm và các bước tiến hành.

+ Giáo viên chia nhóm và học sinh độc lập làm thí nghiệm; thực nghiệm, ghi chép kết quả. Giáo viên theo dõi, giúp đỡ, kiểm tra.

+ Học sinh báo cáo kết quả.

+ Giáo viên đánh giá, tổng kết chung.

* Yêu cầu:

- Phải đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh.
- Đảm bảo có kết quả đúng với lý thuyết và khách quan.
- Bố trí thí nghiệm để mọi người có thể quan sát được.
- Thí nghiệm phải vừa sức người học.
- Nội dung thí nghiệm phải phù hợp với nội dung lý thuyết đã trình bày.

b. Phương pháp luyện tập

Luyện tập giúp cho việc hình thành và củng cố những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cho học sinh.

* Nội dung:

- Luyện tập là lặp đi lặp lại nhiều lần những động tác, hành động nhằm hình thành và củng cố những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết dưới sự chỉ đạo của giáo viên.

- Luyện tập được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch và có tính đa dạng (phụ thuộc đặc thù môn học).

- Các dạng bài luyện tập:

- + Các bài luyện tập cơ sở.
- + Bài luyện tập học tập - sản xuất.
- + Bài tập có tính chất sản xuất.
- + Các bài luyện tập đặc biệt.

Theo các khâu của quá trình dạy học, người ta xác định các dạng luyện tập:

- + Luyện tập nhằm tiếp thu tri thức mới.
- + Luyện tập nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo.
- + Luyện tập nhằm củng cố các kiến thức kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp...

Theo mức độ độc lập của học sinh, người ta xác định các dạng luyện tập sau: luyện tập tái hiện, luyện tập vận dụng và luyện tập sáng tạo.

Theo mức độ công việc, người ta phân chia ra luyện tập thao tác, luyện tập nguyên công, luyện tập quá trình lao động.

Theo dạng thể hiện của luyện tập về phương diện lý luận dạy học, có: bài luyện tập cơ sở, bài luyện tập gắn với sản xuất, bài luyện tập chuyên sâu, bài luyện tập có tính sáng tạo, bài luyện tập đặc biệt...

Các bài luyện tập cần chú ý trong quá trình dạy thực hành:

+ Các bài luyện tập cơ sở: Thường được áp dụng ở những ngày đầu quá trình dạy học để giúp học sinh nắm được quy trình, nguyên công, cách thức và thao động tác riêng lẻ.

+ Bài luyện tập học tập - sản xuất: Thông qua qui trình hoặc quá trình lao động sản xuất cụ thể, giáo viên giúp học sinh tiếp cận, làm quen với hoạt động sản xuất thông qua các bài luyện tập.

+ Bài tập có tính chất sản xuất: Bài tập gắn với sản xuất được tiến hành không cô lập, tách rời với quy trình sản xuất. Cấu trúc của nó giống như quá trình sản xuất hoặc tương tự như thế. Loại bài tập này có tác dụng làm tăng vốn tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và khả năng thích ứng với thực tế lao động sản xuất của học sinh.

+ Các bài luyện tập đặc biệt: Luyện tập đặc biệt có mục đích phát triển kỹ xảo nào đó có tính chuyên biệt cao trong nghề nghiệp cụ thể. Các bài luyện tập đặc biệt không trực tiếp liên quan đến vấn đề “bộ phận” hay “toàn thể” mà cần được xét riêng.

* Yêu cầu:

- Học sinh phải hiểu rõ mục đích và cách thức tiến hành công việc. Nội dung luyện tập phải có hệ thống, đa dạng và đi từ bài tập đơn giản đến phức tạp, tổng quát.

- Học sinh phải được hướng dẫn chặt chẽ những thao tác cơ bản, những động tác ban đầu chính xác và phải biết tự kiểm tra, đánh giá kết quả công việc của mình. Trên cơ sở đó, học sinh biết phân tích những sai lầm, những điều chưa đạt để tự điều chỉnh và hoàn thiện mình trong quá trình luyện tập.

c. Thảo luận về sản xuất

* Nội dung: Giáo viên nêu lên một vấn đề nào đó rồi cho một hoặc một số học sinh trình bày. Những học sinh còn lại bổ sung, sửa chữa, nêu thắc mắc, sau đó giáo viên giải đáp và kết luận.

* Yêu cầu:

- Các đề tài thảo luận phải giao cho một hay một số nhóm học sinh chuẩn bị trước và phải thông qua đề cương rồi mới tiến hành thảo luận.

- Trong khi thảo luận, giáo viên phải chủ trì để hướng dẫn buổi thảo luận đi đúng trọng tâm.

d. Hướng dẫn viết

Trong thực tiễn giảng dạy về lao động sản xuất, người ta sử dụng các dạng hướng dẫn viết khác nhau như: phiếu hướng dẫn, phiếu học tập, phiếu công nghệ, phiếu làm bài...

Hướng dẫn viết bắt đầu từ hai nguồn: tài liệu sản xuất (tài liệu kỹ thuật) và tài liệu học tập thuần túy (bài tập, quy tắc, bài học...).

Như vậy, hướng dẫn viết là kết quả của sự thích ứng qua lại giữa hai yếu tố: sản xuất và học tập.

Có các loại phiếu hướng dẫn viết như:

- + Phiếu hướng dẫn làm việc.
- + Phiếu nguyên công.
- + Phiếu thông tin.
- + Phiếu bài tập...

3.3.2. Ưu, nhược điểm của nhóm phương pháp thực hành

- Ưu điểm: Nhóm phương pháp này giúp cho học sinh rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, qua đó củng cố, mở rộng những tri thức đã học, hình thành cho người học một số phẩm chất như: tính độc lập, tính thần trách nhiệm, tính sáng tạo, tính tập thể...

- Nhược điểm: Nếu khâu chuẩn bị không chu đáo sẽ gây ra tình trạng học sinh rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo một cách máy móc, hiệu quả thấp.

4. Các phương pháp dạy học khác

4.1. Phương pháp dạy học nêu vấn đề

* Nội dung:

Dạy học nêu vấn đề là một quá trình sư phạm tích cực diễn ra trong mối liên hệ thuận nghịch giữa thầy và trò, trong đó bao gồm một số hệ thống tình huống có vấn đề được đặt ra và lần lượt được giải quyết.

Tình huống có vấn đề là những mâu thuẫn nảy sinh từ môn học, từ nhiệm vụ nhận thức mà học sinh không thể giải quyết bằng kinh nghiệm sẵn có. Nó đòi hỏi sự tư duy độc lập, sáng tạo của học sinh và kết quả là sau khi giải quyết được vấn đề thì học sinh thu nhận được kiến thức mới.

Dạy học nêu vấn đề gồm ba giai đoạn:

+ Xây dựng tình huống có vấn đề: Làm cho học sinh hiểu vấn đề, xác định trọng tâm cần giải quyết.

+ Giải quyết vấn đề: Huy động tri thức và tư liệu, đề xuất các giả thuyết, luận chứng giả thuyết, tổng kết, nêu lên kiến thức mới.

+ Củng cố, vận dụng tri thức.

* Ưu, nhược điểm:

- Ưu điểm: Phát triển tư duy sáng tạo, giúp học sinh nắm vững tri thức, rèn luyện trí nhớ logic, biện chứng.

- Nhược điểm: Tốn thời gian, khó áp dụng.

4.2. Dạy học theo phương pháp nghiên cứu

* Nội dung:

Giáo viên là người hướng dẫn, chỉ đạo, chia ra đề tài nghiên cứu, giải thích rõ mục đích cần đạt, vạch ra phương hướng nghiên cứu, tổ chức cho học sinh nghiên cứu.

Trong quá trình tiến hành nghiên cứu, giáo viên theo dõi, chỉ đạo, giúp đỡ học sinh khi cần thiết. Học sinh trực tiếp tác động vào đối tượng nghiên cứu để tiếp thu kiến thức mới.

* Cấu trúc như sau:

- + Định hướng vấn đề.

- + Xác lập vấn đề - Đề xuất giả thuyết.

- + Giải quyết vấn đề.

- + Kết luận.

* Ưu, nhược điểm:

- Ưu điểm: Phát triển tư duy độc lập sáng tạo của học sinh. Học sinh biết tự học, tự nghiên cứu.

- Nhược điểm: Mất nhiều thời gian. Đòi hỏi trình độ giáo viên hướng dẫn và điều kiện thiết bị ở mức cao hơn.

4.3. Phương pháp dạy học chương trình hóa

* Nội dung:

- Dạy học chương trình hóa là dạy học dưới sự chỉ đạo sự phạm của một chương trình, bao gồm hai vấn đề cơ bản là chương trình dạy và chương trình học.

- Chương trình dạy thực hiện phương pháp này để đảm bảo tối ưu hóa việc dạy của người thầy, dẫn tới khách quan hóa chương trình ở mức độ cao.

- Chương trình học thực hiện phương pháp này, tức là khách quan hóa cao nội dung học tập (phù hợp với mọi đối tượng học sinh).

- Chương trình bao gồm một dãy các đơn vị thông tin được sắp xếp theo một trình tự chặt chẽ, hợp quy luật nhận thức.

- Có hai loại chương trình:

+ Chương trình tuyến tính: Thích ứng với mọi học sinh, vì nó lấy căn cứ trình độ học sinh yếu nhất (liều thông tin nhỏ nhất). Nếu học sinh trả lời đúng thì chuyển liều tri thức kế tiếp, nếu sai phải học lại kiến thức đó.

+ Chương trình phân nhánh: Ứng với mỗi câu hỏi đều có nhiều phương án trả lời. Nếu học sinh trả lời đúng sẽ chuyển sang liều sau, nếu sai sẽ có liều bổ sung cung cấp cho học sinh.

* Ưu nhược điểm:

- Ưu điểm:

+ Sử dụng rộng rãi phương tiện dạy học mới như máy dạy học.

+ Cá biệt hóa học sinh trong dạy học.

+ Đơn giản, dễ áp dụng. Học sinh nhanh chóng biết kết quả.

+ Gây hứng thú, đảm bảo cho học sinh tự kiểm tra được.

- Nhược điểm: Tốn kém.

4.4. Các phương pháp dạy học tích cực

Dạy và học tích cực là một phạm trù mang tính quy phạm và tổng hợp trong giáo dục hiện đại. Nó chỉ đạo sự đổi mới cả về phương pháp giảng dạy lẫn phương pháp học tập trong nhà trường. Việc ứng dụng phương pháp dạy và học tích cực là chuyển cách tiếp cận, tạo ra các điều kiện học tập và hỗ trợ quá trình học tập của người học. Người học có cơ hội được thử thách, để tham gia một cách tích cực trong quá trình tăng cường sự hiểu biết và nhận thức bên trong (tư duy và tự khám phá; bên cạnh phương pháp học thuộc lòng thì cần tập trung lắng nghe và làm bài tập...).

- Đối với giáo viên:

+ Chuyên môn bản thân: Xem xét lại quan điểm nhận thức và vai trò của mình. Người giáo viên luôn có suy nghĩ để trả lời câu hỏi sau: Là một người giáo viên, tôi phải phấn đấu trở thành một người như thế nào? Quan điểm của tôi về mối quan hệ với học sinh? Nhận định của tôi về những nhiệm vụ chính, trên cương vị là một người giáo viên?

+ Phát triển kiến thức và kỹ năng: Tham gia vào quá trình học tập phát triển chuyên môn để chiếm lĩnh và phát triển kiến thức và các kỹ năng; trên cơ sở đó, triển khai thực hiện, áp dụng vào công tác dạy học tích cực một cách có hiệu quả.

- Đối với học sinh: Tham gia tích cực vào các hoạt động để mở rộng và đào sâu kiến thức, kỹ năng thông qua quá trình lĩnh hội, xử lý thông tin mới.

"Vậy, bản chất của việc dạy và học tích cực là một quá trình tích cực và mang tính xây dựng, trong đó người học phải tạo ra những mối liên hệ giữa những thông tin mới và những kiến thức, kỹ năng đã có sẵn"⁶.

4.5. Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học được sử dụng phổ biến ở các nước phát triển. Thảo luận giữa người điều khiển và học viên và sự thảo luận giữa học viên với nhau là những chiến lược lao động rất bổ ích, nhằm khích lệ sự tham gia tích cực của các thành viên. Câu hỏi đóng vai trò chủ yếu trong quá trình thảo luận. Có 3 kỹ năng cần lưu ý trong quá trình đặt câu hỏi: đặt câu hỏi, xử lý các câu trả lời, phản hồi lại các câu hỏi.

Lưu ý khi đặt câu hỏi:

- Đặt các câu hỏi rõ ràng, chính xác và chỉ về một vấn đề.
- Đặt các câu hỏi hợp lý dựa trên thông tin mình muốn biết về một vấn đề cụ thể.
- Đặt các câu hỏi mang tính chất thách thức nhằm kích thích tư duy.

Lưu ý khi xử lý các câu hỏi:

- Khích lệ các câu trả lời đúng.
- Khuyến khích nỗ lực của học viên bất kể họ trả lời đúng hay sai.
- Giảm thiểu sự chê trách đối với những câu trả lời sai hoặc chưa hoàn chỉnh.

Lưu ý khi phản hồi các câu hỏi:

- Hướng câu hỏi lại cho người vừa trả lời hoặc cho một người khác, nếu có nhiều khả năng là người đó có thể trả lời đúng.
- Tự trả lời câu hỏi nếu bạn là người duy nhất có thể trả lời được.
- Không đề cập đến những câu hỏi mà câu trả lời được nêu trong tài liệu ở phần sau của chương trình, hoặc câu hỏi vượt qua phạm vi của khoá học.

4.6. Động não

Động não là một phương pháp nhằm đưa ra nhiều ý kiến bổ ích về bất kỳ vấn đề hay chủ điểm gì mà không có sự suy xét và đánh giá.

⁶ BTC - MOET - Vietnam Belgium - 2002

Động não cũng là hình thức hữu hiệu để phát triển các kỹ năng trong việc giải quyết các vấn đề đòi hỏi sự sáng tạo.

Các bước tiến hành:

- Đưa ra một chủ điểm, một vấn đề cho nhóm nhằm mục đích khơi gợi càng nhiều ý kiến càng tốt.
- Không chấp nhận bất cứ lời nhận xét, chê trách, phán xét hay đánh giá nào trong khâu động não này.
- Các ý kiến được viết lên bảng để tất cả mọi người có thể nhìn thấy.
- Giảng viên cũng trở thành một thành viên đóng góp cho nhóm bằng việc viết các ý kiến của mình.
- Thảo luận các ý kiến đó, chia nhóm, phân loại và chọn ra ý kiến hay nhất. Thảo luận xem sẽ sử dụng những ý kiến nào để giải thích chủ điểm hoặc giải quyết được vấn đề.
- Bằng việc hạn chế những chê trách, đánh giá hay phán xét, sự sáng tạo đã được kích lệ. Thảo luận những điều kiện thuận lợi cho sự sáng tạo đó.

4.7. Kèm cặp

Với phương pháp này, học viên được chia thành các cặp để thực hành một bài tập. Họ lần lượt kèm cặp nhau và thực hành bài tập đó. Học viên nào giữ vai trò là người kèm cặp sẽ phản hồi phản thực hành của học viên kia. Người điều khiển sẽ quan sát học viên trong khi họ thực hành và có phản hồi khi cần thiết. Phương pháp này có thể được sử dụng cho cả những loại bài tập đòi hỏi kỹ năng giao tiếp như phỏng vấn xin việc. Học viên cần biết phân biệt các bước làm đúng với các bước làm sai. Nhờ vậy, họ có thể phản hồi lẫn nhau được.

Các bước tiến hành:

- Người điều khiển mô tả phương pháp tiến hành.
- Học viên lựa chọn một “đối tác”.
- Người tham gia vừa thực hành bài tập vừa có nhận xét phản hồi.
- Người điều khiển giám sát các cặp trong khi họ thực hành và đưa ra gợi ý thích hợp.
- Học viên đổi vai.
- Nếu cần thiết, học viên thực hành lại cả bài tập hoặc một phần của bài tập và phân nhận xét phản hồi.

4.8. Đóng vai

Ở phương pháp đóng vai, học viên thực hành những tình huống mà họ thường gặp trong thực tế cuộc sống. Trong một cảnh thể hiện tình huống, một học viên sẽ vào vai mình được phân công, những học viên khác ngồi quan sát. Sau đó, các học viên thảo luận, bày tỏ cảm nghĩ của mình. Phương pháp đóng vai được áp dụng nhằm nâng cao nhận thức của học viên về những vấn đề giao tiếp và thực hành các giải pháp cho từng tình huống cụ thể.

Ví dụ: Phỏng vấn và tư vấn.

Có thể tổ chức trò chơi đóng vai giữa các nhóm nhỏ, hay trước cả lớp. Học viên có thể gợi ý ra những tình huống có thể gặp trong thực tế và muốn trải nghiệm các cách xử lý cho những tình huống đó. Có thể diễn lại một cảnh tương tự để thể hiện các phương pháp khác nhau.

Các bước tiến hành:

- Giảng viên sắp xếp, bố trí cảnh thể hiện tình huống cần đóng vai.
- Giảng viên khuyến khích học viên xung phong đóng vai.
- Giảng viên có thể yêu cầu những người quan sát ghi chép lại những chi tiết cụ thể, cử chỉ, hành vi, thái độ... của người đóng vai.
- Những người đóng vai diễn cảnh đã được hướng dẫn.
- Giảng viên dùng trò chơi đóng vai vào thời điểm thích hợp.
- Cả nhóm nhận xét, phân tích phân vai diễn.

Giảng viên có thể dùng các câu hỏi khai thác trong khi phân tích phần đóng vai, như vậy sẽ giúp học viên rút ra được ý nghĩa, bản chất của vấn đề.

Ví dụ: Chuyện gì đã diễn ra vậy? Bạn đã tự đoán được thái độ phản ứng của người khác như thế nào? Bạn có thể có giải pháp nào khác cho tình huống này? Có thể có giải pháp nào hiệu quả hơn không? Bạn rút ra được bài học gì?

4.9. Thực hành dạy ở nhóm nhỏ

Thực hành dạy nhóm nhỏ là một dạng của hình thức đóng vai. Đây là một phương pháp hữu hiệu trong thời gian thực tập của học sinh.

Các bước tiến hành:

- Một nhóm học viên chuẩn bị một bài học.
- Một học viên đóng vai là giáo viên, các học viên khác đóng vai là học sinh.

- Sau bài học (hay một phần của bài), “giáo viên” đó phải tự đánh giá về giờ dạy của mình.

- Dưới sự hướng dẫn của người điều khiển, các “học sinh” đưa ra nhận xét và gợi ý để cải thiện bài dạy.

4.10. Nghiên cứu tình huống

Sử dụng việc nghiên cứu tình huống nhằm cung cấp một tình huống cụ thể, cố thực để cả lớp cùng phân tích. Học viên phải quyết định cách giải quyết các tình huống như thế nào. Một giải pháp thành công đòi hỏi họ phải phân biệt các dữ kiện quan trọng với các dữ kiện không quan trọng. Họ phải rút ra được kết luận từ những dữ kiện quan trọng và đưa ra quyết định dựa trên những kết luận đó. Học viên cần liên hệ các nguyên tắc đã được học với tình huống. Học viên có thể khách quan lựa chọn những giải pháp tốt nhất.

Phương pháp này giúp phát triển các kỹ năng phân tích của học sinh; gắn lý thuyết với thực hành.

Các bước tiến hành:

- Người điều khiển trình bày tình huống (thường dưới dạng văn bản) và cung cấp các thông tin bổ sung.

- Người điều khiển giao bất cứ yêu cầu đọc tham khảo và nghiên cứu thích hợp nào.

- Người điều khiển nhấn mạnh những khía cạnh chủ chốt của tình huống và giải thích yêu cầu của bài tập.

- Học viên gặp nhau tại các nhóm nhỏ để thảo luận tình huống và chuẩn bị đưa ra giải pháp của mình.

- Mỗi nhóm học viên trình bày những phân tích của mình và giải pháp đề xuất.

- Tất cả học viên thảo luận về đề xuất của từng nhóm.

- Người điều khiển tóm tắt các kết quả thu được và đánh giá các giải pháp khác nhau.

4.11. Minh họa

Minh họa là một phương pháp “nói và thể hiện”. Học viên quan sát phần minh họa để thấy được một yêu cầu muốn thực hiện đúng thì cần diễn ra như thế nào. Người điều khiển giải thích các bước minh họa. Phương pháp minh họa đặc biệt có hiệu quả tốt đối với những bài dạy thực hành.

Các bước tiến hành:

- Người điều khiển cung cấp thông tin cơ bản gồm các bước cần thiết, các lời khuyên hữu ích, các lỗi thông thường hay mắc, giúp học viên thực hiện nhiệm vụ được dễ dàng hơn. Người điều khiển trình bày, minh họa bài tập hoặc sử dụng phương tiện nghe - nhìn để trợ giúp.

- Học viên thực hành bài tập, người điều khiển quan sát rồi đưa ra phản hồi.

- Khi người điều khiển đã chắc chắn là học viên trình bày các bước làm đúng thì học viên có thể thực hành một cách độc lập.

4.12. Thảo luận “Panel”

Phương pháp thảo luận “Panel” chia mỗi nhóm từ 3 đến 6 học viên. Từng cá nhân như tấm panel, có thể nói về các phần cụ thể trong chủ đề, hay trình bày các quan điểm khác nhau liên quan đến chủ đề. Sau khi hoàn thành việc trình bày, từng thành viên panel sẽ trả lời các câu hỏi của cả nhóm. Người điều khiển yêu cầu các thành viên panel phải chuẩn bị kỹ lưỡng.

Các bước tiến hành:

- Người điều khiển gặp từng cá nhân panel để trợ giúp họ trong việc chuẩn bị phần trình bày của mình.

- Tất cả các thành viên panel phải trình bày phần mình được giao.

- Học viên đặt câu hỏi cho thành viên panel.

- Người điều khiển giữ thái độ trung lập khi điều hành phản hồi.

4.13. Các trò chơi giáo dục

Các trò chơi giáo dục có thể lấy từ các trò chơi phổ biến trong đời sống, hoặc trên các phương tiện thông tin nhưng cần điều chỉnh cho phù hợp với nội dung bồi dưỡng hay nội dung dạy học.

Các bước tiến hành:

- Xác định mục đích của trò chơi trước khi triển khai.

- Cần nhắc một cách chi tiết những gì mà trò chơi cần đạt được.

(Bạn có muốn minh họa một khái niệm không? Bạn muốn ôn lại kiến thức cũ? Bạn muốn rèn luyện kỹ năng gì? Bạn có khích lệ sự sáng tạo?...).

- Đảm bảo là bạn đã hướng dẫn rõ ràng (về quy định, cách chơi, luật chơi, và những vấn đề cần thiết khác).

4.14. Làm việc theo nhóm

Làm việc theo nhóm là phương pháp thường được áp dụng để tạo cơ hội cho mọi học viên đều được tham gia vào hoạt động học tập trong các lớp học quá đông. Khi làm việc theo nhóm học viên có cơ hội học tập lẫn nhau và được thể hiện mình.

Làm việc theo nhóm có hạn chế là sự tham gia của học viên không đồng đều. Vì vậy, người điều khiển cần khích lệ được sự tham gia tích cực của tất cả học viên.

Các bước tiến hành:

- Trình bày và giải thích rõ ràng yêu cầu cần phải đạt được (công việc sẽ có hiệu quả khi học viên biết chính xác họ phải làm gì?).
- Thông báo cho các nhóm thời gian cụ thể (yêu cầu mỗi nhóm cử một chủ tọa, một người ghi chép, một người nhắc giờ).
- Nhắc học viên mỗi nhóm sẽ trình bày trước cả lớp kết quả của mình trên tờ giấy khổ to.
- Trước khi các nhóm trình bày thì cần dán tất cả các tờ giấy đó lên tường.
- Yêu cầu mỗi nhóm trình bày các ý chính của mình.
- Ý kiến của các nhóm cần tránh trùng lặp; gạch chân những ý chung.
- Sau khi các nhóm trình bày xong, người điều khiển phải so sánh và tóm tắt những ý kiến quan trọng nhất của học viên.
- Giáo viên cung cấp lời khuyên, giải pháp và những đề xuất, gợi ý, cái thiện, bổ sung những ý thiếu.

4.15. Hợp đồng học tập

Hợp đồng học tập là hình thức khích lệ sự học tập độc lập và học tập suốt đời. Tuy nhiên, hình thức này cần đảm bảo chi tiết nội dung và phương pháp mà mỗi học viên sẽ được học.

Các bước tiến hành:

- Mỗi học viên lựa chọn một chủ đề mà họ muốn được học một cách độc lập.
- Khuyến khích từng học viên cân nhắc kỹ lưỡng về kế hoạch học cho học viên nhiều thời gian để họ nghiên cứu và tham khảo tài liệu trong quá trình lên kế hoạch.

- Yêu cầu từng học viên nộp bản hợp đồng gồm các nội dung sau:
 - + Các mục tiêu học tập cần phải đạt.
 - + Các kỹ năng và kiến thức cần nắm vững.
 - + Các hoạt động học tập sẽ thực hiện.
 - + Các căn cứ sẽ được trình bày để chứng minh rằng các mục tiêu đã đạt được.
 - + Ngày hoàn thành.
- Gặp gỡ học viên và thảo luận bản hợp đồng đó.
- Hỗ trợ và phản hồi tích cực.

4.16. Tiếp cận học thành thạo

4.16.1. Sự khác nhau giữa dạy học truyền thống và dạy theo năng lực thực hiện

Trong quá trình đào tạo theo phương pháp truyền thống, học sinh chỉ như là điều kiện thực hiện quá trình. Về bản chất, mọi học sinh cùng học tập nhưng kết quả không như nhau. Kết thúc khoá học, tỷ lệ học sinh yếu kém rất ít, phần lớn là trung bình còn lại một số là khá, giỏi. Trong quá trình dạy học, sự hướng dẫn giáo của viên thường là áp đặt, thực hiện một chiều và cấu trúc không rõ ràng.

Tiếp cận với phương pháp học thành thạo của tiến sỹ John Collum cho thấy, học thành thạo được tiến hành dựa trên cơ sở năng lực thực hiện. Hướng dẫn thực tế được thiết kế dựa trên kết quả đạt được của học sinh sau khi học xong (tại vị trí làm việc). Về quan điểm, mọi người đi học đều phải đạt được chuẩn nhất định. Về bản chất, làm - học theo năng lực cá nhân và kết quả cuối cùng phải đạt được như nhau.

4.16.2. Phiếu thiết kế học tập 4D

Phiếu thiết kế học tập 4D của tiến sỹ John Collum gồm 4 câu hỏi. Trong câu hỏi thứ 4 có 4 phân: A, B, C, D.

Cấu trúc câu hỏi:

Câu hỏi 1: Người thợ (kỹ thuật viên) làm việc đó như thế nào (tại vị trí làm việc)?

- Giáo viên cần xác định rõ năng lực hành nghề của học viên sau khi họ học xong và trở về vị trí sản xuất.

- Mô tả công việc sắp dạy đang được thực hiện như thế nào trong sản xuất.

- Tiêu chuẩn công nghiệp của công việc.

Để trả lời câu hỏi này cần thể hiện bằng: tín hiệu, kết quả mong đợi, các tiêu chí, những vấn đề đặc trưng...

Câu hỏi 2: Bạn (người giáo viên) làm việc đó như thế nào?

Giáo viên lập một bản hướng dẫn thực hiện: danh mục, các bước thực hành, quy trình...

Câu hỏi 3: Học viên phải làm được gì khi học xong (mục tiêu thực hiện)?

Để học viên tại vị trí công tác của họ sau này, giáo viên xác định mục tiêu dạy học. Sau khi học xong, học viên phải đạt được yêu cầu theo 6 câu phân như sau:

- Cung cấp?

- Tín hiệu?

- Ai?

- Làm gì?

- Trong thời gian?

- Tốt thế nào?

Việc kiểm tra thực hiện có thể theo quy trình, theo sản phẩm, hoặc theo cả quy trình và sản phẩm.

Câu hỏi 4: Giảng dạy như thế nào cho có ích?

- Kết hợp các phương pháp giảng dạy.

- Lựa chọn phương pháp: hoạt động nhóm, thực hành có hướng dẫn, thực hành độc lập, bài tập, đóng vai, học hợp tác, động não, nghiên cứu...

- Lựa chọn hình thức hoạt động có ích cho việc học tập của học viên.

Trong câu hỏi thứ 4, cần tiếp tục trả lời 4 câu hỏi sau:

4A. Những hoạt động hay kinh nghiệm gì của học viên sẽ có ích?

Lựa chọn hoạt động phù hợp với sự hình thành và phát triển kỹ năng có hiệu quả nhất của học viên, trên cơ sở kế hoạch thực hành đã lập.

4B. Những dụng cụ trực quan và phương tiện trợ giúp?

Lựa chọn, liệt kê các công cụ, phương tiện trực quan và đánh số thứ tự theo các hoạt động dạy học.

4C. Những đóng góp gì của giáo viên sẽ có ích?

Chỉ nêu những hoạt động thật cần thiết: mở bài, trình diễn, giải thích, minh họa, phỏng vấn, tư vấn, tổng kết bài học.

4D. Những đề án và những vấn đề tương lai gì sẽ có ích?

Xác định các bài tập lớn, đề án. Có thể giải quyết vấn đề bằng cách giao cho nhóm hoặc cá nhân thực hiện.

5. Lựa chọn phương pháp dạy học

Trong quá trình dạy học, không thể xây dựng một bản hướng dẫn sử dụng chung cho tất cả các phương pháp, cũng như không thể xây dựng một phương pháp vạn năng duy nhất để dùng trong mọi trường hợp. Sau đây là một số quy tắc chung mà giáo viên có thể làm căn cứ để lựa chọn phương pháp dạy học cần thiết một cách dễ dàng hơn:

- Lựa chọn phương pháp phụ thuộc vào nhiệm vụ dạy học, có nghĩa là phụ thuộc vào mục tiêu học tập cụ thể: Bài học là lý thuyết hay thực hành, hay bài kết hợp lý thuyết với thực hành? Bài học là truyền thụ kiến thức hay luyện tập, hay rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo?...

- Lựa chọn phương pháp phụ thuộc vào tâm sinh lý và trình độ người học.

Đặc điểm tâm sinh lý và trình độ người học là cơ sở, căn cứ để xem xét cách thức, con đường tiếp cận trong quá trình dạy học. Trong trường nghề, mặc dù cùng đào tạo một nghề nhưng đối tượng tuyển sinh rất khác nhau về độ tuổi, trình độ nhận thức, tâm sinh lý... Vì vậy, giáo viên phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau trong quá trình giảng dạy để phù hợp với người học.

- Lựa chọn phương pháp phụ thuộc vào đặc tính riêng của môn học.

Mỗi môn học trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định đều có nội dung chuyên ngành và mang tính đặc thù rõ rệt. Do đó, trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần nghiên cứu kỹ để lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp.

- Lựa chọn phương pháp phụ thuộc vào cơ sở vật chất của nhà trường và điều kiện cho phép.

Mỗi trường nghề có cơ sở vật chất rất khác nhau. Cơ sở vật chất không chỉ là đồ dùng phương tiện dạy học, mà còn là các trang thiết bị kỹ thuật và các điều kiện khác để hoạt động nghề nghiệp.

Tóm lại: Phải lựa chọn và sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học thích hợp với ngành nghề đào tạo, phù hợp với người học. Trong quá trình học tập, cần tích cực hóa hoạt động của học viên, tạo điều kiện cho người học làm việc và học tập độc lập, hợp lý, hiệu quả.

Câu hỏi ôn tập

1. Hình thức tổ chức dạy học là gì? Nêu các hình thức tổ chức dạy học cơ bản?
2. Trình bày cấu trúc bài giảng lý thuyết?
3. Trình bày cấu trúc bài giảng thực hành?
4. Trình bày cấu trúc bài giảng sản xuất?
5. Phương pháp dạy học là gì? Kể tên những phương pháp dạy học cụ thể ở nhà trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề hiện nay?
6. Trình bày từng phương pháp dạy học? Ưu, nhược điểm ?
7. Phân tích cơ sở để lựa chọn phương pháp dạy học? Vận dụng vào một bài giảng tùy chọn theo chuyên môn cụ thể?
8. Vì sao người giáo viên trung học chuyên nghiệp và dạy nghề phải vận dụng phối hợp nhiều phương pháp trong quá trình dạy học?
9. Tiểu luận: Phân tích cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học và vận dụng vào công tác giảng dạy?

Chương 5

KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, KỸ XẢO CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, học viên có khả năng:

- Phân tích được chức năng, yêu cầu của việc kiểm tra đánh giá kiến thức học sinh, đánh giá được ưu nhược điểm của các phương pháp kiểm tra - đánh giá trong quá trình giáo dục học sinh.
- Vận dụng các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kiến thức học sinh đúng theo yêu cầu.
- Thực hiện kiểm tra đảm bảo các yêu cầu.

I. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích

Mục đích cơ bản của việc kiểm tra - đánh giá là xác định về chất lượng, khối lượng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp và kết quả rèn luyện kỹ năng, thái độ sống ở học sinh để hình thành và phát triển nhân cách người lao động trong tương lai.

Đánh giá là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả của công việc. Dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, người đánh giá sẽ đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Như vậy, kiểm tra - đánh giá không đơn thuần là sự ghi nhận thực trạng mà còn là đề xuất những quyết định làm thay đổi thực trạng đó.

2. Ý nghĩa

2.1. Đối với người giáo viên

Thông qua kiểm tra, giáo viên nhận xét và đánh giá được hoạt động học của học sinh. Từ đó giáo viên tìm ra những giải pháp tích cực, thích ứng với từng đối tượng học sinh để nâng cao hiệu quả giảng dạy và giáo dục học sinh.

Thông qua kiểm tra, giáo viên cũng tự nhận xét, đánh giá được hoạt động dạy của bản thân. Từ đó giáo viên có những biện pháp hoàn thiện nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp.

Mặt khác, thông qua kiểm tra - đánh giá, giáo viên cũng thấy được những ưu, nhược điểm của chương trình dạy hay hệ thống bài tập luyện tập để rút kinh nghiệm.

2.2. Đối với người học

Việc kiểm tra - đánh giá có một ý nghĩa lớn đối với học sinh, được thể hiện ở những điểm sau:

- Kết quả kiểm tra - đánh giá là sự công nhận thành tích học tập, rèn luyện đối với tập thể và từng cá nhân học sinh.

- Thông qua kiểm tra, đánh giá, học sinh được giáo dục tinh thần trách nhiệm trong học tập, rèn luyện, ý thức tự giác, đồng thời kích thích tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh.

- Thông qua kiểm tra, đánh giá bản thân, học sinh sẽ tìm mọi cách để khắc phục yếu kém trong học tập, rèn luyện của mình.

- thông qua kiểm tra, học sinh có thể tự nhận xét, đánh giá về năng lực nắm vững tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cũng như thái độ học tập của mình.

2.3. Đối với các cấp quản lý giáo dục

- Thông qua kiểm tra, các nhà quản lý thấy được thực chất hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh mà mình quản lý.

Thông qua kiểm tra, nhà trường đánh giá được việc thực hiện đầy đủ và kịp thời các chương trình chất lượng của từng học sinh và của các lớp.

- Kết quả kiểm tra, đánh giá là cơ sở để nhà trường đúc kết kinh nghiệm đào tạo; từ đó có những chủ trương, biện pháp chỉ đạo sâu sát hơn, cụ thể hơn cho những giai đoạn tiếp theo.

- Kết quả kiểm tra, đánh giá là một cơ sở quan trọng để nhà trường làm căn cứ xét thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

3. Chức năng, nhiệm vụ của việc kiểm tra - đánh giá trong dạy học

3.1. Chức năng phát hiện và điều chỉnh

3.1.1. Đối với học sinh

- Kiểm tra, đánh giá để học sinh phát hiện tình hình kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ đã lĩnh hội, từ đó để xác nhận thành tích học tập, rèn luyện của bản thân.

- Thông qua kết quả kiểm tra - đánh giá học sinh bổ sung, hoàn thiện những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ đã được lĩnh hội; xác định khả năng tiếp thu, nhận thức ở những phần sau, qua đó điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp.

3.1.2. Đối với giáo viên

- Kiểm tra - đánh giá phải có tác dụng hệ thống hoá, làm sâu sắc thêm, hay lấp lỗ hổng trong nhận thức và hành động cho cả lớp, một nhóm hay cá nhân bằng nhiều cách khác nhau.

- Thông qua kiểm tra - đánh giá để giúp học sinh biết điều chỉnh phương pháp học.

- Thông qua kiểm tra - đánh giá để khi cần thiết có thể điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp.

3.2. Chức năng giáo dục

Chức năng này được biểu hiện ở chỗ người giáo viên có thể kiểm tra - đánh giá kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, nhận thức thái độ ở học sinh. Đồng thời, nó còn có tác dụng hình thành ở học sinh thói quen tốt trong học tập và rèn luyện, tính ham học hỏi, tính tổ chức kỷ luật, rèn luyện đạo đức tác phong tự học. Kiểm tra - đánh giá giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp và trao đổi thông tin, xử lý các tình huống...

3.3. Chức năng quản lý chất lượng đào tạo

Thông qua kiểm tra, các nhà quản lý có thể nắm vững chất lượng, hiệu quả đào tạo, có thông tin để điều chỉnh kế hoạch, phân phối thời gian; phân tích nhận xét, đánh giá chính xác tình hình nhà trường.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

1. Yêu cầu về nội dung kiểm tra - đánh giá

Nội dung kiểm tra - đánh giá phải đảm bảo tính cơ bản. Nội dung đó phản ánh đúng nội dung chương trình đào tạo.

Nội dung kiểm tra - đánh giá phải đảm bảo tính toàn diện. Điều này thể hiện ở chất lượng, số lượng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, tư tưởng, tác phong, thái độ tiếp thu của học sinh. Nghĩa là, những nội dung học tập đều phải được kiểm tra, đánh giá thông qua điểm số.

Nội dung kiểm tra - đánh giá phải vừa sức và gợi mở sự sáng tạo của học sinh.

2. Kiểm tra - đánh giá phải thường xuyên, liên tục và có hệ thống

Công việc kiểm tra - đánh giá chất lượng học tập của học sinh phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục; thông qua kiểm tra bài cũ, bài tập, bài làm, hoặc vận dụng các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của họ vào việc giải quyết các nhiệm vụ cụ thể trong cuộc sống.

Khi kết thúc các chương, mục, học phần hay một bài luyện tập, học kỳ, năm học đều phải có kiểm tra - đánh giá. Hàng ngày giáo viên đều phải kiểm tra bài học trước đó tùy theo thời điểm phù hợp nhất.

3. Kiểm tra - đánh giá phải đảm bảo khách quan và chính xác

Nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra - đánh giá phải căn cứ chuẩn mực mà mục tiêu đào tạo đề ra để đảm bảo tính chính xác.

Nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra phải phù hợp với trình độ học sinh từ thực tế kết quả học tập.

Khi thực hiện kiểm tra - đánh giá phải trung thực, khách quan, thực hiện đúng các quy trình từ các khâu ra đề, coi thi, chấm thi, vào điểm...

4. Kiểm tra - đánh giá phải có nhận xét và phân tích

Mỗi lần kiểm tra xong, giáo viên phải đánh giá, nhận xét và cho điểm ngay; tổ chức trả lời, trả bài không để chậm chễ, kéo dài. Có như vậy thì học sinh mới út kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời. Đặc biệt là giáo viên cần phân tích, nhận xét về văn phong để hình thành ở học sinh kỹ năng trình bày cả văn phong viết của từng bài làm văn phong nói.

5. Kiểm tra - đánh giá phải đảm bảo tính giáo dục

Nếu giáo viên đánh giá đúng trình độ, năng lực, thái độ của học sinh thì họ sẽ công nhận, hài lòng, phấn khởi, tự tin vươn lên đạt kết quả ngày càng cao; đồng thời phát huy tính tích cực, độc lập, sáng tạo, tăng cường mối quan hệ thầy - trò.

Nếu giáo viên đánh giá không chính xác trình độ, năng lực, thái độ của học sinh, thì sẽ gây hậu quả ngược lại, không biết được chất lượng đào tạo.

Kiểm tra - đánh giá phải góp phần hình thành kỹ năng giao tiếp và trao đổi thông tin ở học sinh thông qua việc trả lời các câu hỏi hay làm bài tập.

III. CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

1. Kiểm tra thường xuyên

Đây là hình thức kiểm tra phổ biến trong quá trình dạy học, được tiến hành trong từng tiết học, bài học, từng ca luyện tập của học sinh. Hình thức này thường dùng phương pháp phát vấn hay kiểm tra miệng ngắn... vào bất kỳ thời điểm nào.

Nếu làm tốt việc kiểm tra thường xuyên, sẽ rèn tính tự giác trong học tập, tính sáng tạo, khả năng xử lý tình huống tốt, kỹ năng trao đổi và giao tiếp linh hoạt.

2. Kiểm tra định kỳ

Đây là hình thức kiểm tra - đánh giá sau từng chương, mục, hay một loại bài luyện tập, nhằm xác định mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ của học sinh sau khi học.

Hình thức này giúp giáo viên đánh giá được toàn diện nội dung kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ mà học sinh cần được lĩnh hội theo yêu cầu của mục tiêu đào tạo.

3. Kiểm tra tổng kết

Hình thức kiểm tra - đánh giá này được thực hiện vào cuối học kỳ, cuối năm học hay kết thúc một học phần, nhằm xác nhận thành quả học tập, rèn luyện của học sinh sau một chặng đường học tập nhất định.

Điểm số của hình thức kiểm tra này có hệ số cao nhất khi tính điểm tổng kết cùng với điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ.

4. Thi

Đây là hình thức kiểm tra đặc biệt, được thực hiện khi kết thúc môn học, học phần, kết thúc học kỳ, kết thúc năm học, khoá học, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh, thi tuyển công chức, thi tay nghề...

IV. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

1. Quan sát

Đây là phương pháp phổ biến, có thể tiến hành trong lớp hoặc ngoài trời, thuận lợi cho việc thu thập thông tin để đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh. Để quan sát có hệ thống, có thể dùng những kỹ thuật sau:

1.1. Đánh giá sự thực hiện theo quy trình

Một quy trình có thể quan sát được, đòi hỏi cả kiến thức, kỹ năng, thái độ để làm một việc gì đó theo tiêu chuẩn thực hiện, được chấp nhận và đem lại một sản phẩm, một dịch vụ hay một quyết định. Cách tốt nhất để đánh giá sự thực hiện theo quy trình là sử dụng một phương tiện đơn giản. Đó là phiếu đánh giá quy trình hoặc bản hướng dẫn thực hiện.

1.2. Thực hành, làm thí nghiệm

Đây là dạng thi hoặc kiểm tra bằng cách yêu cầu học sinh làm ra một sản phẩm cụ thể như trong lĩnh vực dạy nghề; sau đó quan sát sản phẩm để đánh giá cho điểm. Một số lĩnh vực yêu cầu học sinh thao diễn một hoạt động trên cơ sở quan sát việc thực hiện hoạt động đó để cho điểm như, đào tạo giáo viên thì phải thao diễn một tiết giảng; đào tạo diễn viên thì phải lên biểu diễn như hát, múa, đóng kịch; lái xe thì phải kiểm tra việc điều khiển và xử lý tình huống trên đường đi như thế nào. Có lĩnh vực cho học sinh tiến hành thí nghiệm; sau đó quan sát quá trình làm thí nghiệm và kết quả thí nghiệm thu được của học sinh để đánh giá, cho điểm... Đây là phương pháp kiểm tra - đánh giá có độ chính xác và độ tin cậy cao.

2. Câu hỏi kiểm tra

2.1. Kiểm tra nói

Phương pháp kiểm tra nói được áp dụng rộng rãi khi kiểm tra thường xuyên hay đánh giá từng phần. Nó cung cấp những thông tin ngược để giáo viên kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy. Phương pháp

này được giáo viên sử dụng trong các bước kiểm tra bài cũ, dạy bài mới, hoặc củng cố tiết học. Qua đó, giáo viên có thể đánh giá sơ bộ về mức độ nắm kiến thức của học sinh trong lớp để quyết định việc giảng dạy tiếp theo.

Để chuẩn bị câu hỏi, giáo viên cần nghiên cứu kỹ những kiến thức cơ bản của bài, nắm chắc yêu cầu của chương trình; chuẩn bị tốt kiến thức tối thiểu theo quy định của Bộ. Dung lượng kiến thức trong mỗi câu hỏi cần vừa phải, sát với trình độ học sinh, có thể trả lời gọn trong thời gian nhất định.

Câu hỏi nêu ra cho học sinh phải chính xác, rõ ràng và xác định; không làm cho học sinh hiểu sai, dẫn tới trả lời lạc đề.

Thái độ và cách ứng xử của giáo viên đối với học sinh rất có ý nghĩa trong kiểm tra nói. Sự hiểu biết của giáo viên về tâm lý của học sinh, sự tế nhị và nhạy cảm sự phạm là những yếu tố giúp cho giáo viên thấy rõ thực chất trình độ kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh được kiểm tra. Giáo viên cần biết lắng nghe câu trả lời của học sinh, tránh cắt ngang làm học sinh mất bình tĩnh; đồng thời biết gợi ý, khuyến khích học sinh khi cần thiết. Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời sao cho cả lớp nghe được và yêu cầu cả lớp theo dõi để bổ sung. Giáo viên cũng không nên có thái độ quá dễ dãi hay quá nghiêm khắc.

Việc đánh giá kết quả trả lời của học sinh không đơn thuần chỉ là việc cho điểm mà trước khi công bố điểm giáo viên cần có lời nhận xét về nội dung cũng như hình thức trình bày từ đó có những uốn nắn về phương pháp học và thái độ khi cần thiết.

2.2. Kiểm tra viết

Với phương pháp này, có thể kiểm tra viết có thể kiểm tra cùng một lúc tất cả học sinh trong lớp, toàn trường hoặc phạm vi rộng hơn, do đó đánh giá được trình độ chung. Để kiểm tra viết có thể đề cập nhiều vấn đề nhằm đánh giá học sinh toàn diện hơn kiểm tra nói. Qua bài làm, giáo viên có thể đánh giá sự phát triển về kiến thức cũng như khả năng diễn đạt ngôn ngữ viết của học sinh. Tuy nhiên, để kiểm tra viết cũng chỉ có thể đề cập một số kiến thức cơ bản nào đó trong cả một phần chương trình rất dài. Do đó, giáo viên khó có điều kiện đánh giá kỹ năng thực hành, thực nghiệm, sử dụng công cụ kỹ thuật... của học sinh.

Việc chuẩn bị một đề kiểm tra viết đòi hỏi giáo viên có sự cân nhắc kỹ càng, vừa phải nắm chắc yêu cầu, vừa phải tính đến thực tế dạy và học trong phần chương trình được kiểm tra. Nội dung câu hỏi phải vừa sức học sinh. Số lượng câu hỏi phải thích hợp với thời gian quy định làm bài, bao quát được những thành phần kiến thức khác nhau của môn học.

Bài kiểm tra viết không chỉ nhằm đánh giá trình độ, kết quả học tập của cả lớp mà còn phải đánh giá kết quả và trình độ của mỗi học sinh trong lớp. Vì vậy, cần coi trọng việc tổ chức kiểm tra, giáo dục học sinh tinh thần nghiêm túc, trung thực, tự tin.

Bài làm cần được chấm kỹ và sớm trả lại cho học sinh. Những sai sót trong bài cần được chỉ rõ. Giáo viên trực tiếp sửa hoặc hướng dẫn học sinh tự sửa. Lời phê phải đánh giá được những ưu khuyết điểm chính, khuyến khích khi học sinh tiến bộ, nhắc nhở khi học sinh sa sút. Cần có đáp án và biểu điểm chi tiết để việc cho điểm được chính xác và công bằng. Khi trả bài, giáo viên cần nhận xét trước lớp về trình độ chung, chỉ ra những chỗ đa số chưa nắm vững hoặc hiểu sai ; từ đó có những bổ sung, uốn nắn cần thiết.

3. Bài tập

Những bài tập nhỏ dưới nhiều hình thức thích hợp với từng môn học, cần cho học sinh làm tại lớp khi dạy bài mới, khi củng cố cuối tiết học, hoặc giao bài tập ở nhà. Phương pháp này sẽ giúp cho học sinh tự đánh giá trình độ kiến thức, kỹ năng mới, qua đó giáo viên nhanh chóng nắm bắt được kết quả học tập của học sinh. Đối với mỗi bài tập kiểm tra cho điểm, giáo viên nên chọn một số bài điển hình.

4. Trình diễn của học sinh

Nên tạo cơ hội cho học sinh trình bày trước lớp những báo cáo nhỏ, biểu diễn một thí nghiệm, một động tác thể dục, trình diễn một ca khúc, giới thiệu một bức họa, một trò chơi, đóng vai... Những hình thức này rất cần thiết cho việc đánh giá kỹ năng, thái độ của học sinh, đặc biệt trong các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nhạc họa, thể dục.

5. Học sinh tự đánh giá

Giáo viên cần hướng dẫn và tạo cơ hội để học sinh tự đánh giá và tham gia đánh giá lẫn nhau. Điều này giúp học sinh nhận rõ mặt mạnh, mặt yếu và những tiến bộ của mình, nâng cao ý thức trách

nhệm đối với kết quả học tập. Đồng thời học sinh cũng được sự rèn luyện tự tin, tính độc lập; rèn luyện, ý thức, thói quen, khả năng tự đánh giá trong mỗi hoạt động sau này khi vào đời.

Giáo viên có thể trao cho học sinh phiếu kiểm kê, thang xếp hạng, đáp án biểu điểm để các em tự đánh giá kết quả thực hiện công việc.

6. Trắc nghiệm

6.1. Một số khái niệm

6.1.1. Trắc nghiệm

Trắc nghiệm trong giáo dục là một phương pháp đo để thăm dò một số đặc điểm năng lực trí tuệ của học sinh hoặc để kiểm tra đánh giá một số kiến, thức kỹ năng, thái độ của học sinh.

- Trắc nghiệm khách quan: Là dạng trắc nghiệm trong đó mỗi câu hỏi có kèm theo những câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho học sinh một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi học sinh phải chọn câu trả lời đã hoàn thiện hoặc chỉ cần điền thêm một vài từ. Đây còn gọi là dạng câu hỏi đóng. Phương pháp này đảm bảo tính khách quan khi chấm. Trắc nghiệm khách quan phải được xây dựng sao cho mỗi câu hỏi chỉ có một câu trả lời đúng hoặc câu trả lời “tốt nhất”. Thực ra tính khách quan ở đây cũng không tuyệt đối. Tính chủ quan của dạng này có thể nằm ở việc chọn nội dung, ở kỹ thuật soạn câu trắc nghiệm để kiểm tra và ở việc định ra câu trả lời sẵn.

- Trắc nghiệm chủ quan: Là dạng trắc nghiệm dùng những câu hỏi mở (còn gọi là câu hỏi tự luận) đòi hỏi học sinh tự xây dựng câu trả lời.

6.2. Trắc nghiệm chuẩn hoá và trắc nghiệm do giáo viên thiết kế

- Trắc nghiệm chuẩn hóa: Là loại trắc nghiệm do các chuyên gia xây dựng một cách công phu, đã qua thử nghiệm, có thể dùng cho đại trà trong nhiều năm. Nó phản ánh được yêu cầu chuẩn mực của chương trình, phù hợp với trình độ chung của học sinh cùng lứa tuổi, cùng khối lớp. Những trắc nghiệm chuẩn thường được các hội đồng quốc gia chuẩn y, được sử dụng cho kỳ thi cuối cấp để đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh. Dạng trắc nghiệm này được phổ biến rộng rãi trong ngành giáo dục giúp cho giáo viên đối chiếu trình độ học sinh lớp mình với chuẩn chung.

- Trắc nghiệm do giáo viên thiết kế: Trong quá trình dạy học giáo viên có thể tự mình xây dựng những trắc nghiệm để sử dụng vào mục đích cụ thể, cho từng nhóm học sinh cụ thể, vào một thời điểm cụ thể.

6.3. Trắc nghiệm theo chuẩn và trắc nghiệm theo tiêu chí

- Trắc nghiệm theo chuẩn: Nhằm mục đích lượng giá theo chuẩn. Kết quả trắc nghiệm của học sinh được xếp theo thứ tự. Dựa vào đó, giáo viên có thể lượng giá một học sinh nào đó là trên hay dưới chuẩn trung bình, ở xa mức trung bình nhiều hay ít.

- Trắc nghiệm theo tiêu chí: Nhằm mục đích lượng giá theo tiêu chí. Kết quả trắc nghiệm không nhằm đánh giá trình độ năng lực của một học sinh khi so sánh tương đối trong nhóm như ở trường hợp trả nghiệm theo chuẩn. Trắc nghiệm kiểu này cho phép đánh giá trình độ của học sinh đó so với tiêu chí đã đề ra.

6.4. Các loại câu trắc nghiệm

- Câu đúng - sai: Là loại câu trước một câu dẫn xác định, học sinh trả lời câu đó là đúng (Đ) hay sai (S).

- Câu nhiều lựa chọn: Là loại câu mà một câu hỏi có từ 3 đến 5 câu trả lời sẵn trong đó chỉ có một câu đúng hoặc đúng nhất.

- Câu ghép đôi: Loại câu này thường gồm hai dãy thông tin - Một dãy là những câu hỏi (hay câu dẫn) - Một dãy là những câu trả lời (hay câu lựa chọn). Học sinh phải tìm từng cặp câu trả lời ứng với câu hỏi.

- Câu điền khuyết: Câu dẫn có để vài chỗ trống. Học sinh phải điền vào chỗ trống những từ thích hợp.

V. CÁCH CHO ĐIỂM KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung đánh giá cho điểm một bài kiểm tra

1.1. Lý thuyết

Cơ sở để đánh giá là sự so sánh giữa những đòi hỏi của chương trình môn học với kết quả mà học sinh đã đạt được. Hình thức biểu hiện của đánh giá là điểm số, nhận xét bằng lời, bằng chữ viết...

1.1.1. Nguyên tắc chung khi cho điểm

- Tất cả những nội dung học tập của môn học quy định trong chế độ giảng dạy đều phải có điểm của tất cả học sinh trong lớp.

- Nội dung bài kiểm tra chứa đựng trong các câu hỏi phải có trong nội dung chương trình quy định; đảm bảo chất lượng kiến thức và sự vận dụng, ghi nhớ, tư duy, hành động của học sinh.

1.1.2. Tiêu chuẩn đánh giá

- Mức độ nắm vững khối lượng và chiều sâu tri thức đã học.
- Kỹ năng vận dụng những tri thức đó.
- Năng lực trình bày.
- Số lượng, tính chất của các sai sót.

1.2. Thực hành

1.2.1. Nguyên tắc

- Tất cả các đề mục quy định trong chương trình thực tập đều phải kiểm tra và cho điểm tất cả học sinh.

- Nội dung ấn định ở các bài kiểm tra chứa đựng trong bài đó. Khi biên soạn, giáo viên căn cứ vào những đòi hỏi của đề mục hay chương trình thực tập để đạt các yêu cầu:

- Nắm vững kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.
- Vận dụng kiến thức đó để chỉ đạo cho quá trình giải quyết bài tập.
- Thành thực các thao động tác.
- Vừa làm vừa lý giải được việc làm đó và có khả năng tự kiểm tra.

1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

- Chất lượng của kết quả công việc luyện tập được giao.
- Sự đảm bảo thời gian làm bài đã cho.
- Phương thức lao động, những biểu hiện của phương thức lao động:
 - + Độc lập giải quyết nhiệm vụ luyện tập.
 - + Tính hợp lý trong quá trình giải quyết nhiệm vụ.
 - + Cách sử dụng các phiếu công tác.
 - + Tính chính xác của kỹ thuật lao động cũng như việc sử dụng nguyên nhiên vật liệu.
 - + Duy trì an toàn lao động.
 - + Vận dụng những kiến thức về kế hoạch.
 - + Tự giám sát các bước thực hiện công việc cũng như kiểm tra sản phẩm của mình.

Để làm sáng tỏ, rõ ràng những tiêu chuẩn trên, giáo viên cần suy xét một số điểm sau:

- Những gì cần phát hiện và cho điểm?
- Những công việc nào cần cho học sinh giải quyết?
- Biện pháp giải quyết như thế nào?
- Học sinh có sự sáng tạo đến mức nào để định điểm giỏi, khá, trung bình hay không đạt?

2. Cách cho điểm một bài kiểm tra

2.1. Lý thuyết

Tùy theo vị trí, yêu cầu của bài làm, bài tập mà giáo viên phân cho mỗi phần, mỗi vấn đề nhỏ một lượng điểm tương ứng với vị trí của nó trong toàn bộ bài, sao cho tổng số điểm bằng 10/10. Điểm từng phần có thể nguyên hay phân. Sau cân nhắc toàn bài với yêu cầu đề ra và căn cứ vào biểu điểm đã xây dựng, giáo viên cho toàn bài một điểm số chính thức, tránh tình trạng cho điểm kèm dấu (+) hay dấu (-).

2.2. Thực hành

Tuỳ theo từng giai đoạn luyện tập so với qui định chung, giáo viên có thể định ra số điểm cho mỗi giai đoạn và cho điểm theo hệ số ở giai đoạn đó cho phù hợp.

VI. CẤU TRÚC BÀI KIỂM TRA

Khi thực hiện việc kiểm tra hay thi đối với học sinh, thì trước đó giáo viên phải soạn bài kiểm tra. Bài kiểm tra sẽ sử dụng nhiều câu hỏi khác nhau, cho nên ta phải thực hiện việc chọn câu hỏi.

1. Chọn dạng câu hỏi

Khi soạn đề kiểm tra có, hai vấn đề làm cho các giáo viên băn khoăn nhiều: một là cấu trúc của bài thi, hai là cách tính điểm và xếp loại. Thông thường, một bài thi dễ soạn nhất thì lại có bài làm khó chấm nhất và ngược lại.

Giáo viên khi soạn hay chọn câu hỏi thường dựa vào sĩ số học sinh. Số học sinh đông thì thi trắc nghiệm, số học sinh trung bình thì dùng câu hỏi ở dạng câu trả lời ngắn, nếu số học sinh ít thì ra dạng bài tiểu luận. Số học sinh trong lớp là một nhân tố quan trọng, nhưng mục

tiêu giáo dục mới là quan trọng hơn cả, cần ưu tiên. Do đó, khi ra câu hỏi kiểm tra, giáo viên phải dựa vào mục tiêu giáo dục ở từng cấp độ để chọn dạng câu hỏi phù hợp.

- Các bài tập: Một số lĩnh vực ra đề ở dạng bài tập như toán thống kê, kế toán, môn sức bền vật liệu, môn cơ, tính toán phối liệu... Mức độ khó dễ của các bài tập phụ thuộc vào kỹ năng giải quyết vấn đề của học sinh. Đó cũng chính là mục tiêu của giáo viên đặt ra cho học sinh.

- Câu hỏi trả lời ngắn: Đây là những câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời ngắn gọn, không đi vào chi tiết hay phân tích, diễn giải mà chỉ trả lời ý cơ bản hay ý tổng hợp nếu ở trình độ cao. Ví dụ: Nêu tên các giải pháp giải quyết vấn đề nào đó, thì chỉ cần liệt kê tên các giải pháp chứ không đi vào diễn giải các giải pháp đó.

- Viết bài luận: Đây là dạng bài kiểm tra yêu cầu học sinh trình bày một vấn đề có hệ thống và trật tự logic theo một yêu cầu nhất định nào đó. Ví dụ: làm một bài văn, diễn giải một giải pháp kỹ thuật trong sản xuất...Viết bài luận không chỉ là phương tiện để đánh giá năng lực học tập của học sinh mà còn có giá trị giáo dục cao.

- Câu hỏi trắc nghiệm: Câu hỏi trắc nghiệm chỉ nên sử dụng khi kiểm tra với số lượng lớn thí sinh hay cần kiểm tra năng lực xử lý nhanh của học sinh.

2. Số lượng câu hỏi và việc hướng dẫn học sinh trả lời

- Số câu hỏi: Số lượng câu hỏi phụ thuộc vào độ dễ khó vào dạng câu hỏi cũng như thời gian kiểm tra.

- Hướng dẫn làm bài: Gồm có giới hạn thời gian, các chỉ dẫn về những quy định và những chỉ dẫn khác.

Câu hỏi ôn tập

1. Hãy trình bày và phân tích các yêu cầu của việc kiểm tra - đánh giá?
2. Phân tích các chức năng của việc kiểm tra - đánh giá? Liên hệ với thực tế?
3. Trình bày ý nghĩa, tác dụng của mỗi phương pháp kiểm tra - đánh giá để từ đó liên hệ với việc vận dụng các phương pháp trong các trường hợp cụ thể như thế nào?

Chương 6

ĐỒ DÙNG VÀ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT DẠY HỌC

Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, học viên có khả năng:

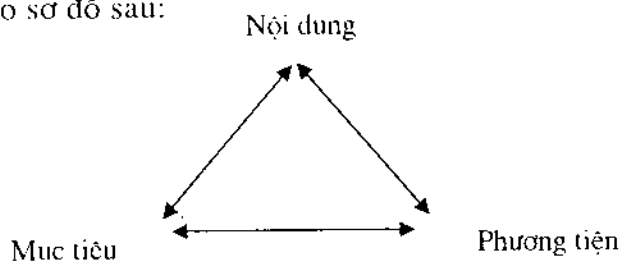
- Nhận thức được vai trò của phương tiện dạy học. Trình bày, phân tích được nguyên tắc 3Đ.
- Hiểu được tính năng của những phương tiện dạy học cơ bản để vận dụng vào công tác dạy học.
- Có tinh thần ứng dụng các thiết bị dạy học vào quá trình dạy học.

I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỒ DÙNG VÀ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương tiện dạy học

Phương tiện dạy học là tập hợp những đối tượng vật chất, được giáo viên sử dụng với tư cách là những phương tiện tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh; là phương tiện nhận thức của học sinh. Thông qua đó, giáo viên thực hiện nhiệm vụ dạy học.

Phương tiện dạy học, nội dung dạy học và mục tiêu dạy học có mối quan hệ theo sơ đồ sau:



Phương tiện dạy học với nội dung dạy học có mối quan hệ biện chứng qua lại. Điều này được thể hiện ở Việt Nam nội dung cần truyền tải và lĩnh hội phải thông qua phương tiện, có phương tiện rồi mới có nội dung. Ví dụ khi dạy gọi tên các sự vật, hiện tượng để hình thành khái niệm thì phải có sự vật, hiện tượng thật hay mô hình; hoặc trong giáo dục nghề nghiệp, phải có thiết bị thì mới có thể tạo nên các kỹ năng sử dụng nó, đó cũng là nội dung dạy thực hành.

Mối quan hệ giữa phương tiện dạy học với mục tiêu đào tạo là mối quan hệ biện chứng, qua lại, tác dụng lẫn nhau trong quá trình dạy học. Phương tiện dạy học cũng phải xuất phát từ mục tiêu, đặc biệt trong giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp không có các thiết bị luyện tập tương ứng thì không thể có kỹ năng lao động được. Ngược lại, phương tiện dạy học sẽ tạo cho người học dễ dàng trong quá trình nhận thức cũng như luyện tập để hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

2. Phân loại

Người ta thường phân loại phương tiện dạy học thành 2 nhóm cơ bản:

- * Nhóm đồ dùng dạy học: Gồm các đồ dùng đơn giản, thư viện...

- * Nhóm phương tiện kỹ thuật dạy học:

- Phương tiện nghe nhìn:

- + Máy chiếu tĩnh.

- + Máy chiếu phim.

- + Máy ghi âm.

- + Máy vi tính và máy chiếu đa năng.

- + Máy video.

- Thiết bị luyện tập: Tương ứng với mỗi kỹ năng sẽ có các thiết bị luyện tập phù hợp.

- Phòng thí nghiệm, vườn trường...

II. CÁC NGUYÊN TẮC SỰ PHẠM ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Vai trò của phương tiện dạy học trong quá trình dạy học

Trong dân gian ta có câu: “Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một làm”. Câu này muốn nói đến mức độ tác dụng

khác nhau của các hoạt động lên các giác quan con người trong quá trình lĩnh hội tri thức.

Người ta đã tổng kết được mức độ ảnh hưởng của các giác quan trong quá trình lĩnh hội đó như sau:

Sự tiếp thu tri thức khi học đạt được:

- 1% qua nếm.
- 1,5% qua sờ.
- 3,5% qua ngửi.
- 11% qua nghe.
- 83% qua nhìn.

Tỷ lệ kiến thức nhớ được sau khi học như sau:

- 20% qua những gì mà ta nghe được.
- 30% qua những gì mà ta nhìn được.
- 50% qua những gì mà ta nghe và nhìn được.
- 80% qua những gì mà ta nói được.
- 90% qua những gì ta nói và làm được.

Ở Ấn Độ, khi tổng kết quá trình dạy học, người ta cũng nói:

- Tôi nghe - tôi quên.
- Tôi nhìn - tôi nhớ.
- Tôi làm - tôi hiểu.
- Tôi nghe - tôi quên

Trong trường hợp chỉ được nghe giảng, sự hình thành khái niệm phụ thuộc nhiều vào vốn kinh nghiệm của học sinh và kinh nghiệm, kỹ năng truyền thụ của giáo viên. Ngoài ra, nếu không có trí tưởng tượng cá nhân tốt, học sinh sẽ rất khó hình dung được các sự kiện, đồ vật mà giáo viên trình bày, mặc dù giáo viên có năng khiếu mô tả sự vật năng động và lôi cuốn. Lối dạy học phụ thuộc nhiều vào cách diễn giải của giáo viên là một phương pháp cổ điển nhất. Nói cách khác, nếu quá trình dạy học chỉ sử dụng phương tiện nghe thì học sinh tiếp nhận nhưng nhanh quên.

- Tôi nhìn - tôi nhớ

Là một cơ quan cảm giác, khoảng nhìn của mắt được mở rộng hơn so với nghe rất nhiều. Rõ ràng các kiến thức thu nhận được qua việc nhìn rất sinh động, chính xác, liên tục và làm cho học sinh nhớ lâu. Điều này có nghĩa là nếu sử dụng các dụng cụ hay phương tiện có tính trực quan sẽ tăng hiệu quả nhận thức.

- **Tôi làm - tôi hiểu**

Khi ta làm một việc nào đó, nếu ta sử dụng tất cả các giác quan để nhận biết thì các kiến thức sẽ được tiếp thu, ghi nhớ nhanh. Nội dung thông điệp cùng một lúc qua nhiều kênh truyền thông tác động đến người nhận. Do đó kết quả truyền thông tới người nhận nhanh chóng, toàn diện và rất chính xác. Bởi vậy, việc học bằng thực hành là có hiệu quả nhất nghĩa là phải có vật tư, thiết bị thực hành cho học sinh thì mới đạt mục tiêu giáo dục cao.

2. Đặc trưng của phương tiện dạy học

Phương tiện dạy học đóng nhiều vai trò trong quá trình dạy học. Các phương tiện dạy học có tác dụng minh họa cho những sự vật, hiện tượng và các quá trình xảy ra trong thực tế mà giáo viên và học sinh không thể tiếp cận trực tiếp được. Chúng giúp cho giáo viên phát huy tất cả các giác quan của học sinh trong quá trình lĩnh hội. Do đó, học sinh nhận biết được quan hệ giữa các hiện tượng, những khái niệm, quy luật. Đây là cơ sở giúp học sinh đúc rút kinh nghiệm và áp dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống. Thực tiễn sư phạm cho thấy, phương tiện dạy học có những đặc trưng chủ yếu sau:

- Có thể cung cấp cho học sinh các kiến thức một cách chắc chắn và chính xác. Như vậy, nguồn tin họ thu nhận được trở nên đáng tin cậy và được nhớ lâu hơn.

- Làm cho việc giảng dạy trở nên cụ thể và sinh động hơn. Do đó, học sinh sẽ dễ tiếp thu những sự vật, hiện tượng và các quá trình phức tạp mà bình thường học sinh khó nắm vững được.

- Rút ngắn thời gian giảng dạy mà việc lĩnh hội kiến thức của học sinh lại nhanh chóng, chắc chắn hơn.

- Giải phóng người giáo viên khỏi một khối lượng lớn các công việc tay chân, do đó giúp họ có điều kiện bồi dưỡng, nâng cao chất lượng dạy học.

- Dễ dàng gây được hứng thú và sự chú ý của học sinh.

- Bằng việc sử dụng phương tiện dạy học, giáo viên có thể kiểm tra một cách khách quan khả năng tiếp thu kiến thức cũng như sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo của học sinh.

3. Yêu cầu đối với phương tiện dạy học

Các phương tiện dạy học phải đảm bảo các yêu cầu chủ yếu:

- Đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên khi sử dụng.

- Có tính thẩm mỹ cao.
- Có độ chuẩn xác cao để đảm bảo độ tin cậy trong quá trình nhận thức.
- Không gây các tác động xấu tới sức khỏe cũng như nhận thức của giáo viên và học sinh.

III. CÁC NGUYÊN TẮC SỰ PHẠM TRONG VIỆC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

Phương tiện dạy học được sử dụng đúng sẽ làm tăng hiệu quả sự phạm của nội dung và phương pháp dạy học lên rất nhiều. Phương tiện dạy học không chỉ có chức năng minh họa cho bài giảng mà còn có tác dụng thúc đẩy quá trình lĩnh hội kiến thức và việc hiểu nội dung của thông điệp cần truyền thụ được sâu sắc hơn. Nếu không biết sử dụng phương tiện dạy học một cách khoa học, hợp lý theo quy luật tâm lý, thậm chí lại lạm dụng quá nhiều phương tiện trong giờ giảng thì nó không thể phát huy tác dụng, thậm chí còn làm cho học sinh khó hiểu, rối loạn, căng thẳng. Bởi vậy, các nhà sư phạm đã tổng kết ra 3 nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học (gọi là nguyên tắc 3Đ: Đúng lúc, đúng chỗ, đúng cường độ) cũng như các yêu cầu khi chọn lựa các phương tiện dạy học.

1. Các yêu cầu khi lựa chọn và sử dụng phương tiện dạy học

Trong quá trình dạy học, người giáo viên cần phải có các đồ dùng và phương tiện dạy học hỗ trợ. Cho nên khi lựa chọn các thiết bị dùng trong quá trình dạy học, giáo viên cần phải tính đến các yếu tố tác động của nó. việc sử dụng có hiệu quả, phương tiện dạy học cần đảm bảo các yêu cầu:

- Chọn phương tiện dạy học phải phù hợp với nội dung, hình thức, phương pháp dạy học, phù hợp với đối tượng học, và phải có hiệu quả tốt, hiệu quả tốt. Tránh lạm dụng phương tiện.
- Phương tiện dạy học phải được chuẩn bị kỹ trước khi lên lớp như: đảm bảo an toàn khi sử dụng, đảm bảo chất lượng cũng như tính năng, tác dụng của phương tiện.
- Đảm bảo tính đồng bộ khi sử dụng các phương tiện khác nhau, và các phương tiện phải được bố trí hợp lý để sử dụng thuận lợi tránh nhầm lẫn, gây ảnh hưởng xấu giữa các phương tiện.
- Đảm bảo vai trò chủ đạo của giáo viên, tránh lệ thuộc vào thiết bị dạy học.

2. Nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học

2.1. Nguyên tắc đúng lúc

- Sử dụng đúng lúc phương tiện dạy học là trình bày phương tiện vào lúc cần thiết, lúc học sinh mong muốn quan sát nhất, gọi nhớ trong trạng thái tâm lý thuận lợi nhất mà trước đó giáo viên đã dẫn dắt, gợi mở, nêu vấn đề chuẩn bị.

- Phương tiện dạy học sẽ được nâng cao hiệu quả rất nhiều nếu nó xuất hiện đúng lúc nội dung và phương pháp dạy học cần đến nó. Cần đưa phương tiện theo trình tự bài giảng, tránh trưng bày đồng loạt trên bàn, giá, tủ trong tiết học cũng như biến lớp học thành một phòng trưng bày triển lãm. Phương tiện dạy học phải được đưa ra và cất đúng lúc.

- Cùng một phương tiện dạy học cũng cần phân biệt thời điểm sử dụng của chúng. Khi nào nó được đưa ra giới thiệu trong giờ giảng, trong buổi hướng dẫn ngoại khoá hay trưng bày trong giờ nghỉ; thậm chí có trường hợp phương tiện được trưng bày trong ký túc xá học sinh hay cho học sinh mượn về nhà để quan sát kỹ hơn.

- Cần cân đối và bố trí thời gian sử dụng phương tiện dạy học hợp lý, đúng lúc, thuận lợi trong một ngày, một tuần nhằm tăng hiệu quả của chúng. Ví dụ, nên bố trí chiếu phim vào cuối buổi học hàng ngày; không nên cho học sinh xem nhiều phim có nội dung khác nhau trong cùng một giờ giảng.

2.2. Nguyên tắc đúng chỗ

- Sử dụng phương tiện dạy học đúng chỗ tức là tìm vị trí để giới thiệu phương tiện trên lớp học hợp lý nhất, giúp cho học sinh có thể sử dụng nhiều giác quan nhất để tiếp xúc với phương tiện một cách đồng đều ở mọi vị trí trong lớp.

- Phải tìm vị trí lắp đặt phương tiện sao cho toàn bộ lớp có thể quan sát rõ ràng, đặc biệt là hai hàng học sinh ngồi sát hai bên tường và hàng ghế cuối lớp.

- Vị trí trình bày phương tiện phải đảm bảo các yêu cầu chung về độ chiếu sáng, thông gió và các yêu cầu kỹ thuật khác.

- Các phương tiện phải được giới thiệu ở những vị trí đảm bảo tuyệt đối an toàn cho học sinh và giáo viên trong và ngoài giờ dạy.

Đồng thời, phải bố trí phương tiện sao cho không làm ảnh hưởng tới quá trình làm việc và học tập của lớp khác.

- Đối với các phương tiện được lưu giữ tại những nơi bảo quản tập trung, phải sắp xếp sao cho giáo viên dễ dàng tìm thấy và đưa phương tiện đến lớp khi cần thiết.

- Phải bố trí chỗ cất giấu phương tiện dạy học tại lớp sau khi sử dụng, để không làm phân tán tư tưởng của học sinh khi tiếp tục nghe giảng.

2.3. Nguyên tắc đủ cường độ

- Nguyên tắc này chủ yếu đề cập nội dung và phương pháp giảng dạy sao cho thích hợp, vừa với trình độ nhận thức và lứa tuổi học sinh.

- Từng loại phương tiện có mức độ sử dụng tại lớp khác nhau. Nếu kéo dài việc trình diễn phương tiện hoặc dùng lặp lại một loại phương tiện quá nhiều lần trong một buổi giảng, thì hiệu quả của chúng sẽ giảm sút.

IV. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC PHỔ BIẾN VÀ CÁCH SỬ DỤNG

1. Bảng, phấn

Bảng và phấn là phương tiện dạy học phổ biến hiện nay. Sự trình bày bảng gọn, sáng sủa để lôi cuốn sự chú ý của học sinh. Khi trình bày bảng có một số quy tắc sau:

- Không nên viết bảng quá nhiều. Trình bày cô đọng, gọn, gây ấn tượng sâu sắc cho học sinh.

- Tài liệu trình bày đơn giản, lời văn chính xác, súc tích, không nên dùng những đoạn văn dài.

- Trong giáo án nên có dự định các vấn đề viết lên bảng và cách trình bày.

- Những dụng cụ gì cần cho sự trình bày bảng (phấn màu, thước, compa...) phải chuẩn bị trước.

- Kiểm tra lại điều kiện ánh sáng, tránh để ánh sáng chói rọi vào bảng.

- Chữ viết phải đủ lớn để học sinh cuối lớp nhìn rõ.

- Xóa những dữ liệu không liên quan đến sự kiện đang giảng để học sinh không bị phân tán tư tưởng.

- Bảng dạy học phải luôn sạch sẽ. Nền bảng phải làm nổi màu phấn viết và phải có độ bám phấn nhất định.

- Trong lúc viết bảng, lời giảng phải luôn ăn nhịp với những gì xuất hiện trên bảng.

- Nét phấn đều, rõ ràng.

2. Bản vẽ, sơ đồ, mô hình

2.1. Bản vẽ, sơ đồ

- Việc truyền đạt tốt nhất lượng thông tin và qua hình phẳng, hình vẽ, sơ đồ, biểu đồ. Vì vậy chúng được sử dụng thích hợp cho dạy lý thuyết và thực hành.

- Hình vẽ, sơ đồ phải đảm bảo yêu cầu rõ ràng, sáng sủa, chính xác, mọi người nhìn rõ và không được quá nhiều nét chi tiết.

2.2. Mô hình

- Mô hình là phương tiện dạy học hình khối phản ánh tính chất, cấu tạo cơ bản, chức năng hoá mối quan hệ mật thiết với vật thật. Nó thường chỉ thay đổi về tỷ lệ, vật liệu so với vật thật.

- Mô hình phải phản ánh những đặc điểm cơ bản của vật thật cần nghiên cứu.

- Các mô hình thường được dùng với vai trò là nguồn thông tin để diễn giải tài liệu và kiểm tra kiến thức; rất ít khi được dùng như một phương tiện để học sinh nắm vững kỹ năng, kỹ xảo.

- Mô hình giúp nâng cao hứng thú cho học sinh.

V. PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT DẠY HỌC, PHẠM VI ỨNG DỤNG, CÁCH SỬ DỤNG

1. Các phương tiện nghe nhìn

1.1. Các máy chiếu tĩnh

Trang in, bản viết tay, bản vẽ, hay sơ đồ, biểu đồ... khổ nhỏ, đã chuẩn bị sẵn hay được chụp nhờ các thiết bị trên sẽ được phóng to trên màn hình. Việc sử dụng các phương tiện này có đặc điểm sau:

- Có khả năng xem xét trên màn hình bao lâu cũng được. Giáo viên có thể dùng hướng dẫn việc tranh luận ở nhóm hay cho học sinh tự học.

- Có thể dùng trong các giai đoạn khác nhau của bài giảng. Các hình phóng có thể là bài tập, bài kiểm tra, bài học...

- Sử dụng hình phóng phải cẩn thận, rõ nét và phòng học phải có rèm che ánh sáng.

1.2. Máy chiếu phim

Sử dụng máy chiếu phim vào hỗ trợ dạy học là một trong những phương tiện góp phần tái hiện các quá trình và các sự kiện tương ứng trong thực tế. Nó thiết lập mối liên hệ chặt chẽ qua lý thuyết và thực hành, đưa một phần thực tế cuộc sống vào bài học.

Do phim dạy học cung cấp kiến thức theo hai kênh (thị giác và thính giác) nên điều kiện làm việc của giáo viên trên lớp cũng thay đổi. Giáo viên hướng dẫn, chuẩn bị cho học sinh trước khi xem phim. Sau khi chiếu phim giáo viên củng cố những thông tin đã được truyền đạt bằng phim.

1.3. Máy video

Máy video cũng như máy chiếu phim nhưng tiện lợi hơn. Nó không cần phòng học có rèm che ánh sáng, chỉ cần màn hình vô tuyến.

1.4. Máy ghi âm

Nhờ có ghi âm, khi điều khiển quá trình dạy học giáo viên có thể tác động vào học sinh đa dạng hơn. Thông qua phương tiện này, lượng thông tin ngôn ngữ ghi tự do vào băng được giáo viên sắp xếp và sử dụng hợp lý, đặc biệt trong lĩnh vực học tiếng.

Cho nghe máy ghi âm để hình thành thính giác kỹ thuật cho học sinh. Dùng để giảng bài, kiểm tra kiến thức; dùng trong luyện tập, tự học của học sinh.

1.5. Máy vi tính và máy projector

Là phương tiện dạy học đa năng nhất, thuận lợi nhất. Nó có chức năng tổng hợp của các phương tiện khác như bảng, phấn, hình vẽ, sơ đồ, phim, ghi âm, video. Hơn thế nữa, nó có thể giải bài tập, thiết kế vẽ, tham khảo tài liệu, làm thí nghiệm giả định...

2. Xưởng thực tập

Xưởng thực tập là một bộ phận quan trọng trong thành phần cơ sở vật chất của một nhà trường để đảm bảo chất lượng đào tạo, đặc biệt trong các nhà trường đào tạo nghề nghiệp. Ví dụ: Trong các nhà trường phổ thông thì vườn trường, xưởng thực hành để cho học sinh luyện tập những kỹ năng, những thao động tác lao động cơ bản, phổ thông được ứng dụng trong đời sống hàng ngày. Trong các nhà trường đào tạo nghề thì xưởng thực tập là nơi để học sinh rèn luyện những kỹ năng lao động sản xuất theo từng ngành nghề nhất định.

2.1. Phân loại xưởng thực tập

2.1.1. Phân theo chức năng

- Xưởng thực hành tổng hợp: Bao gồm việc thực hiện nhiều công đoạn trong một xưởng thực hành.
- Xưởng thực hành chuyên dụng: Chỉ để rèn luyện những kỹ năng chuyên biệt cho từng nghề.

2.1.2. Phân theo đặc trưng nghề nghiệp

- Xưởng thực hành có mái che: xưởng tiện, xưởng gò hàn, nhà bếp...
- Xưởng ngoài trời: vườn trường, bãi tập lái xe, ruộng thí nghiệm...

2.1.3. Phân theo quy mô

- Xưởng thực tập quy mô nhỏ.
- Xưởng thực tập quy mô lớn.

2.2. Yêu cầu đối với xưởng thực hành

Để việc hoạt động có hiệu quả, các xưởng thực hành cần đảm bảo các yêu cầu:

- Bố trí hợp lý các bộ phận, các thiết bị trong xưởng. Khu độc hại, nguy hiểm phải cách ly hoặc có hàng rào cách ly. Khu luyện tập phải tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, lưu thông không khí tốt, cách ly tiếng ồn.
- Các tuyến giao thông đi lại giữa các xưởng, các bộ phận phải thông thoáng, thuận lợi. An toàn nhất là phải đảm bảo cho các phương tiện cứu hộ dễ dàng tiếp ứng khi có sự cố.
- Các yêu cầu, điều kiện an toàn phải được đảm bảo như: an toàn điện, phòng cháy chữa cháy, điều kiện khí hậu, ánh sáng, thông gió...
- Xưởng thực hành phải phù hợp với các đặc điểm ngành nghề đào tạo.

3. Phòng thí nghiệm

Cũng như xưởng thực hành, phòng thí nghiệm là một thành phần cơ bản trong các điều kiện cơ sở vật chất của các nhà trường. Đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp, phòng thí nghiệm là thành phần không thể thiếu.

Người ta phân chia phòng thí nghiệm theo các tiêu chí:

- Phân theo môn học có: phòng thí nghiệm vật lý, hóa, sinh...

- Phân theo đặc trưng nghề có: ruộng thí nghiệm, bãi thử, phòng hoá phân tích của các nghề như dược, thực phẩm, hoá chất, địa chất, dầu mỏ...

Các điều kiện cho phòng thí nghiệm:

- Phòng thí nghiệm phải được cung cấp đầy đủ điện, nước
- Có đủ điều kiện để bảo dưỡng, bảo quản trang thiết bị thí nghiệm.
- Có đầy đủ vật tư cho các thí nghiệm.
- Đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và môi trường.

Câu hỏi ôn tập

1. Hãy trình bày và phân tích vai trò, đặc trưng của phương tiện dạy học trong quá trình dạy học?
2. Trình bày và phân tích các nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học? Liên hệ với việc vận dụng vào công tác dạy học?

Chương 7

NHỮNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN TRONG HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

Mục tiêu

Sau khi học xong chương này, học viên có khả năng:

- Trình bày được những công việc cơ bản, cụ thể trong hoạt động giảng dạy. Phân tích được nội dung, đánh giá một bài giảng.
- Thực hiện được bài giảng đã soạn theo yêu cầu của mục tiêu bài giảng.
- Say sưa, nhiệt tình khi thực hiện bài giảng.

I. CÁC CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN

Trong những năm gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới ngày nay coi trọng và quan tâm đến sự nghiệp phát triển hệ thống giáo dục. Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên là nhiệm vụ quan trọng, là sự đảm bảo cho thành công của công cuộc cải cách và phát triển giáo dục, từ đó có tác động thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Một khi nền kinh tế xã hội phát triển thì nó sẽ tác động trở lại sự nghiệp giáo dục.

Lao động sư phạm của người giáo viên cũng như các loại hình lao động khác, nó cũng có những đặc điểm vị trí, môi trường hoạt động khác nhau: lớp học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; với nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau: Lớp; nhóm; từng cá nhân... Do vậy, người giáo viên phải có những tri thức, kỹ năng về công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Các kiến thức, năng lực tổ chức quản lý các hoạt động sư phạm, nghiên cứu khoa học - công nghệ, hoạt động nghề nghiệp và hoạt động xã hội của người giáo viên là nhân tố quan trọng phản ánh trình độ và năng lực của người giáo viên.

Hiện nay giữa nhà trường và xã hội, giữa học tập và lao động sản xuất, các loại hình hoạt động xã hội, giữa hoạt động lao động sư phạm của giáo viên và thực tế sản xuất có mối liên hệ trực tiếp, ngày càng trở nên phong phú, đa dạng. Vì vậy, người giáo viên phải thường xuyên mở rộng các tri thức, kỹ năng mới về xã hội. Vì thế theo tổng kết của UNESCO, trong nền giáo dục hiện đại, vai trò của người giáo viên đã có những thay đổi lớn theo những hướng sau:

- Thực hiện nhiều chức năng hơn so với trước đây; có trách nhiệm nhiều hơn trong việc chọn lựa nội dung dạy học và giáo dục.
- Chuyển đổi từ truyền thụ kiến thức một chiều sang việc tạo tính chủ động, sáng tạo cho học sinh trong quá trình học sinh trong quá trình học, sử dụng tối đa những nguồn tri thức trong xã hội.
- Thay đổi tính chất trong quan hệ thầy - trò.
- Yêu cầu sử dụng rộng rãi những phương tiện dạy học hiện đại, vì vậy cần có thêm những tri thức, kỹ năng mới cần thiết.
- Yêu cầu hợp tác rộng rãi và chặt chẽ hơn với các giáo viên cùng trường; thay đổi cấu trúc mối quan hệ giữa các giáo viên với nhau.
- Yêu cầu thắt chặt hơn mối quan hệ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Các giáo viên phải tham gia các hoạt động rộng rãi trong và ngoài nhà trường.

Chính vì lẽ đó, khuyến cáo 21 điểm về chiến lược phát triển giáo dục hiện đại của tổ chức UNESCO chỉ rõ: “Thầy giáo phải được đào tạo để trở thành những nhà giáo dục hơn là những chuyên gia truyền thụ kiến thức” (Điểm 18); “Các chương trình đào tạo giáo viên cần triệt để sử dụng các thiết bị và phương pháp dạy học mới nhất” (Điểm 16).

1. Chức năng giáo dục

Thông qua hoạt động giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm giáo dục cho thế hệ trẻ lý tưởng, đạo đức, niềm tin vào tương lai; bồi dưỡng cho họ những phẩm chất cao quý, những năng lực trí tuệ, năng lực hành động của con người Việt Nam thời đại mới.

2. Chức năng dạy học

Thông qua giảng dạy, người giáo viên truyền thụ các tri thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cho học sinh, để họ tự tin bước vào cuộc sống.

II. NHỮNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ TRONG HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

1. Công tác chuẩn bị

1.1. Chuẩn bị chung cho học kỳ hay năm học

1.1.1. Tìm hiểu, nắm vững mục tiêu đào tạo và đối tượng học sinh

Mục đích: Làm cho giáo viên thấy rõ những yêu cầu xã hội đối với người được đào tạo: nghĩa là đào tạo những gì, đào tạo như thế nào để khi kết thúc khoá học, người học có đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ để làm việc mà xã hội yêu cầu.

Không chỉ nắm vững mục tiêu đào tạo, giáo viên còn cần tìm hiểu và nắm vững đặc điểm đối tượng người học. Những đặc điểm giáo viên cần nắm vững là:

- Trình độ kiến thức.
- Trình độ nhận thức.
- Các kỹ năng.
- Thái độ cũng như sự phát triển tâm lý ở họ ra sao.

Trên cơ sở đó, người giáo viên mới có thể định hướng cụ thể cho quá trình giáo dục để thực hiện có hiệu quả hoạt động dạy học. Mặt khác, giáo viên có thể nhận định chính xác hơn nên bắt đầu từ đâu và tác động như thế nào để dẫn giúp học sinh đạt được mục tiêu học tập.

1.1.2. Nghiên cứu nội dung chương trình môn học

• Giáo viên dạy lý thuyết

Nghiên cứu chương trình môn học là việc làm hết sức quan trọng để:

- Giáo viên định hướng toàn bộ nội dung môn học cần truyền đạt.
- Sử dụng hợp lý thời gian trong chương trình quy định.
- Chuẩn bị các phương tiện và đồ dùng dạy học một cách chủ động.

• Giáo viên dạy thực hành

Cần nghiên cứu kỹ hệ thống bài học thực hành đã được xây dựng, trong đó phải nắm được:

- Hệ thống bài tập theo quy định của chương trình dạy thực hành.
- Nắm được thời gian thực hiện để có điều kiện chuẩn bị thật chu đáo cho công việc trước khi lên lớp.

1.2. Nghiên cứu tư tưởng giáo dục

Giáo viên nghiên cứu tư tưởng giáo dục trên cơ sở đã nắm được khối lượng kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của môn học; nghĩa là dự kiến trước cần tác động giáo dục những khía cạnh nào, thông qua từng bài học cụ thể nào (về chính trị, đạo đức và các phẩm chất tương ứng).

1.3. Chuẩn bị kỹ năng giảng dạy

Người giáo viên chuẩn bị những kỹ năng giảng dạy tương ứng với từng khâu của quá trình dạy học.

1.4. Lập kế hoạch giảng dạy môn học

Trước khi soạn đề cương, giáo án để lên lớp, giáo viên phải lập được lịch giảng dạy cho môn học của mình dựa vào những điều kiện sau:

- Nghiên cứu kỹ biểu đồ giảng dạy năm học hay học kỳ để nắm được mối quan hệ giữa các môn học cũng như các hoạt động, từ đó giáo viên sẽ định hướng cho hoạt động của mình.
- Nghiên cứu kế hoạch phân công giảng dạy.
- Nghiên cứu chương trình môn học.
- Xem xét thời khoá biểu để lập kế hoạch thực hiện.

2. Chuẩn bị trực tiếp cho một bài giảng

2.1. Giáo viên dạy lý thuyết

2.1.1. Soạn đề cương bài giảng

Đề cương bài giảng là nội dung cơ bản nhất của môn học do người giáo viên được phân công giảng dạy môn học đó biên soạn.

Đề cương được biên soạn dựa vào nội dung của giáo trình môn học, nhằm mục đích:

- Truyền thụ những nội dung cơ bản nhất của chương trình môn học cho người học.
- Nội dung dạy được soạn thích ứng với từng đối tượng học sinh.

Khi biên soạn đề cương bài giảng, người giáo viên phải gia công kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo về mặt tư phạm theo những nguyên tắc lý luận dạy học để truyền thụ có hiệu quả cao.

2.1.2. Chuẩn bị phòng học, phương tiện dạy học

- Chuẩn bị phương tiện dạy học cần ứng dụng cho bài giảng và cả môn học.
- Xem xét phòng học, bàn ghế giáo viên và học sinh để chủ động cho hoạt động dạy học.

2.1.3. Soạn kế hoạch bài giảng (giáo án) theo mẫu quy định

Chuẩn bị giáo án cho mỗi bài giảng nhằm mục đích:

- Đảm bảo cho việc truyền thụ kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách chủ động và chắc chắn.
- Đảm bảo cho người giáo viên dự kiến trước được những nội dung, phương pháp, phương tiện, điều kiện thực hiện và thời gian đầu tư cho mỗi phần giảng.
- Tổ chức và điều khiển tiết giảng thành công, nâng cao uy tín giáo viên với học sinh.
- Làm cơ sở cho việc kiểm tra đánh giá.

Khi biên soạn giáo án, giáo viên cần chú ý:

* Xác định mục tiêu bài học:

Mục tiêu bài học là một tuyên bố rõ ràng, là căn cứ để đánh giá kết quả học tập của học sinh vào cuối buổi học. Mục tiêu bài học không phải việc thực hiện của giáo viên hay quy trình giảng dạy. Mục tiêu đó là của học sinh, là việc học sinh có thể làm được sau khi học xong.

Mục tiêu của bài học bao giờ cũng bắt đầu bằng một động từ, với những mức độ khác nhau của kiến thức và sự hình thành kỹ năng. Việc chọn động từ để xác định mục tiêu là vô cùng quan trọng. Nó quyết định đến nội dung và các hoạt động cũng như thời lượng để người học đạt được mức độ đó.

Bảng 1: Các mức độ nhận thức theo Bloom

Mức độ	Định nghĩa
Biết	Nhắc lại các sự kiện
Hiểu	Trình bày hoặc hiểu ý nghĩa của các sự kiện
Vận dụng	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp riêng biệt
Phân tích	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp phức hợp
Tổng hợp	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp phức hợp để trình bày một giải pháp
Đánh giá	Vận dụng các nguyên lý vào các trường hợp để đưa ra các giải pháp mới và so sánh với các giải pháp khác đã biết

Bảng 2: Các mức độ hình thành kỹ năng

Mức độ	Định nghĩa
Bắt chước	Quan sát và sao chép rập khuôn
Làm (thực hiện) được	Quan sát và thực hiện được như hướng dẫn (kỹ năng)
Làm chính xác	Quan sát và thực hiện được một cách chính xác như hướng dẫn
Làm biến hóa	Thực hiện kỹ năng trong các hoàn cảnh và tình huống khác nhau
Làm thuần thục	Đạt trình độ cao về tốc độ và sự chính xác, ít cần sự can thiệp của ý thức

Có nhiều cách tiếp cận để viết mục tiêu bài học:

* **Cách thứ nhất:** Viết mục tiêu bài học theo 3 cấu phần (hay 3 lĩnh vực):

- Kiến thức: Xác định mức độ kiến thức cần đạt được sau khi học.
- Kỹ năng: Xác định mức độ hình thành kỹ năng theo tiêu chuẩn cụ thể.
- Thái độ: Thái độ cần có đối với bài học và nghề nghiệp.

Ví dụ: Bài thực hành kỹ năng may túi dọc.

Viết mục tiêu học tập: Sau khi học xong, học viên có khả năng:

- Nêu quy trình may túi dọc, những sai hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục.
- May được túi dọc đúng vị trí, êm, phẳng, đúng kích thước, đúng vế, mật độ 5 mũi/1cm trong thời gian 15 phút.
- Đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp.

* **Cách thứ hai:** Viết mục tiêu bài học theo 6 cấu phần:

- Cung cấp.
- Tín hiệu.
- Ai.
- Làm gì.
- Trong thời gian.
- Tiêu chuẩn (đạt đến mức độ nào).

Trong đó:

- Cung cấp: Mô tả mọi điều kiện hoặc biến số có thể ảnh hưởng tới trình độ thực hiện chung.

- Tín hiệu: Xác định tín hiệu hay điều kiện dẫn đến sự thực hiện.
- Ai: Chức danh công việc của người thực hiện
- Làm gì: Chỉ sự thực hiện có thể quan sát được và sẽ được trình diễn sau khi học xong (được thể hiện bằng một động từ chỉ hành động và bổ ngữ của hành động đó).
- Trong thời gian: Nêu giới hạn thời gian xác định để thực hiện
- Tiêu chuẩn (đạt đến mức độ nào): Nêu các tiêu chí thực hiện quan trọng nhất sẽ được đánh giá.

Ví dụ: Bài học thực hành kỹ năng may túi dọc có mục tiêu như sau:

Cấu phần	Tuyên bố
Cung cấp	Kích thước túi
Tín hiệu	Theo yêu cầu của khách hàng
Ai	Thợ may sẽ có khả năng
Làm gì	May túi dọc
Trong thời gian	15 phút
Tiêu chuẩn	- Túi may đúng vị trí, êm phẳng - Đúng kích thước, đúng vế - Mật độ may: 5 mũi/1cm - Đảm bảo an toàn và vệ sinh công nghiệp

Mục tiêu trên có thể phát biểu như sau: Cung cấp kích thước túi khi có yêu cầu của khách hàng, thợ may sẽ có khả năng may túi dọc trong thời gian 15 phút, đạt tiêu chuẩn: túi đúng vị trí, êm phẳng, đúng kích thước, đúng vế, mật độ may 5 mũi/1cm và đảm bảo an toàn, vệ sinh công nghiệp.

- * Xác định phương pháp và phương tiện dạy học.
- * Xác định cấu trúc bài giảng.
- * Xác định phương pháp kiểm tra đánh giá.

2.2. Giáo viên thực hành

2.2.1. Lựa chọn công việc thực hành cho học sinh

- Chọn công việc có quy trình phù hợp với mục đích học tập và có ý nghĩa thực tế.

- Chọn những công việc mà các nghề đào tạo trong trường đều giải quyết.
- Công việc phải đa dạng, phong phú.
- Công việc phải có tính điển hình, đặc trưng cho nghề đào tạo.
- Chọn công việc phải đảm bảo chỉ tiêu kinh tế.
- Chú ý tới cơ sở vật chất của nhà trường.

2.2.2. Định mức công việc thực tập cho học sinh

- Thúc đẩy tính tích cực, tinh thần trách nhiệm của học sinh trong quá trình thực tập.
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị dụng cụ thực tập.
- Duy trì nội quy, kỷ luật lao động, học tập.
- Giáo viên xác định năng suất lao động cũng như hiệu quả sử dụng các thiết bị giảng dạy và học tập.
- Đối với nhà trường, định mức có tác dụng cung cấp số liệu chính xác.

2.2.3. Chuẩn bị điều kiện cho hoạt động dạy và học thực hành

- Chuẩn bị những trang thiết bị, máy móc, phương tiện, dụng cụ luyện tập cho từng đề mục.
- Bố trí xem xét đến nơi làm việc của giáo viên và học sinh.
- Xem xét các yếu tố ánh sáng, nhiệt độ, môi trường làm việc.
- Nghiên cứu các yếu tố thẩm mỹ.
- Nghiên cứu các yếu tố về an toàn, vệ sinh công nghiệp.

2.2.4. Chuẩn bị về mặt tổ chức cho học sinh luyện tập

- Nơi thực tập là hiện trường luyện tập được trang bị đặc biệt để học sinh các lớp luyện tập theo một nghề xác định.
- Tổ chức nơi thực tập một cách khoa học, có ý nghĩa đối với quá trình đào tạo tổng thể và quá trình hướng dẫn một ca thực tập của giáo viên cũng như quá trình luyện tập của học sinh.
- Tổ chức nơi thực tập cần thỏa mãn các yêu cầu sư phạm và kỹ thuật, phản ánh nét đặc trưng của việc dạy một nghề cụ thể như: nội dung dạy, quá trình dạy, thời gian và trình tự dạy.

2.2.5. Soạn giáo án thực hành theo mẫu quy định

2.3. Thực hiện bài giảng

Cấu trúc thực hiện một bài giảng lý thuyết gồm 5 bước:

- Tổ chức ổn định lớp.
- Kiểm tra bài cũ.

- Giảng bài mới.
- Hệ thống, củng cố bài.
- Câu hỏi, bài tập, hướng dẫn dẫn dò.

Cấu trúc thực hiện một bài giảng thực hành

- Giai đoạn hướng dẫn mở đầu.
- Giai đoạn hướng dẫn thường xuyên.
- Giai đoạn hướng dẫn kết thúc.

3. Những công việc sau bài giảng

- Đối với giáo viên: Tự đánh giá về sự thực hiện bài giảng về các mặt: nội dung, thời gian, phương pháp, phong cách sư phạm, quan hệ giao lưu...

- Đối với học sinh: Tự đánh giá quá trình lĩnh hội bài giảng của giáo viên về các mặt: phương pháp tiếp thu bài, mức độ nắm nội dung bài đã phối hợp các giác quan của mình trong giờ học ở mức độ nào.

III. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CỦA BÀI GIẢNG

Trong thực tế giảng dạy có thể có những bài học rất khác nhau. Mỗi bài trong hệ thống bài học của mỗi môn hay mỗi đề mục có mục đích, nội dung, phương pháp tiến hành riêng. Những nhân tố này quyết định cấu trúc của bài và đặc tính làm việc của giáo viên và học sinh. Mặc dù bài học đa dạng nhưng đều phải thoả mãn một số yêu cầu chung. Các yêu cầu này được thực hiện đúng sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng và hiệu quả của bài giảng.

1. Đảm bảo tính tư tưởng của bài giảng

Thông qua bài giảng mà bồi dưỡng cho học sinh:

- Thế giới quan khoa học.
- Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Những phẩm chất của người lao động mới, bao gồm những quy tắc đạo đức, giao lưu, những hành vi, thói quen đạo đức, thói quen nghề nghiệp.
- Uốn nắn những lệch lạc như thiếu trách nhiệm, kỷ luật không nghiêm...
- Chống mê tín dị đoan.

- Biết yêu lao động, yêu người lao động, quý trọng sản phẩm của mình và của người khác làm ra.

2. Yêu cầu về lý luận dạy học

- Giáo viên phải có tâm trạng vui vẻ, nhiệt tình để tạo ra bầu không khí tâm lý tốt giữa giáo viên và học sinh, giữ thái độ nghiêm túc và cởi mở, chan hoà để làm cho tiết học không căng thẳng.

- Giáo viên cần nắm được đặc điểm tâm lý chung của cả lớp, của từng cá nhân để ứng xử thích hợp.

- Điều khiển sự chú ý của học sinh.

- Bồi dưỡng và kích thích hứng thú cho học sinh.

- Khơi dậy tính tích cực, tự giác, độc lập trong việc lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo ở người học sinh.

3. Yêu cầu vệ sinh, an toàn lao động trong học tập

- Lớp học lý thuyết phải đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên hay nhân tạo, nhiệt độ, không khí vừa phải trong lành. Trong giờ học lý thuyết, mỗi tiết học chỉ kéo dài 45 đến 50 phút và phải nghỉ 5 đến 10 phút để trí óc.

- Lớp học thực hành phải đảm bảo không những ánh sáng, nhiệt độ, không khí, không bụi, ít tiếng ồn mà phải chú ý đến các yếu tố gây mệt mỏi khác như: độ ẩm, khí độc, phòng cháy và an toàn lao động.

IV. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT BÀI GIẢNG

Bài học là hình thức cơ bản của công tác dạy học. Phương pháp dự lớp (quan sát trực tiếp công tác giáo dục - giảng dạy của giáo viên) có vị trí quan trọng. Vì vậy, phương pháp này cần thường xuyên được tổ chức để các giáo viên cùng trao đổi kinh nghiệm, đồng thời để kiểm tra năng lực của giáo viên.

1. Trình tự các bước của việc dự lớp

1.1. Chuẩn bị dự lớp

* Lập kế hoạch dự lớp:

- Thời gian dự.

- Thành phần tham dự.

- Dự lớp nào, giáo viên nào.

- Xác định những trọng tâm quan sát.

* Lựa chọn trọng tâm quan sát:

- Lựa chọn mục đích dự lớp.
- Nâng cao trình độ cho người giảng và người dự. Ở đây ta xem xét đến các đối tượng dự như: Giáo viên giàu kinh nghiệm, có phương pháp giảng dạy mới, việc vận dụng những cách thức tổ chức điều khiển lớp đạt hiệu quả cao trong quá trình sư phạm...

- Lựa chọn môn học hay đề mục nào có ý nghĩa và đạt mục đích dự lớp để ra.

- Lựa chọn lớp nào cần phải dự lớp để phát hiện tình hình học tập, thái độ học tập, hay phát hiện những vấn đề khác.

- Xác định những trọng điểm và nội dung quan sát.

* Trao đổi giữa người dự và người giảng:

- Thông báo tên bài giảng

- Mục tiêu bài giảng.

- Dự kiến phương pháp, phương tiện.

- Thông báo về tình hình, đặc điểm của học sinh trong lớp.

- Thông báo về các biện pháp tổ chức tiết học.

1.2. Thực hiện dự lớp

* Tư cách người dự lớp:

- Người dự phải đến trước 5 phút khi bắt đầu tiết học.

- Khi có tín hiệu vào lớp, người dự bước vào lớp và ngồi ở cuối lớp. Giáo viên giới thiệu người dự với học sinh.

- Khi dự không được phép can thiệp vào quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh, không được trao đổi làm mất trật tự.

- Biên bản dự lớp: Người dự phải ghi biên bản dự lớp đã chuẩn bị trước.

* Bình giảng:

- Sau mỗi lần dự lớp, người dự và người giảng tổ chức bình giảng buổi dự đó ngay trong ngày, tại một địa điểm thích hợp, thuận lợi. Cơ sở để đánh giá bài giảng là mục tiêu bài giảng. Mục tiêu này căn cứ vào chương trình đào tạo, vào kết quả quan sát. Sau đó người dự và giáo viên giảng ký vào biên bản dự lớp.

2. Phân tích các bài học

2.1. Phân tích một bài giảng lý thuyết

- Phân tích tình hình chung của bài giảng.

- Phân tích việc tổ chức, sử dụng phương pháp dạy học.

- Phân tích nội dung bài giảng.
- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu bài học.
- Quan sát bổ sung.

2.2. Phân tích bài giảng thực hành

Đối với một bài giảng thực hành, ta cần phân tích các nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích, yêu cầu bài học (hoặc mục tiêu bài học).
- Các điều kiện làm việc.
- Công việc hướng dẫn ban đầu.
- Công việc hướng dẫn thường xuyên.
- Công việc hướng dẫn kết thúc.
- Quan sát bổ sung.

Tuỳ theo tình hình cụ thể và nội dung của bài học mà mỗi giáo viên có thể tập trung vào những vấn đề quan trọng, phù hợp.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày và phân tích các công việc chuẩn bị của người giáo viên? Liên hệ với thực tế?
2. Làm thế nào để nâng cao chất lượng bài giảng?
3. Hãy trình bày và phân tích công tác dự giờ, bình giảng?
4. Biên soạn một bài giảng (tự chọn) và thực hiện trên lớp theo chuyên môn đang giảng dạy?
5. Dự và phân tích một giờ dạy của đồng nghiệp?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lý luận dạy học đại cương* - Nguyễn Ngọc Quang - Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương I. H, 1989. Tập I. Tập II, 1986.
2. *Giáo trình giáo dục học nghề nghiệp* - Nguyễn Đức Trí (Chủ biên) - Trường cao đẳng Sư phạm kỹ thuật I. H, 1997.
3. *Phương pháp dạy học kỹ thuật công nghiệp* - Nguyễn Văn Bính (Chủ biên) - Trường đại học Sư phạm. H, 1991.
4. *Mô đun kỹ năng hành nghề* - Nguyễn Minh Đường, Lê Trần Lâm, Đỗ Huân - NXB Khoa học kỹ thuật. H, 1993.
5. *Phương tiện dạy học* - Tô Xuân Giáp - NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
6. *Sử dụng thiết bị nghe nhìn trong dạy học* - Đỗ Huân - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. H, 2001.
7. *Sư phạm kỹ thuật* - Trần Khánh Đức - NXB Giáo dục. H, 2002.
8. *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập* - Dương Thiệu Tống - Trường đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
9. *Trắc nghiệm và đo lường cơ bản trong giáo dục* - Nghiêm Xuân Nùng, Lâm Quang Thiệp - Bộ Giáo dục và Đào tạo. In lần thứ 2 có sửa chữa. Hà Nội, 1996.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	3
<i>Bài mở đầu</i>	5
Chương 1. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ	10
I. Nhập môn lý luận dạy học	10
II. Quá trình dạy học trong trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề	12
III. Mục đích và ý nghĩa của hoạt động dạy học	16
IV. Các nhiệm vụ dạy học trong trường THCN - DN	18
V. Bản chất của quá trình dạy học	22
VI. Động lực của quá trình dạy học	27
Chương 2. NỘI DUNG DẠY HỌC	31
I. Khái niệm nội dung dạy học	31
II. Cơ sở và yêu cầu đối với việc xác định nội dung dạy học ở trường THCN - DN	32
III. Nội dung dạy học cơ bản trong trường THCN - DN	33
IV. Các văn bản quy định nội dung dạy học	34
Chương 3. NGUYÊN TẮC DẠY HỌC	37
I. Khái niệm về nguyên tắc dạy học	37
II. Hệ thống các nguyên tắc dạy học	38
III. Mối quan hệ giữa các nguyên tắc	44
Chương 4. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CƠ BẢN	45

I. Các hình thức tổ chức dạy học trong trường THCN - DN.....	45
II. Phương pháp dạy học	54
Chương 5. KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, KỸ XẢO CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC.....	83
I. Mục đích ý nghĩa của việc kiểm tra - đánh giá	83
II. Yêu cầu đối với việc kiểm tra - đánh giá.....	86
III. Các hình thức kiểm tra - đánh giá.....	87
IV. Phương pháp kiểm tra - đánh giá	88
V. Cách cho điểm kiểm tra - đánh giá	92
VI. Cấu trúc bài kiểm tra	94
Chương 6. ĐỒ DÙNG VÀ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT DẠY HỌC	96
I. Khái niệm về đồ dùng và phương tiện kỹ thuật dạy học.....	96
II. Các nguyên tắc sư phạm đối với phương tiện dạy học	97
III. Các nguyên tắc sư phạm trong việc sử dụng phương tiện dạy học.....	100
IV. Đồ dùng dạy học phổ biến và cách sử dụng.....	102
V. Phương tiện kỹ thuật dạy học, phạm vi ứng dụng, cách sử dụng....	103
Chương 7. NHỮNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ CỦA NGƯỜI GIÁO VIÊN TRONG HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY.	107
I. Các chức năng hoạt động cơ bản của người giáo viên.....	107
II. Những công việc cụ thể trong hoạt động giảng dạy.....	109
III. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của bài giảng	115
IV. Nội dung, phương pháp phân tích, đánh giá một bài giảng....	116
<i>Tài liệu tham khảo</i>	119

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 - TỔNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐT: (04) 8252916, 8257063 - FAX: (04) 8257063

GIÁO TRÌNH
LÝ LUẬN DẠY HỌC
NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2006

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:

TRƯƠNG ĐỨC HÙNG

Bìa:

VĂN SÁNG

Trình bày - Kỹ thuật vi tính:

HÀ SƠN

Sửa bản in:

PHẠM THU TRANG

In 530c khổ 17x24cm. Tại cơ sở 2-Công ty cổ phần in 15.

GP XB số: 146-2006/CXB/93c GT-19/HN cấp ngày 24-02-2006.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2006.

BỘ GIÁO TRÌNH XUẤT BẢN NĂM 2005 - 2006
KHỐI TRƯỜNG BỒI DƯỠNG CÁN BỘ GIÁO DỤC

- | | |
|---|---------|
| 1. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ | - 4 TẬP |
| 2. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG MẦM NON | - 4 TẬP |
| 3. BỒI DƯỠNG HIỆU TRƯỞNG TIỂU HỌC | - 6 TẬP |
| 4. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC 1 | - 4 TẬP |
| - LÝ LUẬN DẠY HỌC | |
| - TÂM LÝ HỌC | |
| - TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VÀ DẠY NGHỀ | |
| - LÝ LUẬN GIÁO DỤC | |
| 5. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM BẬC 2 | - 6 TẬP |
| - CHUYÊN ĐỀ TÂM LÝ HỌC NGHỀ NGHIỆP | |
| - CHUYÊN ĐỀ TỰ CHỌN | |
| - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NGHỀ NGHIỆP | |
| - PHƯƠNG PHÁP BỘ MÔN | |
| - MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | |
| - LÔGÍC HỌC HÌNH THỨC | |
| 6. BỒI DƯỠNG VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG HỌC | |
| 7. BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THƯ VIỆN TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG | |
| 8. BỒI DƯỠNG NHÂN VIÊN THIẾT BỊ TRƯỜNG THCS | |

GT Lý luận dạy học



1011080000120

17,000

Giá: 17.000đ